

Số 141

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

30 năm thành lập
GHPGVN

Tr. 6

Ngày Nhà giáo
20-11

Tr. 36

*Vườn
thương yêu*

Tr. 26



TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ

Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen đang thực hiện dự án đầu tư “Trồng rừng, bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái núi Nôm B’lumu”.

* Địa điểm: xã Đạ M’ri, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

* Chủ tịch công ty: Ông Lê Phước Vũ.

Công ty tuyển dụng 05 quản lý dự án sau:

Giám sát công trình XD, kế toán, quản lý trồng rừng.

1. Điều kiện:

- Trình độ tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên;
- Tuổi từ 30 – 50;
- Phật tử (Ưu tiên người ăn chay trường);
- Thật thà, chịu khó trong công việc.

2. Hồ sơ ứng viên:

- Đơn xin việc;
- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao hộ khẩu gia đình, CMND;
- Các văn bằng liên quan chuyên môn.
- 4 ảnh 3x4.

3. Nơi nhận hồ sơ:

Ông Trần Huy Tâm - Tập đoàn Hoa Sen (HSG)
94-96 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM. ĐT: 0942329799.
hoặc Thôn 2, xã Đạ M’ri, huyện Đạ Huoai, Lâm Đồng.

4. Thời gian nhận hồ sơ đến hết 20/11/2011.

Công việc, mức lương và các quyền lợi khác cụ thể được trao đổi khi phỏng vấn.



Công ty TNHH TM-SX QUANG NGHỆ

光 QUANG NGHE CO., LTD. 藝
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

* Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

* Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.



Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước.

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5 - Q.11 - TP.HCM

ĐT: (08) 38840.322 - 22000.993 - **Fax:** (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

Khu ẩm thực chay sân vườn Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thủ Bày & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Trảng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mừng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h - 21h)

Nhận đặt tiệc

- Liên hoan - Sinh nhật - Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn



PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.

- ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036



Hương Thiên

Nhà hàng chay Thái Lan

- ♦ Thực đơn chay phong phú
- ♦ Không sử dụng bột ngọt, không hóa chất độc hại
- ♦ Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu...

ĐC: B10 Trường Sơn, P.15, Quận 10
Tel: 08.3970.5471 - **Fax:** 08.3970.6084

Web: www.huongthien.net
Email: info@huongthien.net



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngochich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

- Cửa hàng 1: 10 Khu B, Trường Sơn, P.15, Q.10 - ĐT: (08) 3970.5471
- Cửa hàng 2: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752
- Cửa hàng 3: 237 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0511) 3692.799
- Cửa hàng 4: Siêu thị Hoàng Lan, 615 - 616 QL.1A, Trảng Borm, Đồng Nai

QUÁN CHAY



Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT: 35 035 579

viet-art

HỌA PHẨM: LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: 84-8-3551 1942 - **Fax:** 84-8-3510 8212

Email: vietartsupply@gmail.com

❑ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

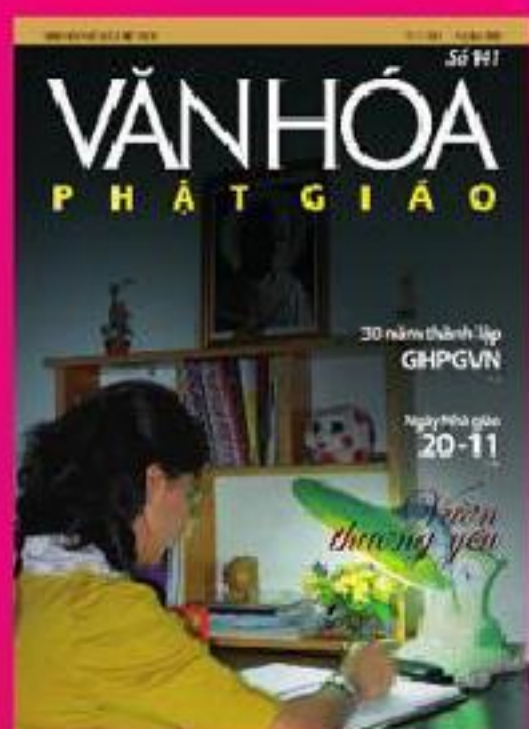
○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

○ **ĐTDD: 0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Chắp tay tôi lay người (Quảng Thiện)	3
Sương mai	5
Phật giáo Việt Nam truyền thống và thành tựu 30 năm qua (Bùi Hữu Dược)	6
Giá trị di sản Hán Nôm trong lĩnh vực nghiên cứu Phật học (Thích Hoằng Trí)	10
R.M. Rilke và thơ Hải cú (Thái Kim Lan giới thiệu và chuyển ngữ)	14
Xây dựng niềm tin (Huyền Hương)	16
Duyên sanh và từ bi (Nguyễn Thế Đăng)	18
Ghi trên đường về thăm lại chùa xưa (Đức Trí)	20
Tụng kinh (Hoàng Tá Thích)	22
Khó khăn việc học thiền (Phan Minh Đức)	24
Vườn thương yêu (Peggy Rowe-Ward và Larry Ward, Thị Giới lược dịch)	26
Lễ hội "Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn", những giá trị văn hóa cần giữ gìn và phát triển (Đình Đức Hiến)	29
Goòng lú Lâm Đồng (Trịnh Chu)	32
Kiến trúc ở làng quê Bình Định (Huỳnh Kim Bửu)	34
Ngày Nhà giáo 20-11: Thư gửi học trò cũ (Nguyễn Cẩn)	36
Mẹ, người thầy bị lãng quên (Hải Trình)	38
Lớn lên từ cách "đối nhân xử thế" của cha (Ngô Thị Hương Quế)	39
Kể con nghe về Trường Sa đi cò (Hoàng Thị Giang)	40
Về một người thầy (Nguyễn Xuân Chiến)	42
Bài học ở trường làng (Tường Linh)	44
Con đường mùa đông (Giáng Hương)	46
Buông (Tiểu Trúc)	48
Mẹ và chiếc "ba gác" (Phạm Thị Khuyên)	49
Vườn bơ của thầy Tuấn (Lý Thị Minh Châu)	50
Thơ	52
Vụ tai nạn trên Đường số 2 (truyện ngắn của Voicu Mihnea Simandan, Hà Duy An dịch)	54
La là cánh cò (Lê Thị Chân Tú)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	59
Món chay: Rong biển rang (Hoàng Anh - Phú Xuân)	60

Bìa 1: Đèn khuya soi giáo án. Ảnh: Ngô Văn Thông.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tuần lễ vừa qua tại thủ đô Hà Nội, Đại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được tổ chức trọng thể, là đỉnh cao của cả một mùa kỷ niệm đã diễn ra trên khắp nước trong gần một tháng trước đó. Sự kiện này đánh dấu những thành tựu của GHPGVN về những cố gắng phát triển giáo lý Phật-đà trong lòng người Việt ở thời đương đại, thời toàn cầu hóa với những kết quả và hệ quả của tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, thời con người hoang mang trước sự đổ vỡ niềm tin hầu như ở khắp mọi nơi, thời con người cần đưa vào đức tin hơn bao giờ hết. Chúng ta tin tưởng rằng những thành tựu đã đạt được sẽ tiếp tục được phát huy để sớm góp phần xây dựng cho đất nước Việt Nam một xã hội an lạc.

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 141 này được phát hành nhân dịp ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 với một số bài viết về sự tôn vinh, tri ân những người thầy đã có những đóng góp vào việc xây dựng con người, đào tạo nhân tài nhân cách của người Việt. Mong sao truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam vẫn được nối tiếp, sáng mãi trong nhà trường, ngoài xã hội, vượt qua những suy thoái đạo đức thường thấy trong thời đại ngày nay.

Như đã thưa trước trong số báo 140, lịch Văn Hóa Phật Giáo năm Canh Dần 2012 đã in xong. Tòa soạn sẽ sắp xếp để gửi biếu độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu trong thời gian sớm nhất. Chúng tôi hy vọng rằng lịch VHPG năm nay tiếp tục là một món quà tinh thần thể hiện được sự biết ơn của tập thể những người làm báo đến tất cả mọi người vẫn luôn quan tâm đến sự tồn tại của VHPG.

Trọng niềm vui trước những thành tựu của GHPGVN 30 năm qua, VHPG chân thành kính chúc quý độc giả tràn đầy pháp lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Chắp tay tôi lạy người

QUẢNG THIÊN

Gần đây, khi xem tin thời sự trên hệ thống truyền hình, tôi thật sự có ấn tượng về những hình ảnh của vị nữ Thủ tướng Thái Lan Yingluck Shinawatra. Mỗi khi xuất hiện trước đám đông dân chúng, trong những buổi lễ, hay trước các dân biểu trong Quốc hội, bà luôn luôn chắp hai tay trước ngực để vái chào mọi người trước khi nói chuyện. Một hình ảnh rất Á Đông và rất quen thuộc với những Phật tử Việt Nam.

Theo nhận xét của tôi, ở các nước phía Tây nước ta như Campuchia, Lào, Myanmar, Ấn Độ v.v... trong những tình huống trang trọng, người ta vẫn thường chắp tay trước ngực xá người đối diện trước khi bắt tay theo kiểu Tây phương; hoặc là chỉ xá người đối diện chứ không cần bắt tay. Tôi xem TV các chương trình thời sự đưa tin các phái đoàn cấp cao các nước nói trên đến viếng nước ta và nhận thấy trong các buổi tiếp đón, các vị khách đều chắp tay trước ngực trước khi bắt tay các quan chức của nước ta. Có lẽ họ phải bắt tay vì các quan chức Việt Nam đưa tay ra trước. Tôi để ý thấy, trong các chương trình thời sự về các cuộc viếng thăm Việt Nam của các nguyên thủ quốc gia, như Quốc vương Norodom Sihamoni của Campuchia và bà Tổng thống Pratibha Devisingh Patil của Ấn Độ khi sang thăm Việt Nam họ luôn luôn chắp

tay vái quan khách và người đối diện, không thấy họ bắt tay theo kiểu Tây phương.

Tôi có một thời gian đi nghiên cứu giáo dục ở Ấn Độ. Khi chúng tôi đi thăm các trường trung học và đại học ở Ấn tôi nhận thấy các giáo viên, giáo sư đều chắp tay vái chào nhau. Điều đáng chú ý là phần đông họ là người theo đạo Hindu (Ấn giáo), rất ít người trong số họ là người theo đạo Phật. Tôi có hỏi một vị giáo sư Ấn Độ về ý nghĩa của việc họ chắp tay vái người đối diện khi gặp gỡ thì vị ấy cho biết đó là cung cách của người theo đạo Hindu thể hiện sự tôn trọng người đối diện.

Khi tìm hiểu về ý nghĩa của "chắp tay" trong đạo Phật, tôi tìm được một lời giải thích như dưới đây của TT. Thích Phước Thái trong mục 100 câu hỏi Phật pháp trên trang web của chùa Quang Minh. Trả lời câu hỏi về ý nghĩa của "chắp tay", TT. Thích Phước Thái viết như sau:

"Chắp tay, nguyên tiếng Hán Việt là Hiệp chương. Tiếng Phạn là Anjali. Hiệp chương còn gọi là hiệp thập. Theo Từ điển Phật học Huệ Quang tập 4 trang 2863 có giải thích như sau: 'Chắp hai bàn tay, tập trung tư tưởng, cung kính lễ bái. Đây là cách lễ bái từ xưa ở Ấn Độ, được Phật giáo thật hành theo.' Người Ấn Độ cho rằng tay phải là tay thần thánh, tay trái là tay bất tịnh. Nhưng nếu hai tay hiệp lại làm một thì trở thành sự hợp nhất giữa phương diện thánh

thiện và nhiếp ô, cho nên hiệp chúng là biểu hiện bộ mặt chân thật nhất của con người. Nghĩa ‘Bất cấu bất tịnh’ trong Bát Nhã Tâm Kinh chính là ý này”.

Vậy thì việc nhiều người ở Ấn Độ chấp tay vái chào người đối diện không liên quan gì đến Phật giáo. Có lẽ đúng như tài liệu vừa trích dẫn trên đây, Phật giáo, vốn có nguồn gốc từ Ấn Độ, đã thực hành theo cung cách của người Ấn Độ từ xưa.

Nhưng đối với người Phật tử, việc chấp tay xá người đối diện có một ý nghĩa sâu xa hơn là biểu lộ sự tôn kính người đối diện. Tôi đã may mắn được một người bạn đồng nghiệp dạy học giảng cho tôi nghe về ý nghĩa mà anh ấy gọi là “ý nghĩa sâu xa” của việc chúng ta chấp tay trước ngực vái hay xá người đối diện bất kể người đó là ai. Anh ấy là một người tu tại gia, ăn chay trường, ngoài công việc dạy học ra anh dành toàn bộ thời gian để tu tập. Anh đến trường dạy học, gặp đồng nghiệp hay bất cứ ai trong trường, anh gác cổng hay chỉ tập vụ, anh đều chào hỏi bằng cách chấp hai tay trước ngực. Vào lớp anh cũng chào sinh viên như vậy. Tôi lấy làm thắc mắc và hỏi anh thì anh đáp, “Tôi vái người đối diện như vậy là tôi vái lạy vị Phật trong họ, trong mỗi người đều có một vị Phật”.

Tôi không biết, khi các Tăng Ni và các Phật tử thường cung kính chấp hai tay trước ngực để chào nhau, họ có cùng quan điểm như anh bạn cư sĩ đồng nghiệp của tôi về ý nghĩa của việc chấp tay vái (hay xá) người đối diện khi chào hỏi nhau hay không. Nhưng đối với người Phật tử sơ cơ như tôi thì tôi cho đó là một cách giải thích thỏa đáng và thú vị.

Đọc kinh sách Phật, chúng ta luôn luôn nghe nói đến Phật tánh trong mỗi chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì vô minh che lấp nên Phật tánh trong mỗi chúng sanh không được hiển lộ. Tu theo Chánh pháp là vun đắp trí tuệ và phát triển lòng từ bi, phá bỏ ngã chấp, mê lầm để có thể dần dần nhận ra được Phật tánh của mình, thấy được bản lai diện mục của mình. Bản lai diện mục của chúng ta là Phật. Đức Phật đã dạy “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”.

Lời giải thích của anh bạn cư sĩ đồng nghiệp dạy học của tôi về ý nghĩa của việc chấp tay xá người, theo tôi, càng được củng cố thêm bởi câu chuyện về Bồ-tát Thường Bất Khinh trong phẩm 20, kinh Pháp Hoa:

Bấy giờ, có vị Bồ-tát Tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh. Đắc Đại Thế! Vì cớ gì tên là Thường Bất Khinh? Vì vị Tỳ-kheo đó phạm khi ngó thấy hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, thấy đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: “Tôi rất kính quý Ngài chẳng dám khinh mạn. Vì sao? Vì quý Ngài đều tu hành đạo Bồ-tát sẽ được làm Phật”.

Mà vị Tỳ-kheo đó chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ đi lễ lạy, nhìn đến xa thấy hàng tứ chúng, cũng cố qua lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: “Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ làm Phật”. Trong hàng tứ chúng có người lòng bất tịnh sanh giận hờn, buông lời ác mắng

nhỉếc rằng: “Ông vô trí Tỳ-kheo này từ đâu đến đây tự nói ta chẳng khinh ngài, mà thọ ký cho chúng ta sẽ được làm Phật, chúng ta chẳng dùng lời thọ ký hư dối như thế”.

Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc chẳng sanh lòng giận hờn, thường nói: “Ngài sẽ làm Phật”. Lúc nói lời đó, chúng nhân hoặc lấy gậy cây ngói đá để đánh ném. Ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xưng rằng: “Ta chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật”. Bởi ông thường nói lời đó, nên hàng tăng thượng mạn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di gọi ông là Thường Bất Khinh.

Vị Tỳ-kheo đó lúc sắp chết, nơi giữa hư không nghe trọn hai mươi nghìn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của Đức Oai Âm Vương Phật đã nói thuở trước, nghe xong đều có thể thọ trì, liền được nhân căn thanh tịnh, nhĩ, tỳ, thiệt, thân cùng ý căn thanh tịnh như trên. Được sáu căn thanh tịnh đó rồi lại sống thêm hai trăm muôn ức na-do-tha tuổi, rộng vì người nói kinh Pháp Hoa đó.

Lúc đó hàng tăng-thượng-mạn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khinh tiện vị đó đặt cho tên “Bất-Khinh” nay, thấy vị đó được sức thần thông lớn, đức nhạo thuyết biện, sức đại thiện tịch (6) nghe vị đó nói pháp đều tin phục tùy tùng.

Vị Bồ-tát đó giáo hóa nghìn muôn chúng khiến trụ trong vô thượng chánh đẳng chánh giác. Sau khi mạng chung được hai nghìn ức Phật đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh ở trong pháp hội đó nói kinh Pháp Hoa này. Do nhân duyên đó lại gặp hai nghìn ức Phật đồng hiệu là Văn Tự Tại Vương, ở trong pháp hội của các Đức Phật đó thọ trì, đọc tụng, vì hàng tứ chúng nói kinh điển này, cho nên được mắt thanh tịnh thường trên đó, tai mũi lưỡi thân cùng ý các căn thanh tịnh, ở bốn chúng nói pháp lòng không sợ sệt.

Đắc Đại Thế! Vị Thường Bất Khinh đại Bồ-tát đó cúng dường bao nhiêu Đức Phật như thế, cung kính tôn trọng ngợi khen, trồng các gốc lành. Lúc sau lại gặp nghìn muôn ức Phật cũng ở trong pháp hội các Đức Phật nói kinh điển này, công đức thành tựu sẽ được làm Phật.

Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Thường Bất Khinh Bồ-tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính thân ta đó.

Như vậy thì có thể nói, khi chúng ta chào hỏi người đối diện, không phân biệt người đó là ai, bằng cách xá với hai tay chấp trước ngực, thì không phải chỉ để tỏ lòng kính trọng người đó, mà chính là chúng ta đang thực hành hạnh Thường Bất Khinh mà Đức Phật đã dạy.

Hiểu rõ ý nghĩa và biết thực hành hạnh Thường Bất Khinh, người con Phật khẳng định niềm tin hướng đến trí tuệ giải thoát; biết thể hiện thái độ khiêm cung của mình, nhờ đó mà dễ dàng tạo được sự hòa hợp; có lòng kính trọng tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác, địa vị xã hội, trình độ học thức... vì hiểu rõ thực sự mọi người đều có những giá trị đáng kính trọng, đó chính là giá trị của tuệ giác giải thoát, điều đã được Đức Phật nêu rõ khi dạy chúng sanh rằng, Ta là Phật đã thành, còn các người là Phật sẽ thành. ■

**Những ai đã đoạn trừ
Cả tham, sân, và ái
Nói lên lời đúng pháp
Họ mới thật thiện nhân.**

*Kinh Tương Ứng Bộ, tập I, chương 7,
Tương Ứng Bà-la-môn*





Phật giáo Việt Nam

Truyền thống và thành tựu 30 năm qua

BÙI HỮU DƯỢC

Lời Tòa Soạn: Tạp chí Văn hóa Phật Giáo nhận được bài viết dưới đây do ông Bùi Hữu Dược, Vụ trưởng Vụ Phật giáo thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ, gửi đến, thể hiện một nhận định về hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam suốt ba mươi năm qua. VHPG xin giới thiệu đến quý vị độc giả để cùng suy nghiệm.

Văn Hóa Phật Giáo



Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất diễn ra tại thủ đô Hà Nội trong thời gian từ 4 - 7/11/1981, với đại diện của chín tổ chức, hệ phái Phật giáo trong nước lúc bấy giờ, đã cùng nhau nhất trí thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), với đường hướng hành đạo là "Đạo pháp-Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội." Sự ra đời của GHPGVN là cơ duyên để Phật giáo Việt Nam ngày thêm gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Trải qua 30 năm, GHPGVN đã khẳng định truyền thống tốt đẹp bằng những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Gần hai ngàn năm gắn bó cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam luôn thể hiện là tôn giáo lớn, yêu nước và tỏ rõ vai trò "*Hộ quốc-An dân*". Từ xa xưa, nhiều triều đại phong kiến ở nước ta đã biết vận dụng triết lý đạo Phật để xây dựng và phát triển đất nước. Dưới thời Lý và thời Trần,

đạo Phật được xem là Quốc đạo của người Việt; các thiền sư như Vạn Hạnh, Khánh Vân, Không Lộ, Tuệ Tĩnh,... vừa là nhà sư, là danh y cứu độ chúng sinh, vừa là nhà chính trị, nhà ngoại giao phò vua giúp nước. Đa số các vị vua, quan đều là những Phật tử, am hiểu sâu sắc Phật pháp, biết chuyển hóa tư tưởng, triết lý sống của Phật giáo để dựng đạo tạo đời tốt đẹp. Nhờ thế đạo Phật ăn sâu, bén rễ trong tâm tư tình cảm, lối sống đạo đức của đông đảo người Việt, trở thành một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của bản sắc văn hóa Việt Nam, để Phật giáo luôn có mặt qua các hoạt động trong đời sống của đông đảo người Việt, gắn bó cùng dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa ấy để ngày nay nếp sống Phật giáo đã trở thành nhu cầu, thói quen của đông đảo nhân dân. Trong hai cuộc cách mạng thần thánh của dân tộc ta chống đế quốc Pháp và quân xâm lược Mỹ, tinh thần vô úy của Phật giáo được phát huy, người có tâm Phật dám xả thân vì sự bình yên cho dân lành, phù hợp với tư tưởng "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự tương đồng ấy đã trở thành động lực, thành ý chí góp phần cho sự đoàn kết đồng lòng của toàn quân và toàn dân, thực hiện thành công cuộc kháng chiến chống xâm lược của hai đế quốc lớn, tạo nên thời đại Hồ Chí Minh vẻ vang trong lịch sử dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tăng, Ni, Phật tử đã nêu cao tinh thần đại hùng, đại lực của Phật giáo, bất khuất trước kẻ thù xâm lược, nhiều nhà sư "*cởi áo cà sa khoác chiến bào*" tòng quân đánh giặc cứu dân, cứu nước. Cùng với cả nước đánh giặc, nhiều chùa là nơi nuôi giấu cán bộ cách mạng, cất trữ vũ khí, tổ chức hội họp bí mật. Cùng với chống giặc ngoại xâm, đông đảo tín đồ, Phật tử tham gia diệt giặc đói, giặc dốt, thực hiện chùa là trường học, nhà sư là thầy giáo, ở khắp nơi chùa trở thành nơi vận động cứu tế giúp đỡ người nghèo. Những hoạt động thiết thực của Phật giáo đã góp phần quan trọng tạo nên thắng lợi to lớn, đập tan ách đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tiếp nối truyền thống "*Hộ quốc-An dân*", Phật giáo miền Nam đã dũng cảm xuống đường đấu tranh chống ách kìm kẹp của Mỹ, ngụy, cổng chùa mở rộng cửa cho thanh niên lui tới, vừa tu học Phật pháp vừa phản đối chiến tranh tởm lòng yêu nước. Nhiều Tăng, Ni, Phật tử đã "*dấn thân*" làm cách mạng, trở thành chiến sĩ, giao liên, cán bộ binh vận, vận động binh lính ngụy đình chiến, phản chiến,... Tháng 11 năm 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chiến tranh, phản đối ngụy quyền tay sai đàn áp Phật giáo, đòi tự do tôn giáo và độc lập dân tộc. Hành động đó đã làm rung chuyển lương tâm của nhân loại tiến bộ, tạo làn sóng khắp thế giới phản đối đế quốc Mỹ xâm lược, ủng hộ chính nghĩa Việt Nam. Khi hay tin về sự

hy sinh của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

*Vị Pháp thiếu thân, vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt,
Lưu danh thiên cổ, bách niên chính khí rạng sơn hà.*

Đồng tâm cùng Phật giáo miền Nam, Phật giáo miền Bắc tích cực vận động các chức sắc tín đồ cùng toàn dân, toàn quân đoàn kết thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHCN ở miền Bắc và chi viện cho cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam để thống nhất nước nhà. Với tinh thần "Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách", nhiều nhà sư đã tình nguyện tòng quân, vượt Trường Sơn vào Nam chiến đấu. Tổ chức Phật giáo miền Bắc chủ động lên tiếng đấu tranh tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên nhiều diễn đàn quốc tế; tham gia sáng lập và hoạt động trong Tổ chức Phật giáo châu Á vì Hòa bình (ABCP). ... góp phần làm cho thế giới hiểu rõ hơn về cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Những đóng góp của Phật giáo cả nước đã góp phần tích cực cho công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước vào 30/4/1975.

Đất nước được độc lập, tôn giáo được tự do, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện tâm nguyện của các bậc Tổ sư tiền bối, được sự giúp đỡ của Nhà nước, từ ngày 4 - 7/11/1981, Đại hội thống nhất Phật giáo cả nước diễn ra tại thủ đô Hà Nội. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, Phật giáo cả nước thống nhất trong một tổ chức chung mang tên Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN). GHPGVN ra đời có ý nghĩa quan trọng đối với việc ổn định tư tưởng và thống nhất tổ chức Phật giáo nước nhà, tạo cơ sở đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, bước vào công cuộc xây dựng, đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế đã có nhiều tác động và làm nảy sinh những vấn đề mới đối với tôn giáo. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, xuyên tạc đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, kích động một bộ phận nhân dân gây mất ổn định chính trị - xã hội, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Thông qua những kẻ đội lốt Phật giáo ở nước ngoài, chúng hạ hời tiếp sức cho các phần tử Phật giáo cực đoan trong nước đứng ra đòi phục hồi hoạt động "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất", một trong chín tổ chức hệ phái đã tham gia vào GHPGVN nhằm chia rẽ đoàn kết, làm suy yếu Phật giáo Việt Nam. Xúi giục các phần tử thiếu thiện chí ngụy tạo nhiều sự kiện vu cáo Việt Nam đàn áp tôn giáo, vi phạm nhân quyền... Vin vào những chứng cứ ngụy tạo, Mỹ đã từng đặt Việt Nam vào danh sách các nước "cản quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo" (CPC) gây không ít khó khăn cho nước ta trong đối ngoại và quan hệ kinh tế quốc tế.

Trước tình hình trên, ở góc độ an ninh, chính trị, GHPGVN đã có những đóng góp tích cực, tỏ rõ truyền thống tốt đẹp, thể hiện nhận thức sâu sắc của trí tuệ Phật giáo về giá trị hòa bình, an lạc, GHPGVN đã khẳng định là tôn giáo yêu nước, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc qua

kiên định phương châm "Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội", ủng hộ chủ trương đường lối của Đảng và gương mẫu thực hiện pháp luật của Nhà nước. Lập trường kiên định, ủng hộ Đảng và Nhà nước Việt Nam của GHPGVN đã góp phần quan trọng ổn định tư tưởng trong Tăng, Ni, Phật tử qua đó tác động tích cực tới tư tưởng của đông đảo nhân dân, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, cùng nhau đoàn kết để lao động xây dựng và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Thái độ và lập trường của GHPGVN đã phản tỉnh các thế lực lợi dụng tôn giáo: Không dễ dàng chống chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam khi các tôn giáo và đông đảo nhân dân đoàn kết quanh Đảng. Trong hoạt động, Phật giáo luôn là tôn giáo gương mẫu trong thực hiện đoàn kết, góp phần tích cực tạo nên đoàn kết tôn giáo, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Sinh hoạt của Phật giáo đã góp phần làm thay đổi nhận thức của cán bộ đảng viên về tôn giáo. Nhờ có chủ trương, chính sách về tôn giáo phù hợp, trong 30 năm qua hoạt động của GHPGVN đã thu được kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực:

Năm 1981 khi mới thành lập, GHPGVN có gần 12 ngàn ngôi chùa, trên 26 ngàn vị sư tham gia sinh hoạt trong Giáo hội. Tổ chức, sau Đại hội khóa I, cấp Trung ương Hội đồng Chứng minh có 50 thành viên, Hội đồng Trị sự 50 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng Trị sự ở Trung ương có 06 ban; cấp địa phương có 28 tỉnh, thành phố có Ban Trị sự. Đào tạo có 01 Học viện Phật học Vạn Hạnh (tương đương Học viện Phật giáo ngày nay), một số trường sơ cấp Phật học, số giảng sư có trình độ tiến sĩ trong Phật giáo chưa tới 10 vị.

Sau 30 năm, GHPGVN đã có sự phát triển vượt bậc từ tổ chức cho tới những hoạt động nhằm phát triển Giáo hội và đóng góp xây dựng xã hội. Thống kê vào tháng 6 năm 2011: GHPGVN trong nước có 14.778 ngôi chùa, ngoài nước Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam sống ở nước ngoài, vận động xây dựng nhiều chùa và đã tham gia trong tổ chức GHPGVN như: Lào, Ba Lan, Séc, Nga, Ucraina, Pháp,... Tại các nước này thành lập Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài, trực thuộc tổ chức GHPGVN. Trong nước cũng như ngoài nước, nhiều ngôi chùa Việt Nam được xây dựng mới, to, đẹp, đang khẳng định phát triển của Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới. Số lượng Tăng, Ni sinh hoạt trong Giáo hội hiện có 46.495 vị. Về tổ chức, khóa VI (2007-2012), ở cấp Trung ương, Hội đồng Chứng minh có 97 thành viên, Hội đồng Trị sự có 147 ủy viên chính thức và 48 ủy viên dự khuyết, có 09 Ban chuyên môn và 01 Viện Nghiên cứu Phật học. Địa phương có 58 tỉnh, thành phố có Ban Trị sự, Ban Đại diện Phật giáo, trên 200 huyện có tổ chức Phật giáo cấp huyện. Công tác hành chính đạo của Giáo hội thống nhất và xuyên suốt từ Trung ương tới tận các chùa. Đào tạo hiện có 04 Học viện Phật giáo tại Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ; 01 trường cao đẳng Phật học, 7 lớp cao đẳng Phật học, 31 trường trung cấp Phật học, hàng trăm lớp sơ cấp Phật học, hàng năm trong nước đào tạo trên 5.000 Tăng, Ni sinh các cấp. Cùng với hệ thống

đào tạo trong nước, Tăng, Ni sinh Việt Nam du học sau đại học ở nước ngoài tới nay đã có trên 700 vị, hiện có gần 70 vị tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ về nước phục vụ Giáo hội và xã hội trong các lĩnh vực nghiên cứu Phật học, hoằng pháp, giảng dạy, quản lý,... Về thông tin, báo chí GHPGVN TW có trang web điện tử, 04 tờ tạp chí, địa phương có báo Giác Ngộ của Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh và nhiều tờ nội san của các Ban Trị sự Phật giáo địa phương, cập nhật thông tin, phản ánh kịp thời nhiều hoạt động của Giáo hội và các hoạt động xã hội cũng như chủ trương, chính sách tôn giáo của Nhà nước. Trong tổ chức GHPGVN, nhiều vị cao tăng, nhân sĩ, trí thức Phật giáo tham gia tích cực các lĩnh vực xã hội cũng như các tổ chức chính trị xã hội, nhiều vị được nhân dân tín nhiệm bầu vào đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp,... Những hoạt động tích cực ấy là những tấm gương tiêu biểu khuyến khích Tăng, Ni, Phật tử tham gia nhiều hoạt động xã hội, nêu cao tinh thần yêu nước, phát huy đạo lý từ bi, mở rộng lòng khoan dung, duy trì nếp sống lục hòa để tương trợ giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, động viên nhau hăng hái thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm và tham gia xóa đói giảm nghèo. Riêng trong công tác từ thiện xã hội, GHPGVN có 126 Tuệ Tĩnh đường là nơi khám chữa bệnh cho người nghèo, người có hoàn cảnh ốm đau khó khăn, hàng trăm ngôi chùa tổ chức nuôi dạy trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, người già không nơi nương tựa, nhiều chùa làm tốt công tác từ thiện nhân đạo. Bình quân hàng năm GHPGVN đã vận động quyên góp giúp đỡ đồng bào khó khăn hàng trăm tỉ đồng, tính riêng năm 2010 số tiền do GHPGVN vận động là 700 tỉ đồng, báo cáo tổng kết trong 30 năm GHPGVN huy động 2.020 tỉ đồng giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, bệnh tật... Tấm lòng và hành động chia sẻ của Phật giáo Việt Nam với người khó khăn không chỉ trong nước mà còn cả với nhân dân bị thiên tai ở nước ngoài như Indonesia, Nhật Bản,... sau những thảm họa sóng thần. Trong lĩnh vực hoằng dương chính pháp, GHPGVN đã tổ chức nhiều hoạt động hoằng pháp trong nước, những nhiệm kỳ gần đây GHPGVN tổ chức các đoàn hoằng pháp của Giáo hội ra các nước nhằm xiển dương đạo lý sống cao đẹp của Đức Phật, góp phần truyền bá tư tưởng hòa bình, hữu nghị và hợp tác của xã hội tiến bộ, đề cao bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời để cho bạn bè thế giới hiểu thêm về chính sách tự do tôn giáo ở Việt Nam. Cùng với hoạt động hoằng pháp, GHPGVN tham gia nhiều hoạt động quốc tế Phật giáo như tham gia Tổ chức Phật giáo châu Á vì Hòa bình (ABCP), Thành viên sáng lập Thượng đỉnh Phật giáo thế giới, Thành viên Vesak của Liên Hợp Quốc, tham gia đối thoại tôn giáo tại các diễn đàn quốc tế... Đặc biệt trong nước vào năm 2008, GHPGVN và Nhà nước ta đã tổ chức Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc (Đại lễ Vesak) ở thủ đô Hà Nội, Việt Nam trong vai trò là Chủ tịch Đại lễ, có sự tham dự của 74 quốc gia và vùng lãnh thổ với gần 2.000 các vị sư đứng đầu Phật giáo các nước, các nhà khoa học và quan khách quốc tế, cùng hàng

chục vạn Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam tham gia. Những hoạt động tích cực của tôn giáo trong nước và nước ngoài, đặc biệt là hoạt động của GHPGVN đã góp phần khẳng định, chứng minh chính sách và thực tế tự do tôn giáo ở Việt Nam. Trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, GHPGVN luôn gương mẫu đi đầu trong thực hiện đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc, chủ động đấu tranh chống mọi sự lợi dụng "Diễn biến hòa bình", xuyên tạc tình hình tôn giáo và chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam, tích cực tham gia đối ngoại nhân dân, đối thoại tôn giáo, lên tiếng đấu tranh trên nhiều diễn đàn trong nước và quốc tế, vạch mặt những kẻ mạo xưng, đội lốt Phật giáo nhưng đi ngược lại tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo của GHPGVN. Trước sự thật hiển nhiên ấy, năm 2008, Mỹ đã đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước cần quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo (CPC). Những thành tựu trên càng khẳng định tính ưu việt trong chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đồng thời khẳng định đường hướng hành đạo "Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội" là sự lựa chọn đúng đắn của GHPGVN để nối tiếp truyền thống Phật giáo Việt Nam gần bó và đồng hành cùng dân tộc.

Với phương châm "Phật pháp bất ly thế gian" thực hiện hài hòa "xây Đạo để dựng Đời", GHPGVN đã có những đóng góp to lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc VNHCN. Đánh giá cao về cống hiến ấy, tại Đại hội kỳ III GHPGVN năm 1992, Nhà nước đã tặng tập thể GHPGVN Huân chương Hồ Chí Minh. Trong 30 năm hoạt động của GHPGVN, nhiều bậc cao tăng, nhiều vị nhân sĩ trí thức Phật giáo đã được xã hội tôn vinh, cá nhân được tặng thưởng các danh hiệu cao quý như: Huân chương Hồ Chí Minh cho Hòa thượng Thích Trí Thủ, Trưởng ban Vận động Thống nhất Phật giáo, Chủ tịch Hội đồng Trị sự khóa I; Huân chương Hồ Chí Minh cho Hòa thượng Thích Tâm Tịch, Đệ nhị Pháp chủ; Huân chương Độc lập hạng nhất cho Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Chủ tịch Hội đồng Trị sự từ khóa II tới nay;... Để ghi nhận công lao, cống hiến của tập thể và cá nhân, tiến tới kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN (7/11/1981 - 7/11/2011), Nhà nước có những hình thức khen thưởng động viên xứng đáng đối với những tập thể và cá nhân trong tổ chức GHPGVN đã có đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước VNHCN.

Chặng đường 30 năm của GHPGVN không dài so với lịch sử Phật giáo đã 2.000 năm có mặt ở nước ta, song 30 năm qua, GHPGVN đã có những bước phát triển quan trọng, tạo nên những mốc son mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Sự ra đời của GHPGVN đã khẳng định tầm cao của Phật giáo Việt Nam trong gần bó và đồng hành cùng dân tộc. Sự lựa chọn đường hướng Đạo pháp-Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội là quyết định đúng đắn để những giá trị tốt đẹp của Phật giáo được phát huy trong thời đại ngày nay, thực hiện đúng phương châm tốt Đời đẹp Đạo. ■

Giá trị di sản Hán-Nôm trong lĩnh vực nghiên cứu Phật học

THÍCH HOÀNG TRÍ

Có lẽ chúng ta đang hối hả đi vào tương lai bằng nhiều phương tiện khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất, nhưng những giá trị tư tưởng, triết lý, tình cảm, và phong tục tập quán vẫn còn gắn kết với nền văn hóa dân tộc chảy dài từ quá khứ đến hiện tại trong cộng đồng người Việt. Trong dòng chảy ấy, tư liệu Hán-Nôm là một trong những di sản mang giá trị góp phần định tính và bảo lưu bản sắc của nền văn hóa dân tộc Việt. Cho dù người Việt Nam hôm nay có vận dụng nền khoa học kỹ thuật hiện đại vào bất kỳ lĩnh vực nào đi chăng nữa nhưng những khái niệm chứa đựng trong các lớp từ ngữ Hán-Việt hoặc Nôm đã trở thành mạng mạch trong cảm thức của người Việt Nam chúng ta. Trong hệ thống ngôn ngữ đó, những thuật ngữ Phật học, ngoài tính chất chuyên môn của một tôn giáo, còn là những khái niệm quen thuộc đi vào đời sống của người dân Việt như *nhân quả*, *ngiệp báo*, *luân hồi*, *thiện ác*... Sự đan xen giữa hiện tại và quá khứ, giữa tôn giáo và dân tộc – trong đó có sự đan xen ngôn ngữ – đã tạo nên thể cân bằng cần thiết trong sinh hoạt của người dân đất Việt.

Chữ Hán vào Việt Nam theo con đường giao lưu văn hóa của hai dân tộc Việt - Hán bắt đầu từ những năm thuộc thế kỷ trước Công nguyên. Những di tích, di vật khảo cổ thời Hùng Vương mới được phát hiện vào nửa sau thế kỷ XX chỉ mới dừng lại ở mức độ tham khảo bước đầu về họa tiết mang hình chữ viết của người Việt¹. “Đến Đông Hán, khi Sĩ Nhiếp làm Thái thú Giao Châu, thủ phủ Luy Lâu trở thành nơi tụ hội của nhiều danh sĩ Trung nguyên. Đó là thời kỳ giáo dục Hán tự ở Giao châu khá phát triển, có ảnh hưởng khá lâu dài trong lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam... Nhưng bấy giờ tại Luy Lâu chưa phải Nho giáo mà Phật giáo mới là lực lượng xã hội có ảnh hưởng rộng lớn. Tại đây có trung tâm Phật giáo đã từng dịch được 15 bộ kinh từ chữ Phạn ra chữ Hán”². Mặc dù các nguyên bản thư

tịch trong nước trước thời kỳ Bắc thuộc hầu như không còn lưu truyền, nhưng qua văn khắc trên bia đá được tìm thấy tại Đông Sơn Thanh Hóa do Nhân Nguyên Khí người Hà Nam soạn có niên đại Đại Nghiệp (618) thời nhà Tùy³ và chiếc chuông đồng được phát hiện ở xã Thanh Mai huyện Thanh Oai tỉnh Hà Tây có niên đại Trinh Nguyên thứ 14 (698) đã phần nào cho thấy chữ Hán thực sự có mặt ở Việt Nam khá sớm và đã trở thành phương tiện ghi chép và truyền thông của người Việt được thể hiện bởi những văn khắc xuất hiện trên pháp khí Phật giáo.

Đầu thời kỳ độc lập, chữ Hán và tiếng Hán được sử dụng ngày càng rộng rãi ở Việt Nam. Nam Việt vương Đinh Liễn (?-979) dựng mười cột bia khắc kinh Phật ở Hoa Lư. Thời kỳ này tiếng Hán được sử dụng như một phương tiện giao tiếp, giao lưu kinh tế thương mại với Trung Quốc. Do Việt Nam bị Trung Quốc đô hộ trong khoảng hơn một ngàn năm nên hầu hết các văn bản quan phương hay văn khắc trên bia đá hiện còn lưu giữ ở nước ta đều sử dụng chữ Hán, cho thấy chữ Hán có ảnh hưởng hết sức to lớn đối với nền văn hóa Việt cổ. Từ sau thế kỷ thứ X, tuy Việt Nam giành được độc lập tự chủ, thoát khỏi ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhưng chữ Hán và tiếng Hán vẫn tiếp tục được sử dụng như một phương tiện quan trọng để duy trì và phát triển văn hóa Việt Nam.

Bên cạnh chữ Hán là thứ văn tự đáp ứng được nhu cầu của tầng lớp thượng lưu trí thức hoặc nằm trong các văn bản quan phương, thì chữ Nôm là loại hình văn tế dùng để ghi chép hoặc diễn đạt lời ăn tiếng nói cùng tâm tư và tình cảm của người dân Việt. Chữ Nôm là một loại hình văn tự được xây dựng trên cơ sở đường nét, thành tố và phương thức cấu tạo của chữ Hán để ghi chép từ Việt và tiếng Việt.

Chữ Hán và chữ Nôm trở thành di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trong đời sống xã hội Việt Nam. Ở đây

chúng tôi chỉ đề cập đến mảng Hán-Nôm tồn tại trong đời sống văn hóa Phật giáo Việt Nam. Khi đóng vai trò là văn hóa vật thể, di sản Hán-Nôm tồn tại trên nhiều chất liệu như đá, gỗ, giấy, vải, gốm, sứ... hiện hữu trong các chùa viện ở khắp vùng miền trên đất nước chúng ta. Thời đại Lý-Trần, nhiều chùa chiền thờ Phật được xây dựng và dường như chùa nào cũng có văn bia ghi lại sự tích xây dựng trùng tu, như bia chùa Báo Ân *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi ký* (1100), bia chùa Long Đọi *Đại Việt Lý quốc gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi* (1121), bia chùa Linh Xứng *Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh* (1126)... Mỗi tư liệu Hán-Nôm tồn tại trên những chất liệu ấy là nội dung chứa đựng tinh hoa của đời sống sinh hoạt Phật giáo. Nhiều bộ kinh điển bằng chữ Hán do các đại sư Trung Hoa phiên dịch từ Phạn văn sáng Hán văn đã du nhập vào Việt Nam và sau đó được khắc in qua các thời đại là phương tiện truyền tải thông tin sống động về những lời dạy của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. “*Vua Trần tự tay viết chữ Phật sai khắc bia dựng tại chùa Phật Tích ở Bắc Ninh*”⁴. *Truyện Đệ nhị Tổ Pháp Loa trong Tam Tổ thực lục* chép: “*Đại Khánh lục niên Kỷ Mùi... thập nhị nguyệt sư mộ Tăng chúng thích huyết ấn Đại tạng, ngũ thiên dư quyển, trí Quỳnh Lâm viện - Năm Kỷ Mùi đại Khánh thứ 6 (1319)... tháng 12, sư [Pháp Loa] khuyến mộ Tăng chúng chích huyết in Đại tạng, hơn 5.000 quyển, an trí ở viện Quỳnh Lâm*”. Những bức đại tự, hoành phi, câu đối, văn bia... có mặt ở hầu hết các ngôi cổ tự, già-lam trên đất Việt, ngoài sự chất lọc ý nghĩa tinh hoa trong tư tưởng đạo Phật nhằm tuyên dương giáo lý Phật-đà, còn là ngôn ngữ được phổ biến trên những chất liệu và không gian đặc biệt nhằm điểm xuyết cho tác phẩm nghệ thuật mang tính thẩm mỹ cao và cũng là hình thức trang trí thiêng liêng của kiến trúc Phật giáo.

Những di sản ấy dần dần thâm nhập vào tâm thức của người dân Việt, nó đã tạo nên một lối tư duy thuần thiện và thể hiện trong lời ăn tiếng nói hằng ngày hay trong mọi lĩnh vực giao tiếp đời sống có sức ảnh hưởng lan tỏa trong cộng đồng; và khi trở thành bản sắc văn hóa thì nó trở thành thứ văn hóa phi vật thể.

Phật giáo đã truyền vào Việt Nam hơn hai ngàn năm nay. Theo một số nhà nghiên cứu thì Phật



giáo Ấn Độ truyền vào nước ta vào những năm đầu thế kỷ trước Tây lịch nhờ các thuyền buôn từ Ấn Độ mang sang, nhưng do không hội đủ điều kiện khách quan cũng như chủ quan nên chưa thể phát triển thành một tôn giáo có ảnh hưởng đến quần chúng nhân dân, mà phải đợi sau khi truyền vào Trung Hoa, Phật giáo mới xâm nhập lớn mạnh vào địa hạt của đất Việt cùng một lúc với nền văn tự và văn hóa Hán. Như vậy, Phật giáo Việt Nam ngay từ ngày đầu phát triển đã có kinh sách điển tịch mà kinh *Tứ thập nhị chương* được coi là bộ kinh được dịch ra chữ Hán ở trung tâm Luy Lâu tại đất Việt đầu tiên rồi sau đó mới truyền sang Bành Thành ở Trung Quốc⁵.

Đến thời đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, nhiều tác phẩm văn học Phật giáo Hán-Nôm xuất hiện tạo dấu ấn cho nền văn học nghệ thuật lúc bấy giờ. Lực lượng sáng tác văn học dân tộc chủ yếu là các nhà sư, không những tầng lớp này chăm lo đời sống tự độ mà còn mở rộng phạm vi giáo hóa của mình đến tầng lớp trí thức đương thời, đặc biệt là cố vấn chính trị cho các đấng minh quân. Nổi bật như Đại sư Pháp Thuận (990), Ngô Chân Lưu (933 - 1044)... Ngô Chân Lưu được phong là Khuông Việt đại sư. Bài từ nổi tiếng *Vương lang quy* của ông không những mang giá trị văn chương trác tuyệt phục vụ trong lĩnh vực chính trị ngoại giao mà còn biểu hiện rõ tầm nhìn của một vị sư đại diện cho trí thức Việt trong niềm tự cường dân tộc. Nhà sư Mãn Giác (1032-1096) có bài *Cáo tật thị chúng* nói lên niềm lạc quan, nhập thế của người Phật tử, đặc biệt là sự nhìn nhận giá trị con người trong kiếp sống vô thường biến đổi của nhân sinh. Thiển phái Trúc Lâm thời Trần với các vị Tổ sư Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang đã để lại nhiều áng văn thơ Hán-Nôm nổi tiếng. Tác phẩm chữ Hán *Thiền uyển tập anh* của Kim Sơn, *Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục* của Tuệ Trung; tác phẩm chữ Nôm *Cư trần lạc đạo phú* và *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca* của Trần Nhân Tông, *Vịnh Hoa Yên tự phú* của Huyền Quang là những tác phẩm Thiền học Hán-Nôm nổi tiếng, đóng góp rất nhiều cho thành tựu của lịch sử văn học và lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Sang đời Lê, mặc dù tư tưởng Nho gia được phát triển trong nền giáo dục khoa cử, mở mang văn hóa, đường lối trị lý nhưng nhiều tác phẩm văn học Phật giáo cũng được khắc in lưu truyền, trong đó đặc biệt là bản kinh *Đại báo phụ mẫu trọng ân* bằng chữ Nôm mà sau này Trịnh Quán khắc in lại vào năm 1730, *Nam Hải Quan Âm bản hạnh*, *Thiền tịch phú*... của Hòa thượng Chân Nguyên. Thiển sư Hương Hải đã để lại tác phẩm *Giải Kim Cương kinh lý nghĩa*, *Giải Di-đà kinh sơ sao*, *Giải Tâm kinh ngũ chỉ* và *Sự lý dung thông*.

Đến đời Nguyễn, rất nhiều bậc vua chúa quan tâm đến Phật giáo, phát huy tinh thần "cư Nho mộ Thích" nên nhiều vị chúa nghiên cứu sâu xa giáo lý đạo Phật như Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Phúc Tấn, Minh Mệnh,

Thiệu Trị, Tự Đức, Thành Thái... Tầng lớp xuất gia cũng để lại nhiều tác phẩm Hán-Nôm có giá trị. Hòa thượng Phúc Điền đã đóng góp rất nhiều cho việc quảng bá và giảng dịch thư tịch Hán-Nôm, các tác phẩm mà Hòa thượng để lại như *Khóa hư lục quốc âm*, *Thải căn đàm*, *Hộ pháp luận*, *Trúc song tùy bút*, *Đạo giáo nguyên lưu*.

Nhiều nhà Nho các thời đại sau khi treo ấn từ quan cũng tìm đến Phật môn để sống đời thanh tịnh trong triết lý Chân như không tịch của Phật giáo, như Ngô Thì Nhậm, Diêm Tịnh cư sĩ, Như Như đạo nhân. Họ đã để lại các tác phẩm Hán-Nôm nổi tiếng như *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, *Hàm Long song chí*, *Dương Xuân sơn chí*, *Lưỡng Xuân sơn chí*... Đây là hệ thống tư liệu có giá trị để chúng ta nghiên cứu về mảng văn học, sử học và tư tưởng Phật giáo Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX.

Thư tịch Hán-Nôm trong kho tàng tư liệu Phật giáo hiện còn chủ yếu là kinh, sách. Bên cạnh đó còn các di sản Hán-Nôm như văn bia, hương ước, địa bạ, sắc dụ, chiếu biểu... liên quan đến sinh hoạt Phật giáo qua các thời đại. Để tìm hiểu một giai đoạn lịch sử xã hội nói chung hay một giai đoạn lịch sử Phật giáo nói riêng, điều cần thiết và quan trọng nhất là chúng ta cần phải dựa vào thư tịch nền của nó. Nếu không có tư liệu Hán-Nôm làm nền thì mọi lập luận của người nghiên cứu đều không thể đứng vững.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam song hành với văn hóa Hán, mà trong đó Hán tự là phương tiện cần thiết để các nhà truyền giáo đạo Phật mang tư tưởng có ích cho số đông vào đời sống rồi sau đó dần dần hình thành nên tâm thức của người Việt. Phật giáo Việt Nam xưa nay vận dụng hệ kinh điển Bắc truyền mà hệ tư tưởng kinh điển này phần lớn đều nằm trong Hán tạng. Người tu Phật hoặc giới nghiên cứu tư tưởng, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, văn học Phật giáo nếu không am hiểu hệ thống văn tự Hán thì sẽ thiệt thòi rất nhiều cho việc đào sâu vào cốt tủy của Phật giáo. Ngoài con đường tu chứng, muốn tìm hiểu nghiên cứu tư tưởng đạo Phật một cách thấu đáo thì trước hết chúng ta phải biết sử dụng ngôn ngữ như một thứ công cụ then chốt dùng để chuyển tải nội dung mà kinh Phật muốn nói. Sau đó, chúng ta phải kết hợp với những kiến thức liên ngành để so sánh đối chiếu với những luồng tư tưởng khác.

Ngày nay, nhiều người lơ là với di sản Hán-Nôm, không nghĩ rằng di sản đó từng giữ vai trò văn hóa thành văn chính thống đã tồn tại trong đời sống xã hội Việt Nam; dù là những văn bản quan phương hay chỉ là các sáng tác của các văn nhân, thi hào. Nói cách khác, dù xuất hiện ở không gian và thời gian khác nhau nhưng di sản Hán-Nôm vẫn là mảng truyền thống được ghi lại trên sách vở, tức là tư liệu văn hiến.

Trong thời đại hiện nay, nhiều người thường chỉ chú trọng đến lĩnh vực khoa học kỹ thuật, tìm phương thức hữu hiệu nhất để phát triển kinh tế cho phù hợp

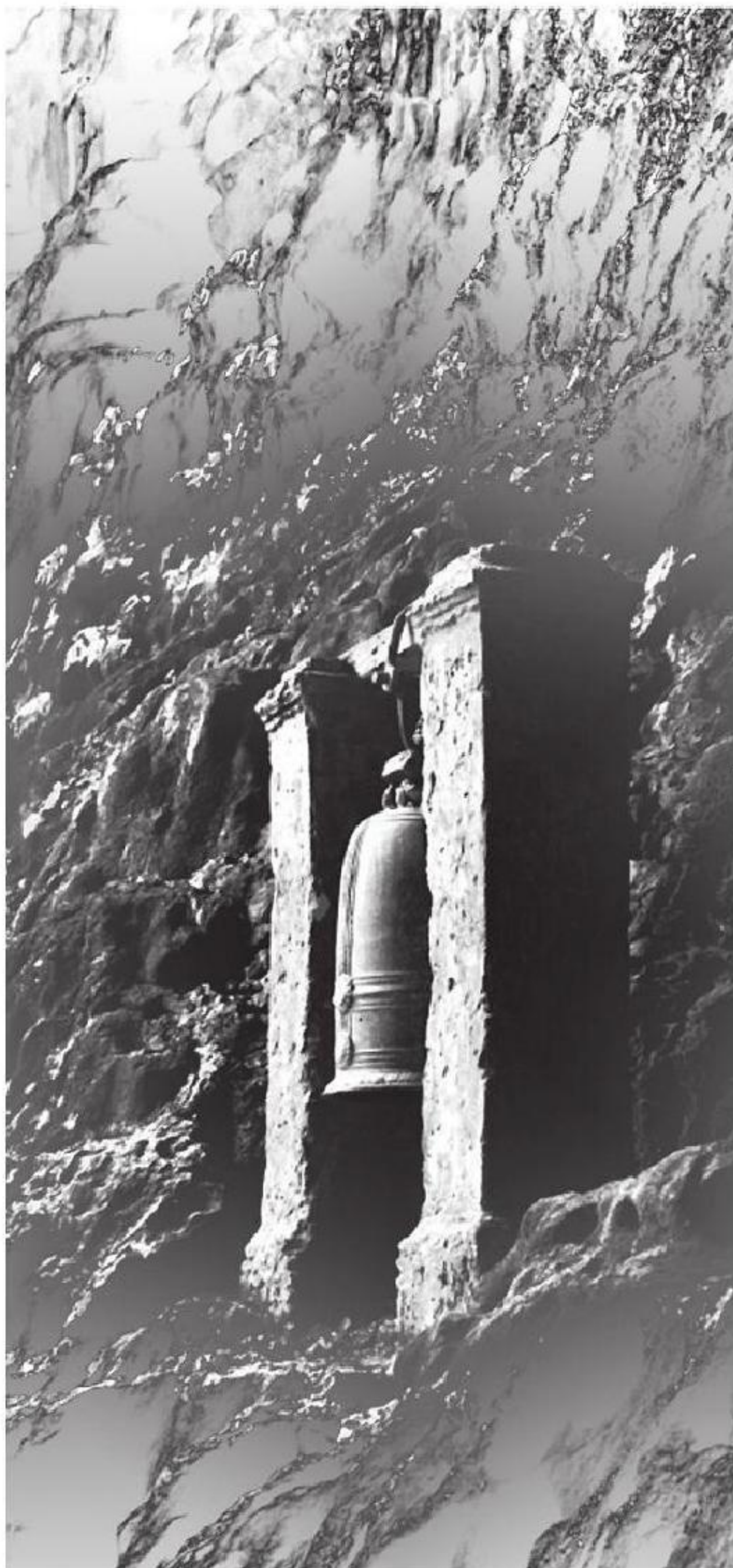
với nền kỹ thuật công nghệ và kinh tế thế giới, nhưng cũng cần hiểu rằng tìm việc phát triển kinh tế một cách ồ ạt mà lơ là với những giá trị đời sống tinh thần, đi ngược lại thuần phong mỹ tục và luân lý đạo đức vốn có thì sẽ tạo nên lỗ hổng hoặc đứt đoạn về văn hóa truyền thống dẫn đến tình trạng mất quân bình trong đời sống xã hội Việt Nam.

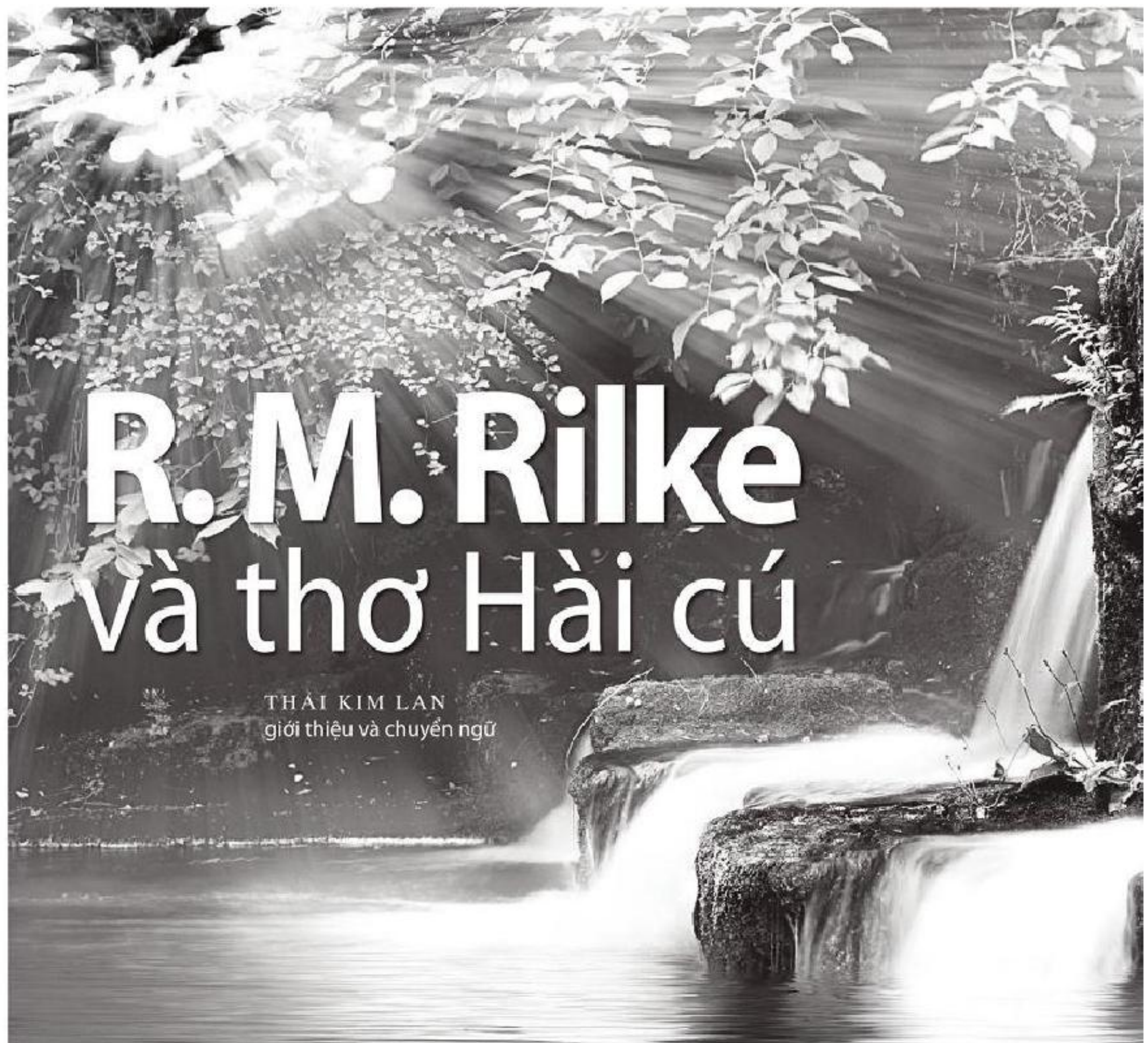
Ngày nay, ít người Việt Nam biết đọc chữ Hán và chữ Nôm, trừ những ai được đào tạo chính quy chuyên ngành tại các trường đại học thuộc ngành xã hội và nhân văn. Khi vào các cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, họ chỉ biết thưởng thức vẻ đẹp chữ Hán qua thư pháp chứ không thể đọc hiểu thư tịch Hán-Nôm hiện hữu ở các câu đối, hoành phi được treo trong đền chùa miếu quán, đừng nói gì đến kho tàng kinh điển bằng chữ Hán. Ngay với những người may mắn hơn đã học qua chuyên ngành Trung văn thì phần lớn họ cũng chỉ đọc được mặt chữ, còn cú pháp hoặc triết lý chứa đựng trong từng câu chữ ấy thì dường như không biết gì vì khoảng cách giữa cổ ngữ và tân ngữ khá xa. Việc nhận diện chữ Hán đã khó mà việc tinh thông thư tịch văn hiến Hán lại càng khó hơn gấp bội.

Tư liệu Hán-Nôm đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển và bảo lưu văn hóa Việt, đồng thời thúc đẩy quá trình thuần thực văn hóa trong sự biến chuyển nhận thức xã hội qua từng giai đoạn lịch sử. Trong quá trình đó, kho tàng thư tịch và sử liệu Hán-Nôm Phật giáo đóng vai trò không nhỏ đối với việc bảo lưu và truyền bá nền văn hóa dân tộc. Do đó, nghiên cứu văn hóa dân tộc Việt Nam không thể không luận bàn đến vai trò của Phật giáo. Bảo vệ và tôn vinh giá trị văn hóa tôn giáo là một trong những hướng đi đúng đắn của Nhà nước được biểu hiện qua Sắc lệnh số 65 ngày 23 tháng 11 năm 1945 về việc bảo vệ di tích văn hóa: "Cấm phá hủy những bi kí, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng giấy má, sách vở có tính chất tôn giáo nhưng có ích cho lịch sử"⁶.

Chú thích:

1. Xem Hà Văn Tấn, *Dấu vết một hệ thống chữ viết trước Hán và khác Hán ở Việt Nam và Nam Trung*. Quốc trong cuốn *Chữ trên đá trên đồng minh văn và lịch sử*, Nxb. KHXH, 2001, tr. 14.
2. Ngô Đức Thọ - Trịnh Khắc Mạnh, *Cơ sở văn bản học Hán Nôm*, Nxb. KHXH, tr. 133.
3. Văn bia này hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Hà Nội.
4. Ngô Đức Thọ - Trịnh Khắc Mạnh, *Cơ sở văn bản học Hán Nôm*, Nxb. KHXH, tr.134.
5. Theo Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn Học, 1992, tr. 62-63.
6. Trích theo Trần Khánh: *Một số hiện tượng gây nhiều mất mát vốn di sản văn hóa*. Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 12, năm 1978, trang 69. ■





R.M. Rilke và thơ Hai cú

THAI KIM LAN
giới thiệu và chuyển ngữ

Lần đầu tiên tiếp cận với thể thơ hai-cú (Haiku) của Nhật Bản, Rainer Maria Rilke (1875 – 1926) đã lập tức bị lôi cuốn vì vẻ đẹp dung dị và thuần khiết của thể thơ nhỏ bé, ngắn ngủi, ít lời nhất trên trường văn chương quốc tế.

Trong thư gửi cho bà Guidi Noelke ngày 4-9-1920, Rilke viết về khám phá đầy ngạc nhiên và thú vị này:

"Bà có biết loại đoản khúc thơ (ba dòng) nho nhỏ của Nhật Bản, gọi là Hay Kay?... Tờ Nouvelle Revue Francaise vừa mới đăng bản dịch của những bài thơ ấy, trong vẻ dung dị mà chín muồi, thuần chất không thể tả..."¹.

Chạm mặt đầu tiên với những vần hai-cú, trực cảm thi ca của nhà thơ về "khoảng trống", "sự im lặng", "cái rỗng không quá thực" như thứ "rỗng của tấm gương hay của một ví đựng tiền" đã từng bàng bạc trong ngôn thi của ông, trở nên tri giác rõ rệt về cách thể nghệ thuật đến từ tinh không, khổ hạnh ngôn ngữ, đến từ chiều kích đảo ngược, từ bỏ âm thanh, sắc màu:

"... Đó là một câu hỏi lớn về nghệ thuật, về tất cả mọi nghệ thuật... bao nhiêu quần quai để cảm nhận được mảnh im lặng chen giữa những âm thanh trong một

nhạc phẩm, một thứ im lặng thể tục... Và trong thi ca, biết bao nhiêu khoảng trống thực sự bàng bạc khắp nơi, giữa những chữ, giữa những đoản khúc cấu kết nên bài thơ...; sự thành công hiếm có và diễm tuyệt trong cách đưa một sự vật (chose) tưởng tượng vào trong một không gian thích hợp, có nghĩa hội nhập nội tại, như bà đã thực hiện, làm cho tôi nhớ đến những bài thơ Hay Kay, những hợp thể nhỏ bé thi vị đã được những người Nhật Bản sáng tạo từ thế kỷ thứ 15. Bà hãy tự mình phán xét về nghệ thuật này, mà người ta gọi là, 'một chấn động ngắn ngủi', tuy nhiên nó bắt người gặp nó dừng lại lâu hơn (...)"².

Dĩ nhiên "Hay Kay" đã là một thử nghiệm ngôn thi thú vị cho nhà thơ đang ở trên bước đường sáng tác mang tính toàn hoàn vũ không ngừng nghỉ với bất cứ một ngôn ngữ nào. Ba bài thơ "ba dòng" "Hai Kai" của R. M. Rilke được xem như là những bài thơ đầu tiên trong lịch sử nghệ thuật thơ hai-cú tiếng Đức. Với chúng, thơ của Rilke thường đem lại những chấn động bất ngờ làm người đọc dừng lâu.

Một số bài thơ hai-cú của R.M. Rilke gồm những bài bằng tiếng Pháp và tiếng Đức



I. Những bài có tựa đề "Hai-Kai":

1. Hải cú

*Hùm, mang trái nặng hơn hoa
Nhưng đó không phải cái cây nói
Mà một người đang yêu*

(Hai-Kai

C'est pourtant plus lourd de porter des fruits que
des fleurs

Mais ce n'est pas un arbre que parle

C'est un amoureux

R.M.Rilke, SW I I, S. 638).

2. Hải cú

*Thiếu thân chấp choạng huyền thuyên từ bụi cây
Chúng chết chiều hôm nay và sẽ không bao giờ biết
Rằng xuân chưa đến*

(HAI-KAI

Kleine Motten taumeln schauernd quer aus dem
Buchs

Sie sterben heute Abend und werden nie wissen,
daß es nicht Frühling war).

3. Hải Cú

*Giữa hai mươi thứ phần
Nàng tìm một lọ đầy:
đã hóa đá*

(Hai-Kai

Entre ses vingt fards

Elle cherche un pot plein:

devenu pierre)

(R.M.Rilke SW I I, S. 745) viết vài tháng trước khi mất)

II. Những bài thơ ba dòng theo thể hải cú

- a. *Tôi họa mi, tôi, mà em đang hát
đây. Tận trong tim tôi, giọng đó thành bạo lực
Không sao tránh khỏi.*

(Ich bin Nachtigall, ich, den du singst,

hier. Mir im Herzen, wird diese Stimme Gewalt
nicht länger vermeidlich)

(R.M.Rilke, SW I I, S. 61)

- b. *Chúng đã muốn nở hoa
Và nở hoa là đẹp; nhưng chúng ta muốn chín
Có nghĩa thành tâm tối và khổ công*

(Sie wollten blühen,

und blühen ist schön; doch wir wollen reifen,
und das heißt dunkel sein und sich bemühen)

(R.M.Rilke, SW I I, S. 521)

- c. *Sao, suốt, hoa hồng, nhà,
và như luôn biết, càng nhiều tên
càng
không tên nào
nói đủ nghĩa hồng hoa*

(Stern, Quelle, Rose, Haus,

und wie er immer weiß, je mehr der Namen
kamen

es reicht kein Name je für ihr Bedeuten aus)

(R.M.Rilke, SW I I, S. 477).

4. Những dòng thơ trên mộ của nhà thơ được xem
là những dòng hải cú huyền diệu:

*Hồng hoa, ôi mâu thuẫn trong veo, khoai lạc,
Là giấc ngủ của không ai dưới bao nhiêu
Bờ mi*

(Rose, oh reiner Widerspruch, Lust,

Niemandes Schlaf zu sein unter soviel
Lidern)

(R.M.Rilke's Grabspruch).

Chú thích:

1. R. M. Rilke, thư gửi bà Gudi Nölke ngày 4. 9. 1920
trong Những bức thư gửi bà Gudi Nölke trong những
năm ở Thụy Sĩ, Paul Obermüller chủ biên, Insel-verlag,
Wiebaden 1953, S. 63

2. Briefe aus den Jahren 1914-1926, thư gửi bà
Sophy Gjaque (một nữ họa sĩ người Pháp-Thụy sĩ) ngày
26.11.1925. ■



Xây dựng niềm tin

HUYỀN HUONG

Trong bất kỳ sự nỗ lực nào của con người thì niềm tin đều đóng vai trò quan trọng. Có niềm tin thì mới có quyết tâm theo đuổi mục tiêu này hay mục tiêu khác trong cuộc sống. Trái lại, không có niềm tin thì không có hướng đi trong cuộc đời. Niềm tin càng vững chắc thì lối đi càng rộng mở và ý chí nỗ lực càng lớn mạnh. Vì vậy mà con người cần nuôi dưỡng và xây dựng niềm tin. Trong đạo giáo của Ngài, Đức Phật nhấn mạnh về lòng tin, xem đó là động lực thúc đẩy mọi ý chí nỗ lực tiến bộ của con người trong đường lối tu tập hướng đến mục tiêu giác ngộ. Ngài nêu rõ:

"Này các Tỷ-kheo, một vị có lòng tin, đi đến gần; sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ; sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai; sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp; sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp; sau khi thọ trì pháp, vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi suy tư ý nghĩa, các pháp được chấp thuận; sau khi các pháp được chấp thuận, ước muốn sanh khởi; sau khi ước muốn sanh khởi, vị ấy nỗ lực; sau khi nỗ lực, vị ấy cân nhắc; sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần. Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy."

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu không có lòng tin ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự đến gần ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có tỏ sự kính lễ ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự lóng tai ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nghe pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự thọ trì pháp ấy,

thời này các Tỷ-kheo, không có sự suy tư ý nghĩa ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự chấp thuận các pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự ước muốn ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nỗ lực ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự cân nhắc ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự tinh cần ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có tự thân chứng được sự thật tối thượng ấy".

Như vậy, theo quan điểm phân tích của Đức Phật thì niềm tin là cần thiết cho việc phát huy các phẩm chất tự nội dẫn đến mục tiêu chứng ngộ chân lý. Nó là khởi điểm của tiến trình tiếp cận và thực nghiệm chân lý hay giải thoát khổ đau. Niềm tin cần thiết và quan trọng như thế, vậy thì niềm tin của người học Phật là gì và do đâu mà có niềm tin? Nói cách khác, người Phật tử tin tưởng những gì và xây dựng niềm tin của mình như thế nào? Đức Phật gợi ý cho chúng ta về tiêu chuẩn và cách thức xây dựng niềm tin:

"Ở đây, này Bharadvaja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp. Người này nghĩ rằng: 'Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không, do những tham ái này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi đầu không biết vẫn nói: 'Tôi biết,' đầu không thấy vẫn nói: 'Tôi thấy'; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.' Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như

sau: 'Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: 'Tôi biết,' dầu không thấy vẫn nói: 'Tôi thấy'; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng'.

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: 'Không hiểu vị Tôn giả ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: 'Tôi biết,' dầu không thấy vẫn nói: 'Tôi thấy'; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.' Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: 'Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: 'Tôi biết,' dầu không thấy vẫn nói: 'Tôi thấy'; hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng'.

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: 'Không hiểu Tôn giả ấy có si pháp hay không, do những si pháp này tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: 'Tôi biết,' dầu không thấy vẫn nói: 'Tôi thấy'; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.' Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: 'Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: 'Tôi biết,' dầu không thấy, vẫn nói: 'Tôi thấy'; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng'.

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy, với lòng tin sanh, người này đến gần; khi đến gần liền thân cận giao thiệp; do thân cận giao thiệp, nên lắng tai; do lắng tai, người ấy nghe pháp; sau khi nghe, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì; trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận; khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh; khi ước muốn sanh, liền cố

gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc; sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần. Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy².

Nhìn chung, niềm tin là rất cần thiết trong đường hướng thực nghiệm chân lý và do vậy Đức Phật đã chỉ cho chúng ta về cách thức và tiêu chuẩn để thiết lập niềm tin. Đó là phải tự mình tìm hiểu, xem xét và cân nhắc kỹ về phẩm hạnh của vị đạo sư và giáo pháp do vị ấy thuyết trên cơ sở có tham pháp, sân pháp và si pháp hay không. Nếu sau khi tìm hiểu, xem xét và nhận ra vị đạo sư còn có tham, sân, si và những gì vị ấy nói chỉ mang lại khổ đau, không đưa đến hạnh phúc an lạc, thì không nên đặt lòng tin vào vị ấy và giáo pháp do vị ấy thuyết giảng. Trái lại, nếu vị đạo sư không có những biểu hiện tham, sân, si và những gì vị ấy thuyết giảng là chơn chánh, hiền thiện, có khả năng đưa đến hạnh phúc, loại trừ khổ đau, thì bấy giờ mới nên đặt để lòng tin. Đức Phật xác nhận rằng những ai xây dựng niềm tin theo cách thức và tiêu chuẩn trên thì lòng tin của vị ấy đạt đến vững chắc, không vì lý do gì mà lay chuyển³.

Vậy nên, người Phật tử được khuyên không cần phải vội vàng tin nghe người khác mà phải tự mình xây dựng và đặt để niềm tin, thông qua việc tìm hiểu và xem xét kỹ về đối tượng (vị thầy hay giáo pháp) muốn tìm hiểu và nhận ra tính chất thiện hay bất thiện của đối tượng ấy. Chỉ khi nào đã biết chắc về đối tượng rồi thì mới quyết định nên tin hay không. Đây là cách thức xây dựng niềm tin của người Phật tử. Đây cũng chính là ý nghĩa trọng tâm của lời khuyên nổi tiếng mà Đức Thế Tôn đã dành cho dân chúng Kàlāmà khi họ tỏ ra hoang mang, không biết nên tin vào đâu, giữa muôn vàn phù phiếm của cảnh dầu bể: "Này các Kàlāmà, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hơi hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo Sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận, sẽ đưa đến bất hạnh khổ đau"; thời này Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng... Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận, sẽ đưa đến hạnh phúc an lạc"; thời này các Kàlāmà, hãy đạt đến và an trú⁴.

Chú thích:

1. Kinh Kìtāgiri, Trung Bộ.
2. Kinh Cankī, Trung Bộ.
3. Kinh Tỳ-sát, Trung Bộ.
4. Kinh Các người ở Kesaputta, Tăng Chi Bộ. ■

Duyên sanh và tử bi

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1. Từ duyên sanh đến tử bi và ngược lại

Sự hiện hữu của mỗi chúng ta hiện giờ và ở đây là do, từ, bởi nhiều nguyên nhân và điều kiện. Tôi có mặt ở đây là nhờ cha mẹ tôi đã lấy nhau, nhờ gia đình nuôi dưỡng, nhờ xã hội dạy dỗ, ngôn ngữ tiếng nói nhờ vào dân tộc này. Tôi hiện hữu bây giờ cũng là nhờ đang có không khí, đang có mặt trời, đang có đất để đi đứng, đang có nước để uống và tắm rửa. Sự có mặt của tôi là do được cho. Cha mẹ tôi cho tôi sự sống, đặt cho tôi một cái tên, cho tôi sự khổ nhọc nuôi dưỡng, xã hội đã cho tôi sự giáo dục, cơm gạo, cho tôi đủ sống và yên bình.

Khi nhìn ra tất cả hiện hữu của mình là do rất nhiều cái khác cho mình, tự nhiên chúng ta có lòng tử bi. Cái nhìn duyên sanh – tôi sống là nương dựa vào, tùy thuộc vào mọi cái khác – đưa chúng ta đến lòng tử bi.

Chúng ta ít khi thấy được sự rộng lớn, sự nương dựa lẫn nhau, sự nối kết lẫn nhau của đời sống. Chúng ta sống trong chủ nghĩa quy giản (reductionism). Chính vì sự quy giản này, chúng ta dễ dàng sống bằng thương ghét, lấy bỏ, đào sâu thêm hố cách biệt giữa “ta” và “cái chẳng phải ta”... Dần dần xa cách đời sống đích thực, đó là sự bất hạnh của chúng ta.

Không có cái nhìn duyên sanh, chúng ta dễ dàng gán tên, gán nhãn hiệu, vội vàng phê phán, kết án. Thậm chí một điều xấu của một người nào, đầu phải hoàn toàn do người ấy, mà còn do gia đình, do xã hội, do hoàn cảnh. Nhìn rộng ra theo duyên sanh, chúng ta dễ thông cảm, khoan dung, tha thứ. Chính trên tấm lòng rộng mở này chúng ta mới có cơ hội làm người ấy chuyển hóa.

Duyên sanh hay nhân duyên sanh cho ta cái nhìn mở rộng hơn, không cố chấp, về đời sống để thấy rằng đời sống là vô vàn tương quan, vô vàn liên hệ, vô vàn nối kết lẫn nhau. Duyên sanh cho chúng ta thấy đời sống là một toàn thể được cấu thành bằng sự có mặt của tất cả. Cái đời sống toàn thể ấy nương dựa vào, liên hệ với những phần tử của nó và một phần tử liên hệ với tất cả những phần tử khác. Chính từ cái nhìn mọi sự đều liên hệ với nhau, nối kết với nhau, chúng ta có tử bi.

Công việc nối kết, hài hòa tất cả những hiện hữu của đời sống là lòng tử bi. Bỏ đi những cái phá hoại mối liên hệ tương quan của đời sống như tức giận, tham lam giành giật, mê mờ cho rằng đời này chỉ có ta và bởi dưỡng sự thân thiện, thiện cảm, thiện ý trong những

mối liên hệ ấy là lòng từ bi. Như thế một người từ bi sống không chỉ trong một cuộc đời của riêng mình, mà còn sống trong những cuộc đời khác. Cuộc đời người ấy được mở rộng qua những cuộc đời khác. Nhờ lòng từ bi, cuộc đời của một người được rộng ra, trải khắp trong mọi sự sống khác, trong tất cả những hiện hữu khác, nghĩa là cuộc sống của người ấy có tầm mức vũ trụ.

Ngược lại, nếu phát khởi từ bi chúng ta sẽ nhìn rộng ra hơn để thấy những liên hệ, những tương quan tạo thành xã hội. Từ bi làm cho chúng ta thấy rộng ra, thấy một thế giới duyên sanh.

2. Duyên sanh và từ bi hỗ trợ lẫn nhau

Từ bi là sự mở ra, sự thông cảm, sự thấu cảm với người khác.

Duyên sanh là tính chất hiện hữu tùy thuộc, nương dựa, không có hiện hữu nội tại độc lập. Sự không có hiện hữu nội tại độc lập này còn được gọi là không có tự tánh, vô tự tánh, hay vô ngã, hay tánh Không.

Chúng ta chỉ có sự mở ra, sự thông cảm, sự thấu cảm khi chúng ta nhìn thấy tính chất duyên sanh, vô tự tánh của người khác và của chính chúng ta. Nếu ta và người khác là có tự tánh, là những sự thể kín bưng tự hiện hữu độc lập, thì chẳng thể nào có sự tương thông, thấu cảm được. Nếu ta và người khác là vô ngã, vô tự tánh thì không có tương giao nào cả ngoài những thành kiến, những cố chấp, những phê phán và kết án. Những tương giao đã chết trong mớ ý nghĩ chấp chặt chết cứng đó.

Như vậy không có tự tánh - ở cả chủ thể và đối tượng - từ bi mới có thể hiện hữu, hoạt động, thông thấu. Vô tự tánh hay tánh Không là môi trường, là điều kiện cần và đủ cho từ bi phát khởi, hoạt động và bao trùm. Nhờ tánh Không mà lòng từ bi trở nên vô ngại, như chúng ta vẫn thường tụng, “Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni”.

Từ bi thực sự, khách quan thì nhìn thấy tính chất duyên sanh, vô tự tánh, không vĩnh viễn như vậy, của con người. Nếu không thấy vô tự tánh của ta và người thì tình thương chỉ là thương “ta và cái của ta”. Đây là “đại bi ái kiến”, như *Kinh Duy Ma Cật* nói:

“Nếu khởi đại bi ái kiến thì phải lìa bỏ. Tại sao thế? Bồ-tát đoạn trừ phiền não khách trần (phiền não khách trần là không thấy các sự vật là vô tự tánh) mà khởi đại bi. Nếu có lòng từ bi ái kiến thì đối với sanh tử có sự mệt mỏi chán ngán. Lìa được lòng từ bi ái kiến mới không có tâm mệt mỏi chán ngán. Dẫu sống ở chỗ nào cũng không bị ái kiến che lấp. Sống không bị trói buộc mới có thể vì chúng sanh nói pháp để cởi mở trói buộc cho họ”.

3. Tánh Không và đại bi

Khi thực sự thấy một người nào là do nhân duyên sanh, không có tự tánh, không có chủ thể, là vô tự tánh, là tánh Không, tức khởi đại bi xuất hiện. Khi thấy người khác không là cái gì cả, không có cái gì cả, lập tức đại bi bùng phát.

Chúng ta hãy nhìn một người thân của mình. Khi thấy người ấy không là cái gì cả, không có cái gì cả, lập tức một thương xót nổi lên, một lòng từ bi không thể chịu đựng nổi. Khi chúng ta thấy người ấy là một hợp thể duyên sanh làm mối cho sanh lão bệnh tử, lòng từ bi tự động khởi lên, không gì chặn đứng nổi, không gì ngăn cản nổi.

Chính sự “chiếu kiến năm uẩn đều Không” khi nhìn vào người khác làm khởi lên lòng từ bi. Chính cái nhìn thấy vô tự tánh, nhìn thấy tánh Không của người khác làm khởi lên đại bi.

Ngài Duy Ma Cật nói về sự vô tự tánh của thân thể, và với lòng đại bi, ngài khẩn thiết kêu gọi hãy tìm thấy và thể nhập Pháp thân không có bệnh sanh lão bệnh tử:

“Các nhân giả! Thân này vô thường, không sức mạnh, không kiên cố, là thứ mau hư hoại, chẳng thể tin cậy được. Nó là khổ, là não, chỗ chứa nhóm các bệnh tật.

“Các nhân giả! Cái thân này đây người sáng suốt không bao giờ nương cậy nó. Thân này như bọt đọng, không thể cầm nắm. Thân này như bong bóng nước, không thể còn lâu. Thân này như ngọn lửa, do khát ái sanh. Thân này như cây chuối, bên trong không cứng đặc. Thân này như huyễn, từ điên đảo khởi. Thân này như mộng, do hư vọng mà thấy ra. Thân này như ảnh, theo duyên nghiệp hiện. Thân này như tiếng vang, tùy thuộc các nhân duyên. Thân này như mây nổi, chớp lát biến mất. Thân này như tia chớp, niệm niệm chẳng dừng ở. Thân này không có chủ, như đất vô tri. Thân này không có ngã, như lửa tự cháy. Thân này không có thọ mạng, như gió dừng tan. Thân này không có người, như nước chảy xuôi. Thân này chẳng thật, bốn đại làm nhà. Thân này là không, chẳng có ta và cái của ta...”

“Các nhân giả! Thân này đáng lo đáng chán, hãy nên ưa muốn Phật thân. Bởi vì sao? Phật thân là Pháp thân vậy. Thân ấy từ vô lượng công đức trí huệ sanh, từ giới định huệ giải thoát giải thoát trí kiến sanh, từ Từ Bi Hỷ Xả sanh, từ Sáu Ba-la-mật sanh...”

Quả thật, khi nhìn thấy thân tâm người khác là không có tự tánh như vậy, không cách gì không khởi lòng từ bi, không cách gì không mong muốn và tìm cách đưa người khác vào con đường thể nghiệm sự bất tử của chính họ.

Con đường Đại thừa kết hợp tánh Không và lòng từ bi ngay từ đầu bằng việc phát Bồ-đề tâm. Bồ-đề tâm là hạnh nguyện đạt đến trí huệ viên mãn soi thấu suốt tánh Không để cứu giúp chúng sanh bằng lòng từ bi. Thế nên với người đi con đường Đại thừa, khi phát Bồ-đề tâm là đã xem người khác quan trọng hơn mình, thì tánh Không luôn luôn đi liền với đại bi. Chính nhờ tánh Không mà thấu hiểu thế giới này, và nhờ đại bi mà ôm trọn được thế giới này. Như mặt trời, ánh sáng của nó là trí huệ và sức chiếu tỏa của nó là đại bi. Vì tánh Không ở khắp tất cả mọi hiện hữu và không có trung tâm nên lòng từ bi cũng ở khắp tất cả chỗ và không có trung tâm. Sự trọn vẹn của trí huệ và đại bi cũng là sự trọn thành của con đường Bồ-tát. ■



Ảnh: thisiphudu

Ghi trên đường về thăm lại chùa xưa

ĐỨC TRI

Ngày mồng bốn Tết Đinh Sửu (1997), sau khi dự lễ hủ kỵ ở chùa Thọ Quang (Đà Nẵng) xong, khi tôi lên chào Hòa thượng Quang Thế để ra về, Hòa thượng bảo: "Con có đi Huế với Thầy không?" Tôi mừng, vì thế là có dịp về thăm Cố: Hòa thượng Hiếu Quang.

* * *

Chiếc xe cũ kỹ của Hòa thượng Quang Thế nặng nề leo lên đèo Hải Vân. Khi đến một ngôi miếu cổ, Hòa thượng bảo dừng xe, nghỉ một lát, nhân đó kể lại câu chuyện cũ về ngôi miếu này. Miếu có từ lâu rồi, đầu hồi trước năm 1945. Thời ấy, con đường đèo này còn nhỏ hẹp, hoang vu lắm. Một lần, Quốc sư Phước Huệ từ chùa Thập Tháp (tỉnh Bình Định) ra kinh đô Huế để dạy học. Đến đây thì sương phủ mờ mịt. Ngài đến trước miếu và nói: "Phiên ông cho tôi trú đỡ qua đêm, ngày mai sẽ đi tiếp". Xong, ngài dọn đồ thờ trong miếu, bẻ cành lá làm chổi quét dọn, rồi trái

tọa cụ ngồi tĩnh tọa. Ông thần miếu không có chỗ ở, liền xuống ngôi làng gần đó, đánh thức dân làng và bảo mọi người lên thỉnh Hòa thượng về nghỉ. Dân làng nửa tin nửa ngờ, nhưng cũng đốt đuốc lên núi. Họ quỳ lạy và xin thỉnh Hòa thượng xuống núi, trả lại chỗ cho thổ thần. Ngài mở mắt, nói nhỏ nhẹ nhưng tỏ rõ sự không hài lòng: "Sao thổ thần lại báo hại dân làng phải nhọc công vậy?". Rồi dân làng vòng ngài xuống nhà ông Xã Cư là ông xã trưởng xã ấy thời bấy giờ; ở đấy, ngài tiếp tục tĩnh tọa đến sáng. Sau khi dùng điểm tâm, làng cử sáu tráng đinh thay nhau kiệu ngài qua đèo Hải Vân, ra đến kinh đô Huế...

Kể chuyện xong, lại tiếp tục cuộc hành trình. Từ trên đỉnh Hải Vân, nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn, cảnh đẹp như bức tranh thủy mặc. Xe vẫn chạy và Hòa thượng lại giảng giải: Nơi đây, vào cuối thế kỷ thứ XVII, (năm 1695), Hòa thượng Thạch Liêm người Trung Hoa được chúa Nguyễn Phúc Chu mời sang kinh đô Huế để mở đại giới đàn cho hơn 3.000 Tăng Ni. Chứa cùng hoàng thất và

các quan đều qui-y với ngài. Sau đó, ngài vào Hội An bằng con đường này. Trong rất nhiều bài thơ của ngài Thạch Liêm, có bài *Đình Vân Quan*, tả cảnh đẹp của Hải Vân với lối độc đạo len lỏi giữa cảnh trời với những sắc xanh đen của cây rừng đá núi, hòa trộn với màu đỏ ối rắng chiều...

Xe đến Huế khi nắng chiều đã tắt. Cảnh vật dần chìm trong bóng tối và trong mờ ảo lung linh ánh sáng của những ngôi nhà và những chiếc thuyền trên sông.

Chùa Hiếu Quang nằm khuất dưới những tàn lá cây vú sữa sum suê. Chùa không lớn và khu vườn không thật rộng, nhưng đẹp bình an.

Sau bữa cơm chiều đậm bạc, Hòa thượng lên viếng Cổ. Đã hơn 90 tuổi, nhưng Cổ vẫn sáng suốt, duy chỉ đi lại hơi khó khăn; vì vậy, ngài ít khi ra ngoài.

- Mô Phật, bạch Ôn.

- Ai đó? Quang Thế đó hả. Ngồi chơi.

- Dạ, bạch Ôn, Ôn có khỏe không?

- Khỏe. Mà, không biết sống chỉ sống dữ rứa!

- Ôn sống lâu, để chúng con được hầu Ôn.

- Sống để hành tội mấy ông chớ có ích chi mô.

- Hòa thượng sống lâu, là phúc cho chúng con.

- Phúc đức chi mô. Đi đứng lụm khum có vui chi đâu mà sống cho lâu... Bệnh của ông đã bớt chưa?

- Bạch Ôn, bệnh của con bớt nhiều rồi. Bạch Ôn, Ôn ngủ có ngon không?

- Răng mà ngủ chẳng được. Niệm Phật mãi, sao không rước đi cho rồi.

Cổ cười, rồi ngâm thơ: *Xuân tàn cảnh lá khẳng khiu
- Nụ hoa chấm nở ít nhiều tàn phai - Ngày xuân hết, đêm đông dài - Ngày sau còn dấu gót hài vân du...*

Dứt câu thơ, Cổ hỏi:

- Phật sự của ông trong Đà Nẵng ra sao rồi?

- Bạch Ôn, việc Phật sự cũng bình thường.

- Bệnh ngứa ngoài da của ông đã hết chưa?

- Bạch Ôn, bệnh con vẫn còn nhưng con đang uống thuốc.

- Mong cho ông có sức khỏe để lo Phật sự. Chứ như tui đây, sức tàn chẳng còn làm gì được. Cái thân già này đi đâu cũng phải nhờ cậy người khác, phiền phức lắm.

- Bạch Ôn, đêm đã khuya, xin thỉnh Ôn vào nghỉ.

- Nằm hoài đau lưng, thức trắng chớ có ngủ được mô.

Hòa thượng dìu Cổ vào liêu rồi trở lại phòng khách đàm đạo với thầy Quang Nhuận. Đêm khuya, cảnh chùa u tịch. Tôi không ngủ được. Không biết vì lạ chỗ, hay vì cuộc trò chuyện giữa Ôn và Cổ? Đấy nhẹ cửa bước ra, dạo một vòng quanh chùa. Cảnh vật chìm trong giấc ngủ dưới bầu trời yên lặng đầy sao. Vài con chim đêm vỗ cánh, vút lên gây ra tiếng xào xạc trong vòm lá rồi mất hút vào bóng tối.

Ngồi bên cạnh ngôi tháp "sinh phần"¹ của Cổ, lại chợt liên tưởng về cảnh kinh thành Phú Xuân gần 300 năm trước. Quan quân, kẻ hầu người hạ, lính lệ tiên hô hậu ứng, rộn ràng ngựa xe... Rối tiếng ngựa hí, tiếng quân đi nhịp nhàng của đoàn quân bách thắng khi vua



Ảnh: Trịnh Minh Nhật

Quang Trung tế cáo đất trời trên đàn Nam Giao trước khi tiến quân ra Bắc. Để chưa đầy mười ngày sau, làm đúng như lời hứa với tướng sĩ là sẽ ăn Tết khai hạ ở kinh thành Thăng Long...

Đêm đã rất khuya. Sương xuống dày, lạnh lạnh. Có tiếng còi tàu hỏa rít lên giữa bốn bề vắng lặng. Có tiếng ai hát đầu dây, mơ hồ, xa lắm. Mười ba đời vua với bao nhiêu đổi thay dâu bể. Những vàng son và đau đớn, những thế hệ sinh ra để dựng xây và bảo vệ giang sơn này. Rồi tất cả, cũng chìm trong "dấu xưa xe ngựa", trong nền cũ của "bóng tịch dương". Để chứng minh cho sự thật này: Tất cả đều thay đổi. Còn chăng, chỉ nghe trong tiếng gió thì thào đêm nay những tình tự của thời gian không ngừng trôi chảy.

* * *

Một lần thăm lại Huế, là lần cuối cùng được nhìn thấy Cổ. Cũng là lần sau rốt được điểm phúc cùng đi với Hòa thượng Quang Thế, về lại dưới mái chùa xưa...

Chú thích:

1. Tháp sinh phần là tháp mộ xây trước khi viên tịch. Ngôi tháp này được xây trước khi Hòa thượng Hiếu Quang thị tịch cả 20 năm. ■



Tụng kinh

HOÀNG TÁ THÍCH

Có người hỏi một vị Hòa thượng: “Tụng kinh có thể đắc đạo không?”

Trả lời: “Không”.

Lại hỏi: “Vậy làm thế nào để đắc đạo?”

Trả lời: “Tụng kinh”.

Nghe như một “công án Thiền”. Hai câu trả lời có vẻ mâu thuẫn nhau, nhưng sự thực thì ý nghĩa của hai chữ “tụng kinh”, trong cả hai trường hợp đều cũng đúng như thế. Phật tử nếu tụng kinh để cầu mong “đắc đạo” thì không thể nào thành được, nhưng nếu muốn đạt được hai chữ đắc đạo trong một giới hạn nào đó thì phải chuyên tu. Chuyên tu thì phải có tụng kinh. Tụng kinh không những để hiểu những điều Phật dạy mà đối với người tu hành còn là một thứ giới luật đưa họ

vào một khuôn khổ kỷ luật của sự tu tập. Tuy nhiên, tụng kinh không phải dễ. Nếu không phải là một người đi tu chưa thấu hiểu Phật pháp thì chuyện đọc kinh, phải nói là rất dễ... chán. Thử nghe một đoạn kinh A-di-đà đã được dịch ra tiếng Việt:

... “Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe nói đến Đức Phật A-di-đà, rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không tạp loạn...”

“Xá Lợi Phất! Thế giới phương Nam có Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật..., hằng hà sa số Đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng:

‘Chúng sanh các người nên tin vào Kinh này là *Kinh Tán Thán Công đức Không Thể Nghĩ Bàn Của Đức Phật A-di-đà*,’ và là *Kinh Đã Được Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm*”.

“Xá Lợi Phất! Thế giới phương Tây, có Đức Phật... tin vào Kinh này là *Kinh Tán Thán Công đức Không Thể Nghĩ Bàn Của Đức Phật A-di-đà*,’ và là *Kinh Đã Được Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm*”.

“Xá Lợi Phất! Thế giới phương Bắc, có Đức Phật... tin vào Kinh này là *Kinh Tán Thán Công đức Không Thể Nghĩ Bàn Của Đức Phật A-di-đà*,’ và là *Kinh Đã Được Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm*”.

“Xá Lợi Phất! Thế giới phương Dưới có Đức Phật... tin vào Kinh này là *Kinh Tán Thán Công đức Không Thể Nghĩ Bàn Của Đức Phật A-di-đà*,’ và là *Kinh Đã Được Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm*”.

“Xá Lợi Phất! Thế giới phương Trên có Đức Phật... tin vào Kinh này là *Kinh Tán Thán Công đức Không Thể Nghĩ Bàn Của Đức Phật A-di-đà*,’ và là *Kinh Đã Được Tất Cả Chư Phật Hộ Niệm*”.

Đọc hết phần kinh A-di-đà này, ta có thể nghĩ rằng nếu tóm lược lời kinh thì chỉ trong khoảng một phần ba là đủ, vì phần nhiều chỉ là những câu lặp đi lặp lại. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng sự lặp đi lặp lại này là cả một dụng ý. Như một âm thanh cứ mãi vang vọng trong tai, dần dần người tụng thuộc lòng và thấm nhuần lúc nào không hay. Lại nữa, tụng kinh không phải là đọc kinh. Đọc kinh không khác gì đọc sách. Tụng kinh thì phải có âm điệu trầm bổng, lên xuống như âm nhạc, có chuông có mõ phụ họa, càng dễ thâm nhập vào tâm, không những cho người tụng mà cả cho người nghe.

Không phải kinh nào cũng được phiên dịch ra tiếng Việt để những người không hiểu tiếng Hán, tiếng Phạn hay Pali có thể hiểu được ý nghĩa lời kinh. Những bài chú như *Chú Đại bi* chẳng hạn, phải đọc đi đọc lại rất nhiều lần mới có thể thuộc được. Rất nhiều người đọc *Chú Đại bi* thuộc lòng, nhất là trong những giây phút nguy hiểm, nhưng thực ra họ không hiểu được hết ý nghĩa của lời kinh và chỉ biết cầu sự hộ trì của một Đức Bồ-tát Quán Thế Âm qua hình ảnh một vị Phật Bà mặt đẹp như ngọc mà hầu hết người Việt Nam thường thờ phụng. Có những người tụng *Bát-nhã tâm kinh* chữ Hán thuộc lòng, nhưng đâu phải ai cũng hiểu hết ý nghĩa của lời kinh.

Tuy nhiên dù không phải là người tu hành, nhưng trong khi chú tâm tụng kinh liên tục, dần dần chúng ta sẽ tự nhiên loại bỏ được những tạp niệm trong lòng một cách dễ dàng. Không chỉ tụng kinh, mà nghe kinh nhiều, chúng ta cũng sẽ thấy thanh thản, thân tâm an lạc một cách rất tự nhiên.

Riêng kinh đối với người tu hành, như một thức ăn hằng ngày không thể thiếu được. Tụng kinh là một hình thức tu tập nhắc nhở người tu học lúc nào cũng hướng Phật.

Hồi còn trẻ, tôi không có khái niệm về chùa chiền và

kinh kệ. Đối với các bậc tu hành, tôi vẫn có thành kiến về hình thức. Có một hôm một vị Hòa thượng đến nhà để an vị Phật cho gia đình tôi. Tôi hỏi: “Bạch Thầy, người ta thường nói Phật tại tâm, cần gì đến một cái bàn thờ trong nhà?” Vị Hòa thượng ôn tồn giải thích: “Thầy lấy một thí dụ, nếu các con chơi đùa trong nhà mà cha mẹ đi vắng, các con sẽ rất tự do, không cần e dè. Nhưng nếu có cha mẹ ở nhà, biết là cha mẹ đang nghỉ ngơi trong phòng, chắc hẳn các con phải cẩn thận, không chơi đùa ồn ào quá trớn sợ làm phiền cha mẹ đang nghỉ ngơi, phải không? Bàn thờ Phật trong nhà cũng vậy. Chỉ là một hình thức để nhắc nhở chúng ta là Phật tử, luôn luôn tự nhủ nên làm những điều Phật dạy, để được thân tâm an lạc. Các con là Phật tử tại gia, nhưng người đi tu thì phải ở chùa mới có hoàn cảnh tu tập được”.

Nhắc nhở để mà nhớ. Nhớ mình là Phật tử. Luôn luôn nhớ mình là Phật tử, chừng đó thôi cũng không phải là dễ.

Đừng nói đến những người mắc phải chứng bệnh nan y Alzheimer rất phổ biến trên thế giới, phần đông chúng ta đều rất dễ quên. Giá như có thể quên bớt những hận thù, quên bớt những quá khứ đáng quên thì hay biết mấy. Đằng này lại quên những cái vật vãnh không đáng quên. Quên không biết chùm chìa khóa vừa vớt ở một xó xỉnh nào đó trong nhà. Rời khỏi taxi mới biết là đã để quên điện thoại di động trong xe. Đang nói chuyện nửa chừng bỗng dưng quên mất tên người đang đứng trước mặt vừa mới được bạn giới thiệu. Quên rất nhiều thứ, nhất là lúc lớn tuổi. Nghe một câu thơ hay, thấy thích thú và muốn nhớ, nhưng nếu không dụng tâm, không ghi lại thì trong chốc lát chúng ta có thể quên một cách dễ dàng. Vừa đọc được một bài học về sự tha thứ thấy hay thật là hay và tâm nguyện cố gắng thực hiện cho được điều đó, nhưng chỉ một cơn giận kéo đến chúng ta đã quên mất ngay. Đó là cái tâm lý của người đời thường, không phải là những người chuyên tu học và vì trong tâm trí người thường chứa quá nhiều tạp niệm. Tu học là làm thế nào để tất cả những điều Phật dạy ăn sâu trong tâm, trong trí, để lúc nào phản ứng bất cứ chuyện gì cũng với thái độ của một Phật tử thuần thành. Thời đại bây giờ, thiên hạ không cần dùng đến trí nhớ nhiều vì quá nhiều thứ để nhớ, trí óc con người không đủ sức dung nạp. Như những số điện thoại chẳng hạn, muốn nhớ cũng không thể nào nhớ cho hết, nhưng chỉ cần cho vào máy, bấm ra là những con số hiện ra tức khắc. Muốn tìm kiếm một tài liệu, chỉ cần mở máy vi tính là có ngay. Nhưng kinh của người tu hành thì không phải thế. Nó phải nằm trong trí, trong tâm người tu học, như thức ăn, như máu huyết. Thuộc kinh cũng là theo đúng giới luật của người tu hành.

Vậy thì muốn nhớ một điều gì phải NHỚ thì không phải chỉ để để vào trong trí, mà cần phải cất giữ vào trong TÂM mới hiệu quả... Muốn được vậy thì phải cố gắng tu tập. ■

Khó khăn việc học thiền

PHAN MINH ĐỨC

Tôi đến thăm một người bạn vong niên. Ông nói với tôi ông vừa đi khám tổng quát, bác sĩ cho biết sức khỏe ông không được khả quan, cơ thể xuất hiện nhiều bệnh lý. Tình trạng sức khỏe thì ông đã rõ, bởi nó biểu hiện qua việc ăn uống không được, ngủ nghỉ không tốt, cảm giác đau nhức, mệt mỏi, khó chịu, nhưng xác định bệnh lý thì chỉ khi đến bác sĩ mới biết. Ông kể ra rất nhiều bệnh mà ông mắc phải. Tôi chẳng biết làm gì hơn khuyên ông, tôi nói: "Con người đến tuổi già cũng như cái máy đã cũ kỹ, hư hỏng chỗ này chỗ kia. Không ai tránh khỏi quá trình biến hoại này. Bây giờ cố gắng làm sao để 'thân bệnh mà tâm an'. Sống chung với bệnh là điều cần phải chấp nhận, cần phải thực tập để tâm hồn vẫn bình an dù thân xác có đón đau vì bệnh tật".

Ông cười buồn nói: "Quan trọng là ở chỗ 'làm sao' đó chứ". Câu hỏi bất ngờ làm tôi cũng không biết bắt đầu từ đâu. Có quá nhiều phương pháp, lại còn tùy căn cơ trình độ của mỗi người và có niềm tin hay không nữa, nói tóm lại là còn tùy duyên.

Tôi nói với ông: "Phải giữ cho tâm an ổn, tinh thần đừng bị quan chán nản. Cần tạo niềm vui cho mình để quên đi bệnh tật, chẳng hạn như tham gia câu lạc bộ dưỡng sinh, nghiên cứu, viết lách, làm những gì mình thích; tập thiền, yoga để cải thiện sức khỏe và giúp tâm bình an, thoát khỏi những nỗi đau về tinh thần, dùng ý chí, sức mạnh tinh thần để chiến thắng nỗi đau thể xác. Đối với người lớn tuổi như ông, cần nhất là quan tâm thực hành đời sống tâm linh, tích cực học tập Phật pháp". Sau đó tôi biếu ông mấy quyển sách về thiền của các vị thiền sư nổi tiếng đương đại để ông tham khảo.

Ông bạn già vốn là người nặng về lý trí, nhẹ về niềm tin, quen để cao tư duy suy luận. Tôi biết ông bạn già có tìm hiểu, nghiên cứu một số tài liệu, sách vở về thiền chốn ngộ, tuy nhiên trong mớ kiến thức hỗn độn ấy ông không lần ra manh mối, không tìm thấy lối đi. Sách vở ngày nay phổ biến rộng rãi, nhiều quá đến mức người

ta khó xác định đâu là "chánh tông", đâu là "lai căng", "tạp nhạp" nếu như không học có căn bản và dày công nghiên cứu, nếu như không có người dẫn dắt, chỉ điểm. Có không ít sách xuất bản chỉ vì mục đích kinh doanh, người viết không phải là hành giả tu học Phật, không có "chuyên môn" (thiếu kinh nghiệm thực tiễn, thân hành, thân chứng).

Cũng không có chuyện đọc một vài quyển sách bàn luận về thiền là có thể linh hội được yếu chỉ, phương pháp của thiền, không khéo càng nghe bàn luận càng rối mù thêm. Nhất là các sách viết về thiền chốn ngộ và hành trạng của các thiền sư, có người coi rồi chẳng hiểu gì cả lại còn căng thẳng thần kinh, nhức óc đau đầu (bởi thiền đâu phải để hiểu, mà thói quen của con người là suy nghĩ, lý giải, so sánh, phân biệt v.v.), có người thì mắc bệnh "thiền đầu lưỡi", "thiền cửa miệng", khẩu khí ngút trời, nói khác thường như thiền sư, làm khác thường như thiền sư, nhưng tâm thì vẫn là phàm phu tục tử. Ông bạn già của tôi thì chưa đến nỗi như thế, chỉ có điều không tìm thấy lối vào pháp môn.

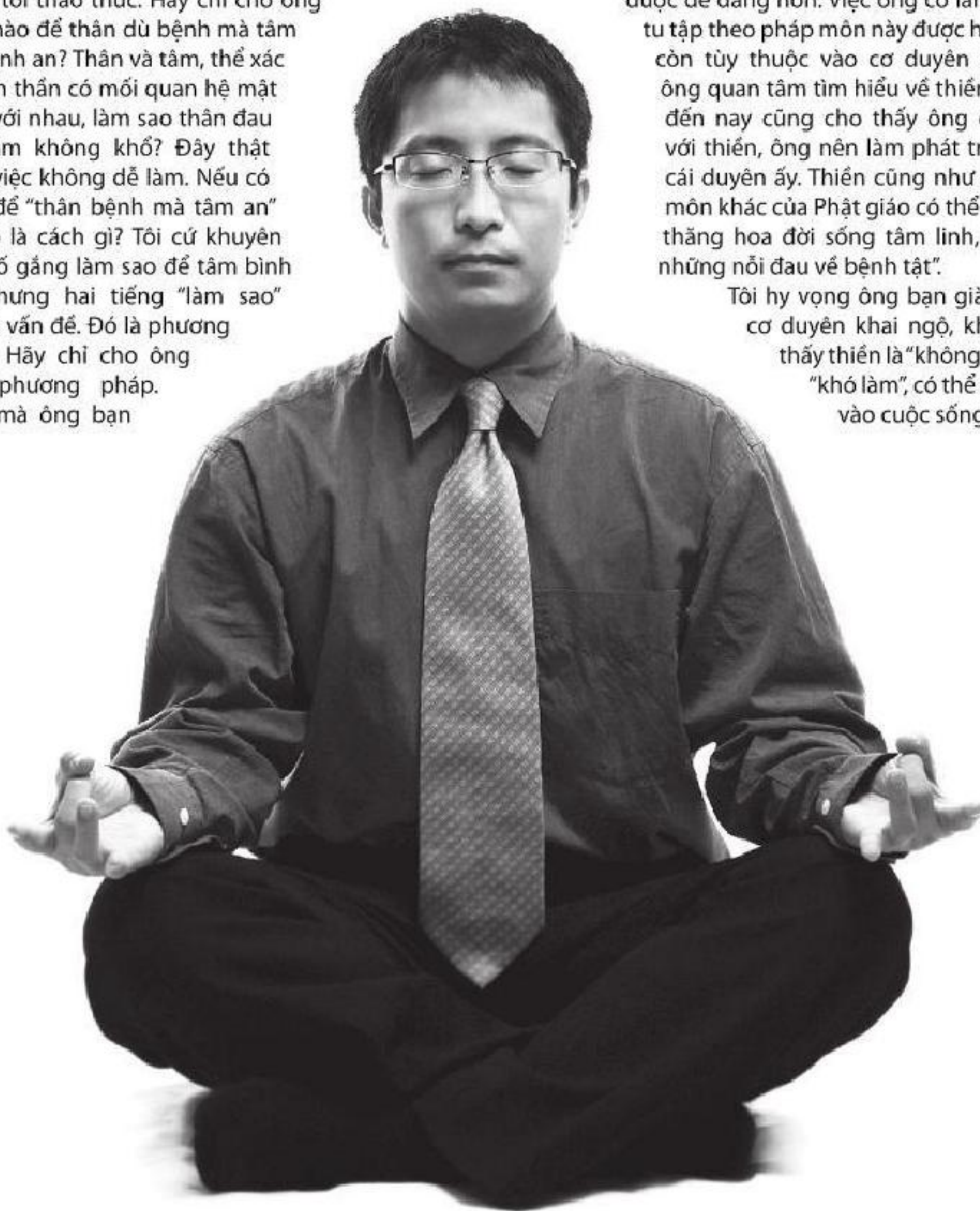
Phần lớn sách vở về thiền cũng chỉ nêu khái niệm, lý luận, ít sách nói về phương pháp thực hành, có lẽ vì thiền là không phương pháp. Đối với thiền chốn ngộ thì làm gì có phương pháp nhất định? Những bài bản về phương pháp đưa ra có thể làm giới hạn đặc tính của thiền. Người ta chỉ có thể linh hội, trực nhận, thể nghiệm và sống với thiền chứ không thể dùng ngôn ngữ khái niệm để diễn đạt thiền một cách chính xác, đầy đủ, trọn vẹn. Mọi lý luận, diễn giải về thiền chỉ là tạm dùng phương tiện, khiến cưỡng lập ngôn. Cũng như không thể diễn tả được hương vị của sấu riêng. Muốn biết rõ hương vị của nó như thế nào chỉ có cách là tự mình ăn thì sẽ biết. Cũng như câu nhà thiền hay nói: "lãnh noãn tự tri" (nóng lạnh tự biết). Không ai có thể diễn tả thế nào là nóng, thế nào là lạnh được. Còn phương pháp hành thiền Nguyên thủy thì không có nhiều sách nói đến, có lẽ người ta cho rằng thiền

Nguyên thủy đơn giản, tầm thường, không có lý luận cao siêu, hấp dẫn như thiền chốn ngọ. Ông bạn già của tôi còn mơ hồ về thiền lắm, chưa có khái niệm rõ về thiền chốn ngọ, thiền Nguyên thủy gì cả, cũng chưa biết qua về phương pháp hành thiền của người sơ cơ mới bước đầu tu tập. Nói đến thiền, ông lắc đầu e ngại, cho rằng không hiểu nổi thiền, cho rằng khó làm được lắm, bởi ông có đọc một số mẩu chuyện thiền của các thiền sư Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, đọc rồi càng đầu ra suy nghĩ, dùng những kinh nghiệm, hiểu biết của mình để suy luận, lý giải, càng tìm cách giải thích thì càng đầu đầu.

Hai tiếng “làm sao?” của ông bạn già cứ khiến tôi thao thức. Hãy chỉ cho ông cách nào để thân dù bệnh mà tâm vẫn bình an? Thân và tâm, thể xác và tinh thần có mối quan hệ mật thiết với nhau, làm sao thân đau mà tâm không khổ? Đây thật sự là việc không dễ làm. Nếu có cách để “thân bệnh mà tâm an” thì đó là cách gì? Tôi cứ khuyên ông cố gắng làm sao để tâm bình an, nhưng hai tiếng “làm sao” mới là vấn đề. Đó là phương pháp. Hãy chỉ cho ông một phương pháp. Điều mà ông bạn

già cần lúc này không phải là những lý luận về thiền mà là sự thể nghiệm để có được những giá trị lợi ích thiết thực: sự an lạc vượt lên những khổ đau. Nhưng làm cách nào để thể nghiệm? Ông bạn già không phải là người có căn cơ cao như Ngài Huệ Khả, chỉ cần Tổ Bồ-đề Đạt-ma bảo một câu: “Người đem tâm ra đây ta an cho” (Khi Ngài Huệ Khả cầu xin Tổ Bồ-đề Đạt-ma an tâm cho) thì bùng ngộ, trút bỏ được tất cả gánh nặng từ cái khổ nơi thân và tâm. Cuối cùng tôi khuyên ông: “Ông nên đến học thiền và tham gia một vài khóa thực tập về thiền ở các thiền viện. Ở đó ông có thể tham vấn và được các thiền sư khai thị, chỉ điểm, truyền trao kinh nghiệm thực tế giúp cho việc hành thiền được dễ dàng hơn. Việc ông có lãnh ngộ và tu tập theo pháp môn này được hay không còn tùy thuộc vào cơ duyên nữa. Việc ông quan tâm tìm hiểu về thiền từ trước đến nay cũng cho thấy ông có duyên với thiền, ông nên làm phát triển thêm cái duyên ấy. Thiền cũng như các pháp môn khác của Phật giáo có thể giúp ông thăng hoa đời sống tâm linh, vượt lên những nỗi đau về bệnh tật”.

Tôi hy vọng ông bạn già có được cơ duyên khai ngộ, không còn thấy thiền là “không hiểu nổi”, “khó làm”, có thể đưa thiền vào cuộc sống. ■





Vườn thương yêu

PEGGY ROWE-WARD và LARRY WARD
THI GIỚI lược dịch

Chúng ta có thể tưởng tượng tâm của chúng ta là một khu vườn – với những hoa tươi, cỏ dại, chim chóc bay chuyển, với nắng và mưa – và quan trọng nhất: với những hạt mầm.

Hãy hình dung một bông sen. Trong đạo Phật, bông sen là biểu tượng của bình an và hạnh phúc. Hình tượng Phật và Bồ-tát thường được thiết trí đứng hay ngồi trên tòa sen. Mong muốn cho mình và người được bình an và hạnh phúc là lý tưởng của người theo đạo Phật. Lòng mong muốn đó, hay tâm từ bi đó, vốn có sẵn trong mỗi chúng ta. Tuy nhiên, nó cũng cần một không gian để được nuôi dưỡng và đơm hoa. Nó cũng là bản chất chân thật của mỗi chúng ta, vì vậy khi làm điều gì lợi ích cho người khác, chúng ta cảm nhận được niềm hạnh phúc và cảm thấy tâm hồn mở rộng và vươn cao.

Sống với tình thương chân thật đó trong đạo Phật gọi là *brahmavihara* (phạm trú), là cách sống cao thượng. Cách sống đó bao gồm trong “bốn tâm vô lượng”, bốn tâm rộng lớn không thể đo lường. Tâm chúng ta sẽ mở rộng vô cùng khi thực hành bốn tâm đó, bốn tâm Từ, Bi, Hỷ và Xả.

Ý chí và khả năng đem đến niềm vui và hạnh phúc cho mình và cho người là Từ – *maitri*. Nhìn sâu và lắng nghe đời sống làm phát triển tâm Từ trong chúng ta, giúp chúng ta trở thành người bạn tốt của chính chúng ta và người khác. Khi đó, chúng ta sẽ biết yêu thương chúng ta và yêu thương người khác nhiều hơn.

Nói đến Bi – *karuna*, là nói đến ý chí và khả năng chuyển hóa hay làm vơi đi những phiền não và khổ đau của chúng ta và người khác. Có thể nói Bi là thang thuốc hiệu quả nhất để chữa lành những vết thương của thế giới. Chánh niệm trong hơi thở, biết nhìn và lắng nghe, chúng ta sẽ hiểu được đời sống, cảm thông với mọi hoàn cảnh của đời sống. Khi đó, sức mạnh của tâm Bi vốn sẵn trong mỗi chúng ta sẽ khởi lên một cách tự nhiên.

Từ và Bi là chất liệu nền tảng của hạnh phúc. Nếu trong tâm chúng ta thiếu vắng từ bi thì không thể nào chúng ta có được hạnh phúc.

Và tình thương chân thật phải là một thứ tình thương luôn đem đến niềm vui. Niềm vui đó được gọi là Hỷ – *mudita*. Tính chất hỷ này có thể dùng để trải nghiệm tình thương. Tình thương của chúng ta có thật sự đem đến niềm vui cho người hay chỉ đem đến sự ngọt ngào, đau khổ. Nếu tình thương không đem đến niềm vui cho cả hai thì đó không phải là tình thương chân thật. Niềm vui này, niềm vui của tình thương chân thật, chứa đầy sự bình an và mãn nguyện. Nó ổn cố, vững chắc và nhẹ nhàng.

Yếu tố thứ tư của tình thương chân thật là Xả – *upeksha*. Trong tiếng Phạn, *upa* có nghĩa là “khắp” và *iksh* có nghĩa là “nhìn”. Với *upeksha*, chúng ta có thể nhìn toàn khắp khu vườn của chúng ta. Chúng ta không đặc biệt ưa thích một đóa hoa nào hơn đóa hoa nào, không đặc biệt quan tâm đến một chỗ nào trong vườn hơn những chỗ khác. Nếu tình thương của chúng ta có tính cách níu kéo, vướng mắc, thành kiến hay phân biệt, thì đó không phải là tình thương chân thật.

Upeksha – Xả – là trí tuệ biết để cho sự việc ra đi. Không có Xả, tình thương của chúng ta sẽ trở thành chiếm hữu. Nếu chúng ta nói yêu thương một người mà không hiểu và cảm thông được ý muốn, nhu cầu và những phần đau của người đó, tình thương đó chỉ có thể là một nhà tù. Với tình thương chân thật, chúng ta dành sự tự do cho người chúng ta thương cũng như sự tự do cho chính chúng ta.

Và khi chúng ta chưa thể thương yêu trọn vẹn chúng ta, sự hướng đến người khác của chúng ta sẽ còn nhiều giới hạn. Yêu thương chính chúng ta, làm cho tâm hồn chúng ta mở rộng, khi đó chúng ta sẽ dung chứa được mọi người, mọi vật mà không cảm thấy vướng bận, khổ đau. Như mặt đất có thể chấp nhận mọi thứ vì nó rộng lớn, chúng ta hãy học hạnh của đất để mở tâm rộng lớn, để có thể dung chứa mọi thứ mà không cảm thấy khổ đau như lời Đức Phật dạy.

Một nắm muối cho vào một chén nước thì nước sẽ không uống được. Nhưng nắm muối đó sẽ không có tác



động nào đến nước của một dòng sông. Cũng vậy, khi tâm của chúng ta rộng lớn như một dòng sông thì những khó khăn nhỏ nhất sẽ không làm chúng ta đau khổ.

Do đó, điều đầu tiên để chúng ta thực hành tình thương chân thật là yêu thương chính mình. Chỉ những người biết yêu thương chính mình mới có thể hướng tình thương đến kẻ khác.

Tất cả chúng sanh đều yêu mến bản thân mình nhất. Trong một bài kệ trả lời vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), Đức Phật đã nói như vậy¹. Tất cả mọi người đều muốn được sống và phát triển. Và khi biết rằng mình yêu mến tự ngã của chính mình thì cũng biết rằng người khác yêu mến tự ngã của họ. Nhận ra điều đó là bước đầu của tâm từ bi đối với chính bản thân cũng như đối với người khác.

Để có thể thương yêu người đồng sự, đồng hành của chúng ta cũng như yêu thương những người khác, trước tiên chúng ta phải là người bạn tốt của chính chúng ta, chúng ta phải hoàn toàn chấp nhận chúng ta. Để có được điều đó, chúng ta cần nhìn sâu vào chúng ta một cách không do dự, và chấp nhận toàn bộ những gì chúng ta nhìn thấy. Nếu chúng ta nói “tôi sẽ thương anh khi anh giảm bớt năm ký” hoặc “anh phải thực hiện điều này điều nọ trước khi tôi thương anh” thì đó không phải tình thương chân thật. Những điều kiện cho hạnh phúc luôn hiện diện và sẵn sàng cho chúng ta ngay bây giờ, không đòi hỏi chúng ta phải cải thiện. Khi chúng ta nhận diện được rằng chúng ta là

người quan trọng nhất trên thế gian này đối với chúng ta, và chấp nhận chính chúng ta, chúng ta bắt đầu trở nên một nơi chốn an toàn, dễ chịu cho chúng ta và người khác trú ngụ.

Do đó, để tu tập tâm Từ, chúng ta phải biết đối thoại với chính mình. Lắng nghe tiếng nói từ bên trong chúng ta. Đó là tiếng nói của ai? Tiếng nói đó là sự phê phán hay tình thương? Chúng ta có tiếp xúc được với tiếng nói thiêng liêng từ bên trong đó không? Cuộc đối thoại nội tâm liên tục này là nền tảng của mối quan hệ thương yêu giữa chúng ta với chính chúng ta, là con đường khám phá ra tính chất chân thật là tánh Phật trong mỗi chúng ta.

Tu tập Từ là khai mở ánh sáng và tình thương có sẵn trong mỗi chúng ta. Ánh sáng này thường bị che khuất bởi vô minh, sợ hãi, nóng giận, và những vết thương do đời sống gây nên. Nhưng nó vẫn nguyên vẹn ở đó. Chữ *mitta* đến từ chữ *mitra* trong tiếng Phạn có nghĩa là bạn. Chúng ta bắt đầu bằng việc đối xử tốt với chính chúng ta. Tập nói năng tử tế và ngọt ngào với chúng ta, ban cho chúng ta sự chúc lành thay vì nguyên rủa hay than phiền. Thương yêu chính mình một cách tích cực là nền tảng đầu tiên của sự tu tập:

Nguyện cho tôi thoát ly mọi khổ nạn
Nguyện cho tôi có được tâm an lạc
Nguyện cho tôi có được thân an lạc
Nguyện cho tôi được tự tại an vui.



Nguyện cho tôi thoát ly mọi khổ nạn. Với lời nguyện này, chúng ta tiếp xúc với niềm mong muốn tất cả chúng sanh được bảo vệ, an toàn và có nơi nương tựa; tất cả chúng sanh không còn gặp phải những tai nạn, chịu những xung đột và bạo lực đến từ bên ngoài. Nói chung, chúng ta mong muốn chúng ta cũng như mọi chúng sanh khác có được một nơi nương náu an toàn; muốn cho chiếc thuyền vượt bể khổ chung của chúng ta được xuôi chèo mát mái.

Nguyện cho tôi có được tâm an lạc. Ngay cả trong những hoàn cảnh tốt đẹp nhất, chúng ta cũng có thể làm cho chúng ta vướng vào khổ đau. Tâm an lạc là tâm thoát khỏi nóng giận, ưu phiền, sợ hãi, và lo âu. Tâm đó có được khi chúng ta nhìn chúng ta với con mắt hiểu biết và thương yêu; nhìn thấy được nguồn gốc của sự nóng giận, ham muốn và vô minh; nhận ra và tiếp xúc với những hạt mầm của niềm vui và hạnh phúc trong chính chúng ta.

Nguyện cho tôi có được thân an lạc. Chúng ta mong muốn có được một thân thể khỏe mạnh và hạnh phúc. Lúc đó, chúng ta cũng tiếp xúc với lòng mong muốn sâu xa rằng tất cả chúng sanh đều muốn được sống một đời sống không bệnh hoạn và đau đớn về thể xác.

Nguyện cho tôi được tự tại an vui. Với nguyện này, chúng ta nhắm đến đời sống mỗi ngày của chúng ta. Chúng ta mong muốn đời sống của chúng ta được tràn đầy ân sủng và hòa điệu, không có tranh đấu và đối nghịch, một đời sống vững chãi, tươi mát và tự do, một môi trường bình an, nhẹ nhàng, không mâu thuẫn, xung đột.

Khi chúng ta tu tập để trở thành người bạn tốt của chính chúng ta, chúng ta đang thực tập tâm Từ. Căn bản của Từ là hiểu biết và chấp nhận. Chúng ta thực tập trước tiên với chính bản thân chúng ta, nhìn sâu vào chính chúng ta, chấp nhận những gì chúng ta nhìn thấy. Với sự tu tập này, tình thương dần dần lớn mạnh. Chúng ta sẽ cảm nhận sự phát triển của một ý muốn tự

hiên hướng về sự chân thật, thiện lành và đẹp đẽ.

Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách hồi tưởng lại những lúc chúng ta xúc động trước sự đối xử tử tế của một người nào đó. Khi nghĩ về sự thiện lành, chúng ta thường nghĩ đến những hành động tử tế - một lời chào buổi sáng, mời một ly cà phê, nở một nụ cười đón nhận.

Thực hành tình thương chân thật cho chúng một đời sống được hướng dẫn bằng sức mạnh của lòng tốt. Bước đầu, việc thực hành này đi theo một tiến trình có định hướng và ý thức. Buổi sáng thức dậy, chúng ta có thể chào đón ngày mới một cách tích cực với ý hướng sẽ có một ngày sống với tình thương, lòng tốt và an lạc. Sau đó chúng ta dùng kinh nghiệm của ngày đó như một phương tiện học hỏi. Lòng tốt được cảm nhận ra sao, có mùi vị như thế nào, tác động ra sao? Cái gì là hiện thân của lòng tốt? Mặt mũi của lòng tốt ra sao? Tôi có cảm nhận được lòng tốt bên trong và chung quanh tôi chăng?

Thực hành theo cách này, lòng tốt phát triển thành một hệ thống đáp ứng bén nhạy, giúp chúng ta có khuynh hướng tự nhiên đi theo con đường của lòng tốt. Và càng ngày chúng ta càng được sức mạnh của lòng tốt chuyên chở nhiều hơn. Chúng ta sẽ không cần phải suy nghĩ. Chúng ta sẽ cảm thấy xúc động, mời gọi, thúc đẩy bởi những điều tốt, chân thật và đẹp đẽ một cách tự nhiên.

Như đã nói ở trên, cuộc đối thoại nội tâm xảy ra liên tục bên trong chúng ta là căn bản của mối liên hệ thương yêu của chúng ta đối với chính chúng ta. Mục đích của quán Từ là mở ra ánh sáng và tình thương có sẵn nơi mỗi chúng ta. Trước tiên hãy là một người bạn thương yêu của chính chúng ta. Hãy lặp lại một cách ân cần và nhẹ nhàng những câu kệ đã có từ ngàn xưa của đạo Phật:

Nguyện cho tôi thoát ly mọi khổ nạn
Nguyện cho tôi có được tâm an lạc
Nguyện cho tôi có được thân an lạc
Nguyện cho tôi được tự tại an vui.

Chúng ta gởi đi những lời này như một sự chúc lành và cầu nguyện. Chúng ta kết nối với ước vọng và niềm mong muốn chí thành được an toàn, hạnh phúc, sức khỏe và an vui. Chúng ta kết nối với những ý nghĩ này sức mạnh của ánh sáng và tình thương.

Chú thích của người dịch

"Khi vua Pasenadi trình bày câu chuyện giữa nhà vua và hoàng hậu về câu hỏi "Ai là người thương mình nhất", Đức Phật nói bài kệ sau đây:

Tâm ta đi cùng khắp, Tất cả mọi phương trời
Cũng không tìm thấy được, Ai thân hơn tự ngã;
Tự ngã đối mọi người, Quá thân thiết như vậy;
Vậy ai yêu tự ngã, Chớ hại tự ngã người.

Nguồn: *Love's Garden*, Shambhala Sun số tháng 11-2008. ■

Lễ hội

“Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn”

Những giá trị văn hóa cần giữ gìn và phát triển

ĐINH ĐỨC HIỀN

Để phù hợp với sự phát triển của đất nước, từ đầu tháng Bảy năm 1997, Đà Nẵng chính thức được tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng để trở thành một thành phố trực thuộc Trung ương với địa giới hành chính bao gồm thành phố Đà Nẵng trước đây, nay được chia làm sáu quận nội thành; lại sáp nhập huyện Hòa Vang làm một huyện ngoại thành; và đặc biệt là có thêm huyện đảo Hoàng Sa. Diện tích đất tự nhiên của toàn thành phố là 1.257,3km² với dân số khoảng 1 triệu người.

Nằm ở vị trí địa lý thuận lợi; chiếm giữ địa bàn trọng yếu về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, và giao thông vận tải của đất nước; là cửa ngõ của hành lang kinh tế Đông - Tây; được coi là trung tâm kinh tế, văn hóa, đối ngoại của khu vực miền Trung, thành phố Đà Nẵng là nơi tập trung nhiều tổ chức tôn giáo; do đó, có nhiều vị chức sắc và giáo phẩm, có nhiều nhà tu hành, quy tụ nhiều tín đồ. Vì thế, hoạt động lễ hội tôn giáo ở đây diễn ra rất đa dạng và phong phú.

Đặc biệt, khi đến với thành phố Đà Nẵng - một trong những thành phố đang trên đà phát triển năng động vào bậc nhất của cả nước, có lẽ không có ai lại không biết đến khu quần thể di tích và danh thắng Ngũ Hành Sơn - nơi hằng năm cứ vào ngày 19 tháng 2 âm lịch thì Lễ hội Quán Thế Âm lại diễn ra với nhiều giá trị đặc sắc.

Được ví như “hòn non bộ khổng lồ giữa lòng thành phố Đà Nẵng”, bên cạnh cảnh quan tuyệt sắc của vùng Non Nước, sự trùng hợp ngẫu nhiên của việc nơi đây đột khởi năm ngọn núi với con số 5 thể hiện năm yếu tố cấu thành vũ trụ trong triết học của người Trung Hoa, đã khiến cụm núi năm ngọn này được đặt tên là Ngũ Hành Sơn, và từng ngọn núi một cũng được đặt tên theo từng hành trong các yếu tố triết học đó: Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn, Hỏa Sơn, Thổ Sơn tương ứng với Kim-Mộc-Thủy-Hỏa-Thổ.

Gắn kết với không khí nhộn nhịp của làng nghề đá Non Nước, với cảnh quan huyền bí thiêng liêng của năm tòa núi đá, một yếu tố góp phần không nhỏ vào việc đưa hình ảnh quần thể khu di tích và thắng cảnh Ngũ Hành Sơn nói riêng, thành phố Đà Nẵng nói chung đến với nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế chính là Lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn.



1. “Lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn” - Lễ hội của những giá trị văn hóa đặc sắc

Chùa Quán Thế Âm được xây dựng vào năm 1956 tọa lạc dưới ngọn núi Kim Sơn, một trong năm ngọn núi của khu quần thể di tích và danh thắng này. Ngoài việc sở hữu những tài nguyên phong cảnh hữu tình, nhất là những hang động kỳ bí, nơi đây còn được biết đến với lễ hội đặc sắc, gắn liền với tên tuổi của một vị Bồ-tát được dân gian ngưỡng vọng, đó chính là Lễ hội Quán Thế Âm. Lễ hội này đã được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1960, và lần kế tiếp vào năm 1962, đều nhân các dịp khánh thành tượng Bồ-tát Quán Thế Âm tại động Hoa Nghiêm rồi chùa Quan Âm tại động Quan Âm; tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, nhiều năm sau đó lễ hội đã không thể tiến hành được. Mãi đến năm Tân Mùi 1991, lễ hội này mới được phục hồi. Từ đó đến nay, theo thông lệ, thường niên cứ đến ngày vía Phật Bà Quán Thế Âm, ngày 19 tháng 2 âm lịch, ngoài dân bản địa của thành phố, hàng vạn khách thập phương từ nhiều vùng trong cả nước cũng tìm đến để trải hội



tham quan, chiêm bái những nét văn hóa đặc sắc.

Lễ hội thường kéo dài trong ba ngày, trong đó ngày 19 tháng 2 âm lịch là ngày lễ chính thức. Trong suốt thời gian diễn ra lễ hội, có nhiều nghi lễ và hoạt động văn hóa được tổ chức trang trọng. Ngoài các nghi lễ thuần túy của Phật giáo như lễ tế Xuân cầu quốc thái dân an, lễ rước ánh sáng, lễ rước tượng Phật Bà Quán Thế Âm, còn có các hoạt động thuộc phần hội: đua thuyền trên sông Cổ Cò, trò chơi đánh cờ người, viết thư pháp, cho chữ, triển lãm nghệ thuật đá Non Nước v.v. vừa tươi vui vừa hấp dẫn, đã để lại những ấn tượng sâu sắc cho mọi du khách tham dự. Có thể nói, bất cứ ai đã từng tìm về lễ hội này cũng sẽ cảm nhận giá trị của những hoạt động đặc trưng ở lễ hội cũng như ảnh hưởng của các giá trị đó đối với sự phát triển của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn có nhiều đổi mới hiện nay.

Trước hết là những yếu tố mang màu sắc Phật giáo. Trong phần lễ, người tham dự sẽ được hòa mình vào nghi lễ Rước Ánh sáng với ý nghĩa đề cao trí tuệ giải thoát trong đạo Phật, lễ Khai kinh tế Xuân thể hiện sự thành tâm cầu cho quốc thái dân an, lễ Trai đàn chẩn tế có mục đích cầu siêu cho thập loại chúng sinh với quan niệm *âm siêu dương thái*, lễ thuyết giảng về Phật Bà Quán Thế Âm đề cao lòng bi mẫn của vị Bồ-tát được quần chúng châu Á hết lòng ngưỡng vọng, lễ rước tượng Phật Bà Quán Thế Âm nói lên tinh thần biết ơn

của con người trước sự gia hộ của chư Phật, chư Bồ-tát. Từ đó, người đến với lễ hội được đáp ứng về nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, được hướng tâm về nẻo thiện.

Kế đến là những yếu tố mang màu sắc dân tộc, dân gian. Cũng trong phần lễ, cùng với lễ rước tượng Đức Phật Bà Quán Thế Âm, người dự lễ còn tham gia cuộc lễ rước các vị tổ nghề đá. Bên cạnh đó, những giá trị văn hóa lịch sử của địa phương – đặc biệt là những truyền thuyết về vùng Non Nước Ngũ Hành Sơn – cũng được chuyển giao đến với du khách. Qua đó, tinh thần dân tộc, đạo lý uống nước nhớ nguồn, nhớ ơn tổ tiên, tìm về cội nguồn dân tộc lại được gợi lên trong lòng những người tham gia lễ hội.

Trong phần hội, những yếu tố dân tộc dân gian được nhấn mạnh thêm nữa. Hội đua thuyền nhắc lại cho người dự hội về truyền thống hoạt động trên sông nước của dân tộc ta, nhắc nhở ý thức bảo vệ vùng mặt nước; những hoạt động kéo co, đẩy gậy khơi gợi ý thức luyện tập về thể lực; những sinh hoạt như cho chữ, hát bài chòi, triển lãm thư pháp lại nêu cao tinh thần văn học; đặc biệt, hình thức hội trại của đoàn thể Gia đình Phật tử với những sinh hoạt cộng đồng có tác dụng xây dựng ý thức tập thể. Những giá trị đó chính là hành trang để những người tham gia lễ hội có ý thức cố gắng duy trì bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập.



Đến với Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn còn là đến một vị trí trung tâm đối với các di sản văn hóa thế giới đã được công nhận gồm có cố đô Huế, phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn và Rừng quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Vị trí đó giúp du khách có những cảm nhận về một nhu cầu đầu tư và khai thác cho có hiệu quả những giá trị và lợi thế của lễ hội, để có thể tạo nên một động lực phát huy tiềm năng du lịch của địa phương và của thành phố Đà Nẵng.

Từ khi được ghi nhận là một trong số 15 lễ hội mang tầm cỡ quốc gia, Lễ hội Quán Thế Âm-Ngũ Hành Sơn đã trở thành một kênh thông tin quan trọng để quảng bá cho Đà Nẵng, tạo thành cầu nối đưa hình ảnh thành phố Đà Nẵng vươn tầm đến mọi miền đất nước và với bạn bè quốc tế.

2. Giữ gìn và phát triển Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn trong giai đoạn hiện nay là tất yếu và cần thiết

Trong xu thế hội nhập, khi nền kinh tế của đất nước không ngừng được phát triển, đời sống tinh thần của người dân được nâng cao, con người ngày càng có khuynh hướng thiên về các sinh hoạt vui chơi, giải trí, tham quan, du lịch, thì các hoạt động tại Lễ hội Quán Thế Âm có thể được coi là một hình thức tổ chức thiện hảo để hướng con người đến những giá trị tâm linh; khơi gợi nhận thức cho một nếp sống thanh cao, lành

manh; xây dựng ý thức trở về với cội nguồn của dân tộc. Việc lễ hội nhanh chóng trở thành tâm điểm thu hút khách du lịch là điều dễ dàng được nhận thấy hiện nay; đồng thời cũng là điều cần được nắm bắt một cách nhanh nhạy để có thể có những đóng góp cho việc định hướng hoạt động nhằm đến các giá trị hướng thượng.

Gắn liền với đời sống tinh thần, các sinh hoạt thuộc về tâm linh và tín ngưỡng đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống của không ít người dân. Trong khi đó, Lễ hội Quán Thế Âm là lễ hội mang đậm dấu ấn của Phật giáo, một tôn giáo lớn của dân tộc ta, đã có mặt với người Việt từ hàng ngàn năm qua. Cho nên, về lâu dài lễ hội này sẽ vẫn chiếm giữ những ý nghĩa to lớn, có những tác động quan trọng đến đời sống xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị đặc sắc do lễ hội đem lại, đứng về phương diện khách quan, khi nhìn qua lăng kính của thực trạng xã hội, Lễ hội Quán Thế Âm trong giai đoạn hiện nay vẫn bộc lộ không ít những hạn chế, tiêu cực cần được khắc phục. Đó là các dịch vụ ăn theo như bán hàng rong, các hình thức phóng sinh chim, cá; các hoạt động in ấn, mua bán văn hóa phẩm trái phép; các dịch vụ ăn uống xuất hiện tràn lan không được quy hoạch chặt chẽ; công tác tổ chức lễ còn nhiều thiếu sót, cập rập; chưa huy động được hết nguồn lực xã hội, vẫn chủ yếu là do chính quyền bao biện trong khi nhân dân vẫn còn đứng ngoài; không gian lễ hội chật hẹp dẫn đến quá tải về số lượng khách gây ùn tắc giao thông, đi lại khó khăn.

Thời gian qua, dù lễ hội đã nhận được sự chỉ đạo và quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo và chính quyền thành phố Đà Nẵng, song so với các giá trị lịch sử văn hóa và tiềm năng vốn có của cả vùng Ngũ Hành Sơn, quy mô lễ hội vẫn chưa tương xứng với tài nguyên của mình, hiệu quả lễ hội đem đến vẫn còn hạn hẹp, các hoạt động văn hoá dù đa dạng nhưng dường như vẫn có tính lặp lại chứ chưa thực sự có sáng tạo. Trong khi đó, nằm ở vị trí trung điểm của *"Con đường di sản miền Trung"*, Lễ hội Quán Thế Âm-Ngũ Hành Sơn hoàn toàn có thể được đầu tư quy mô để phối hợp với các khu du lịch sinh thái đang được nâng cấp như Bà Nà, Sơn Trà, Hải Vân... cùng thu hút du khách.

Với những giá trị văn hóa đặc sắc đã được nhiều người biết đến, việc giữ gìn và phát triển Lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn trong giai đoạn hiện nay không chỉ là dịp để giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân đối với các giá trị văn hóa truyền thống, khơi dậy ở họ lòng tự hào dân tộc, làm cho những nét cổ truyền, *"cái đẹp xưa"* được sống lại; mà còn có thể tạo được một không gian văn hóa lành mạnh để nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và tạo cơ hội cho ngành du lịch thành phố Đà Nẵng nói riêng, cả nước nói chung, ngày càng phát triển. ■



Goòng lú Lâm Đồng

TRINH CHU

Chiều. Trời Đà Lạt nhạt nắng. Tôi lững chững thả bước đến Bảo tàng Lâm Đồng. Đến trong tâm thức tìm lại dấu xưa tiền sử qua những bộ đàn đá. Đến trong miền hoài nhớ thanh âm đại ngàn thuở nhân loại anh nhi. Đến và xem, nghe và nghĩ...

Đàn đá là một trong những nhạc cụ cổ xưa nhất của loài người, và không giống với bất cứ loại nhạc cụ nào mà khoa học biết, xuất hiện từ cuối thiên niên kỷ II đến giữa thiên niên kỷ I trước Tây lịch. Loại thạch cầm này cư dân Mạ, K'Hor ở Lâm Đồng gọi là goòng lú, tức công đá hay nhạc đá. Đàn được làm từ đá sừng, với kỹ thuật ghè, mài tinh vi, sắc sảo tạo nên những thanh đá có nhạc tính khác nhau. Hiện nay toàn tỉnh Lâm Đồng đã phát hiện và còn lưu giữ được sáu bộ sưu tập đàn đá có niên đại khoảng 3.500 năm đến 2.500 năm cách ngày nay.

Đàn đá ở Tòa giám mục Đà Lạt

Đây là bộ đàn đá gồm bảy thanh do một giáo dân vùng Di Linh, Lâm Đồng phát hiện và tặng lại cho các cha xứ ở Tòa Giám mục từ trước năm 1975. Hiện bộ đàn đá này đang được Tòa Giám mục Đà Lạt lưu giữ cẩn trọng.

Đàn đá B'lao

Đàn đá B'lao gồm sáu thanh được dòng tộc ông K'Boih - người Mạ, sống ở làng Bù-Đơ, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cất giữ. Ông K'Boih cho hay: các thanh đá này được cụ K'Suong - tổ sáu đời trước của ông, tìm thấy trong lòng đất khi chọc lỗ trỉa lúa trên rẫy. Thấy thanh đá có âm điệu hay nên cụ K'Suong đã mang về nhà sử dụng làm nhạc khí trong những dịp hội hè, lễ tết. Sau đó bà nội của ông K'Boih đã mượn ba thanh đá về làm lễ ăn trâu mừng lúa mới, rúi ro thế nào nhà lại cháy làm ba thanh đá vỡ tan. Ba thanh đá B'lao còn lại cũng bị vỡ thành nhiều mảnh do bom Mỹ dội xuống bản làng. Đến năm 1979, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã lắp ghép và phục chế được nguyên dạng của chúng và tổ chức công bố vào năm 1980. Năm 1980 cũng là năm đàn đá B'lao được công nhận là đàn đá quốc gia. Niên đại khoảng từ 3.500 năm đến 3.000 năm cách ngày nay.

Đàn đá Đình Lạc

Bộ sưu tập đàn đá Đình Lạc gồm 12 thanh chia thành hai bộ khác nhau. Đàn đá Đình Lạc được ông Nguyễn Đình Tiến cư ngụ tại xã Đình Lạc, huyện Di Linh phát hiện khi đang làm rẫy trồng cà phê trên đồi 1010, tại xã

Đình Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng vào năm 1997. Tất cả những thanh đá này được xếp cẩn thận và chôn tập trung dưới một gốc le. Sư tập đàn đá Đình Lạc đã được các chuyên gia giám định và công nhận vào năm 2000. Niên đại của đàn đá Đình Lạc vào khoảng 3.000 đến 2.500 năm cách ngày nay.

Đàn đá Bờ-Nơm

Sư tập đàn đá Bờ-Nơm do gia đình ông K'Branh - người dân tộc H'Hor Nộp (H'Hor Nộp là một nhánh nhỏ của tộc H'Hor) ở thôn Bờ-Nơm, xã Sơn Điền, huyện Di Linh, Lâm Đồng tình cờ phát hiện trong khi đào hố chứa phân tại vườn nhà vào năm 2003. Bộ sưu tập đàn đá Bờ-Nơm bao gồm 20 thanh đá có độ dài ngắn khác nhau, thanh dài nhất là 151cm, thanh ngắn nhất 43cm. Ông K'Branh kể lại: "Hai thanh đá dài nhất được xếp cẩn thận ở hai bên mép hố. Những thanh còn lại được xếp giữa lòng hố theo thứ tự dài trước ngắn sau, tính từ hai bên mép hố trở vào tâm hố. Tất cả đếm được 20 thanh". Độ sâu chôn giấu những thanh đá này chỉ khoảng 30cm cách mặt đất. Theo ký ức của các già làng thì cách đây khoảng 200 năm vùng đất Bờ-Nơm đã xảy ra một trận đại dịch, dân làng phải phiêu tán khắp nơi. Mãi sau này, khi dịch bệnh qua đi, người K'Hor Nộp mới dần tụ cư về đất cũ sinh sống. Phải chăng vì lý do này mà chủ nhân của những thanh đá đã cất giấu chúng trong lòng đất, và vô tình để quên cho tới năm 2003 mới được ông K'Branh phát hiện lại. Niên đại của đàn đá Bờ-Nơm vào khoảng 3.000 đến 2.500 năm cách ngày nay.

Đàn đá Hòa Nam

Là bộ đàn đá gồm 47 thanh được gia đình ông Nguyễn Văn Thắng cư ngụ tại thôn 8, xã Hòa Nam, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát hiện khi đào hố trồng cà phê trong vườn nhà vào năm 2003. Nhưng vì không hiểu hết giá trị của những thanh đá nên ông đã đem cho những người bà con của mình ở tận Bảo Lộc và Vũng Tàu. Sau nhiều năm lưu lạc, mãi tới năm 2009, bộ đàn đá Hòa Nam mới được tập hợp về Bảo tàng Lâm Đồng để tổ chức nghiên cứu giám định. Kết quả giám định cho thấy, trong số 33 thanh còn nguyên vẹn của bộ sưu tập có thể phân thành ba bộ đàn đá khác nhau. Đáng tiếc là 14 thanh còn lại bị gãy vỡ nên không thể đo tần số để phân bộ được.

Đàn đá Hòa Nam là sưu tập có số lượng lớn nhất từ trước đến nay.

Đàn đá Liên Đầm

Năm 2008, tại khe suối trong vườn cà phê của ông Thái Văn Tinh thuộc thôn 9, xã Liên Đầm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng một bộ đàn đá nữa lại được phát hiện: bộ đàn đá Liên Đầm. Sư tập đàn đá này gồm 23 thanh, trong đó có bốn thanh bị gãy. Các nhà khoa học nhận định: tập hợp các thanh đá Liên Đầm có nhiều đặc điểm chung, cho thấy nó được chế tác trong cùng một thời điểm, và có lẽ cũng từ một nhóm nghệ nhân nhất định. Dựa về góc độ âm học có thể khẳng định

đây là những thanh đá cổ, niên đại từ 3.500 năm đến 3.000 năm cách ngày nay, chúng được phân thành hai bộ: Liên Đầm A và Liên Đầm B.

Trong đời sống cổ của các tộc người Mạ và K'Hor, đàn đá không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa mà còn mang những yếu tố tâm linh rõ rệt. Với cư dân nơi đây, ngoài chức năng thỏa mãn những nhu cầu nghệ thuật thuần túy, đàn đá còn có giá trị biểu trưng như một phương tiện để giao tiếp cùng các thế lực siêu nhiên. Hơn thế, bản thân đàn đá cũng được xem như một linh vật. Bởi vậy người Mạ, người K'Hor chỉ sử dụng đàn đá trong những dịp bản làng có lễ hội đặc biệt. Và trước khi sử dụng, bao giờ chủ bon cũng tiến hành nghi lễ để xin phép thần linh. Tiếc rằng do nhiều biến động trên dòng chảy thời gian nên những thanh âm đại ngàn xưa ít có điều kiện vang lên nơi các thôn bản ngày nay. Song không vì thế mà đàn đá mất đi những giá trị văn hóa tâm linh, cũng như những giá trị về mặt lịch sử đã tồn tại hàng ngàn năm trong đời sống tâm thức cộng đồng Mạ, K'Hor.

Với việc phát hiện và lưu giữ được sáu bộ sưu tập đàn đá, Lâm Đồng hiện là tỉnh có số lượng đàn đá nhiều nhất Việt Nam. Hy vọng trong một tương lai gần, nền văn hóa cự thạch của cư dân Mạ, K'Hor sẽ được soi sáng bằng những đánh giá chân xác, khoa học để loại hình nghệ thuật độc đáo chỉ có ở Việt Nam này sớm được phục hưng. ■





Kiến trúc ở làng quê Bình Định

HUỖNH KIM BÙU

(Tiếng đồn Bình Định tốt nhà – Ca dao)

Kiến trúc ở làng quê Bình Định nói chung cũng là kiến trúc ở các làng quê Việt Nam, tuy vậy, cũng có một vài nét riêng làm nên đặc điểm của kiến trúc ở nơi này.

Trước hết phải nói về *nhà tranh vách đất*, vì đó là ngôi nhà của phần đông nông dân.

Nhà tranh vách đất có nền, móng bằng đất đắp, khung nhà bằng tre, mái lợp tranh. Cũng có nhà khá hơn, làm móng đá ong, cột kèo là những thân cây cau, cây xoan đứng thẳng hạ từ trong vườn nhà... Người ta thường gặp những nhà tranh vách đất ba gian hai chái ở trong một mảnh vườn cây trái, giữa một xóm quê. Ngôi nhà có nhiều gian phụ làm buồng, bếp, kho lẫm... được gọi là *nhà trên* (để phân biệt với những gian kia là *nhà dưới*). Nhà trên làm nơi thờ phượng là chủ yếu: gian giữa đặt bàn thờ gia tiên, hai gian bên đặt giường nằm (chỉ dành cho đàn ông: ông chủ nhà và những anh con trai; phụ nữ không được phép lên nhà trên). Người ta thường chọn hướng cất nhà là hướng Đông - Nam hoặc Tây - Nam và cũng tránh hướng gió độc (gió tây, gió bắc, theo kinh nghiệm dân gian).

Nhiều gia đình đi gánh nước giếng làng, nhưng chẳng phải ít gia đình khơi giếng mà uống. Giếng khơi trong vườn nhà, chống từ đáy lên mấy bọng đất nung để cho nước trong mát. Cô con gái trong nhà vẫn ngồi thêm giếng, *múc nước gội đầu*, thả hương bồ kết thơm xa...

Nhà nghiên cứu cổ vật Vương Hồng Sển đã từng khen vẻ đẹp của nhà tranh và ông cho hay có cái nhà tranh đẹp, đến khiến có một anh công chức (thời Pháp thuộc) gặp rồi mê, ngộ ý đem nhà ngói đổi... Mà không đổi được. Dân gian không hoàn toàn tin rằng hạnh phúc hôn nhân và gia đình là nhờ giàu có; mà vẫn lưu truyền câu nói: "*Nhà tranh,*

vách đất, gạo nước lã và hai quả tim vàng" ý nói dẫu nghèo mà biết yêu nhau bằng cả trái tim yêu thương thì vẫn có hạnh phúc như thường. Người ta có ý thức phòng tránh gió bão, cho nên cất thấp nhà ở, dẫu biết khi vào nhà, vô ý đụng đầu.

Trong các làng quê Bình Định, giữa những nhà tranh vách đất, mọc lên mấy ngôi *nhà lá mái*, *nhà ngói Tây*.

Nhà lá mái là một công trình kiến trúc bề thế và rất đặc trưng Bình Định. Toàn bộ ngôi nhà đặt trên nền móng đá ong và một khung gỗ (danh mộc) với các hàng cột (hàng nhất, hàng nhì, hàng ba) và các cột - kèo - xiên - trính... chịu lực, liên kết với nhau. *Cổ những chủ nhân vì quá yêu nhà lá mái mà phải lặn lội lên rừng, tìm gỗ quý mua đem về cất nhà*. Nhà tọa lạc giữa một khuôn viên, trước có sân rộng, tường rào cao, nhà ngói bước lên tam cấp; sau có vườn cây lúc lỉu quả, khóm tre trúc lá ngọn. Nổi bật trong nhà lá mái là nếp cổ. Trước nhà có bờ tường, nhà ngói, hàng cau liên phòng, lê lựu trồng trong sân, hoa hồng tường vi nở nơi giọt tranh... Sau nhà có vườn rộng, ao sâu... Nội thất nhà là một công trình chạm trổ và là một kho chứa đồ cổ. Đà nhà, cột, kèo, xiên, trính... đều được chạm trổ chữ Phước hoặc chữ Thọ (theo lối chữ trện) ở các đầu cây. Cửa bàn khoa được chạm nổi hoặc chạm thủng; có những bộ cửa bàn khoa bốn tấm chạm thủng thành một bộ tứ bình: *Mai - Lan - Cúc - Trúc* hoặc *Long - Ly - Quy - Phụng*. Những đồ phục vụ cho sinh hoạt, như tràng kỷ, rương xe, giường hộp... vừa chạm trổ vừa khảm xà cừ. Hoành phi liên đối khảm xà cừ các câu chữ đã trở thành thi phú làm rung cảm hồn người và mang ý nghĩa giáo dục về lòng biết ơn Tổ tiên, về đạo lý Thánh hiền... Cái kho chứa đồ cổ trong nhà lá mái, còn phải kể: các *đồ đồng* (độc lư, chân

đèn, hộp thau...) *đổ mông* (người Bình Định gọi đổ sứ Tàu – chén bát, tô, đĩa... là đổ mông) để thờ.

Khách quý đến chơi nhà được chủ nhân đón từ nhà ngõ, và buổi khách ra về, cũng tiễn tại nhà ngõ này.

Trước thời Tây sang, đã thấy có nhà xây tường, móng bằng đá ong, lợp mái ngói âm dương. Vật tư kết dính thời đó là vôi vữa, chứ chưa có xi măng. Tới khi Tây sang, người Tây xây công sở (cơ quan hành chánh, nhà ga, nhà dây thép, nhà thương, trường học ở tỉnh lỵ và các huyện lỵ...) bằng gạch nung và xi măng. Từ đó, trong các làng quê, nhà gạch bắt đầu mọc lên. Có những ngôi nhà gạch to, đẹp với tường vôi trắng, cửa vòm, thềm cao, hè rộng, mái cao (không sợ gì bão to, gió lớn), nền xi măng hoặc nền gạch Bát Tràng. Lúc đầu, nông dân vẫn nói “tiếng Tây” về ngôi nhà này: Cái pla-phông (plafond: trần nhà), ô – văng (auvent: hiên nhà), bộ sa-lông (salon: bộ bàn ghế trong phòng khách), đi-văng (divan: ván nằm)... Như một thời, người ta vẫn nói tiếng Tây về bóng đá: Nu (Nous: chúng tôi), manh (main: chạm tay), a-ri-e (arriere: hậu vệ), gôn (goal: khung thành)... Bối cảnh của nhà gạch thường là vườn xoài, mận sai trái, hàng cau vươn cao phất phơ khóm lá và một vòm trời xanh. Nhà sân rộng, lối đi êm, đến cuối tuần thì thường đón khách.

Dân miền Trung thường truyền khẩu câu: “*Tiếng đồn Bình Định tốt nhà - Phú Yên tốt lúa, Khánh Hòa tốt trâu*”. Có lẽ câu ca dao đã nói về những ngôi nhà lá mái, nhà ngói ở Bình Định đó.

Nhà công ở trong làng là các đình chùa, miếu mạo, chợ quê... Và cũng chắc, có ngôi trường làng nữa.

Kiến trúc đình, chùa, miếu mạo là những công trình kiến trúc cổ mang đậm nét tâm linh, tín ngưỡng lâu đời của người Việt.

Đình lập nên để thờ Thành hoàng. Mái đình lợp ngói âm dương, nóc đắp lưỡng long chầu nguyệt (hoặc lưỡng long tranh châu), mặt tiền là một hàng cửa cuốn (hay cửa võng), cờ vuông trên cột cờ... Khách vào đình phải qua cổng tam quan, hàng trụ biểu, dùng chân trước bình phong rồi đi qua khoảng sân rộng mà vào đình... Thường trước đình có ao sen soi bóng cửa tam quan. Vãn bóng đáng thấy lý, cụ tiên chỉ khăn áo chỉnh tề trước thềm, trong sân.

Kiến trúc miếu gần giống như đình, nhưng nhỏ hơn nhiều. Xung quanh miếu có bờ thành (cắm miếng chai), cổng vào có nhà ngõ, trụ biểu, bình phong... Mặt tiền miếu thường xây chấn thủy, sân đó đắp tên miếu bằng chữ Hán (cũng có miếu để chữ Quốc ngữ). Nếu đình là nhà chung của cả làng thì miếu là nhà chung của xóm để thờ các bộ hạ của các vị thần linh. Hầu hết các làng đều có miếu Thanh minh, nhiều làng có miếu Hà bá, miếu Mục đồng ở bên bến sông, ở giữa đồng, vãn nghi ngút khói hương.

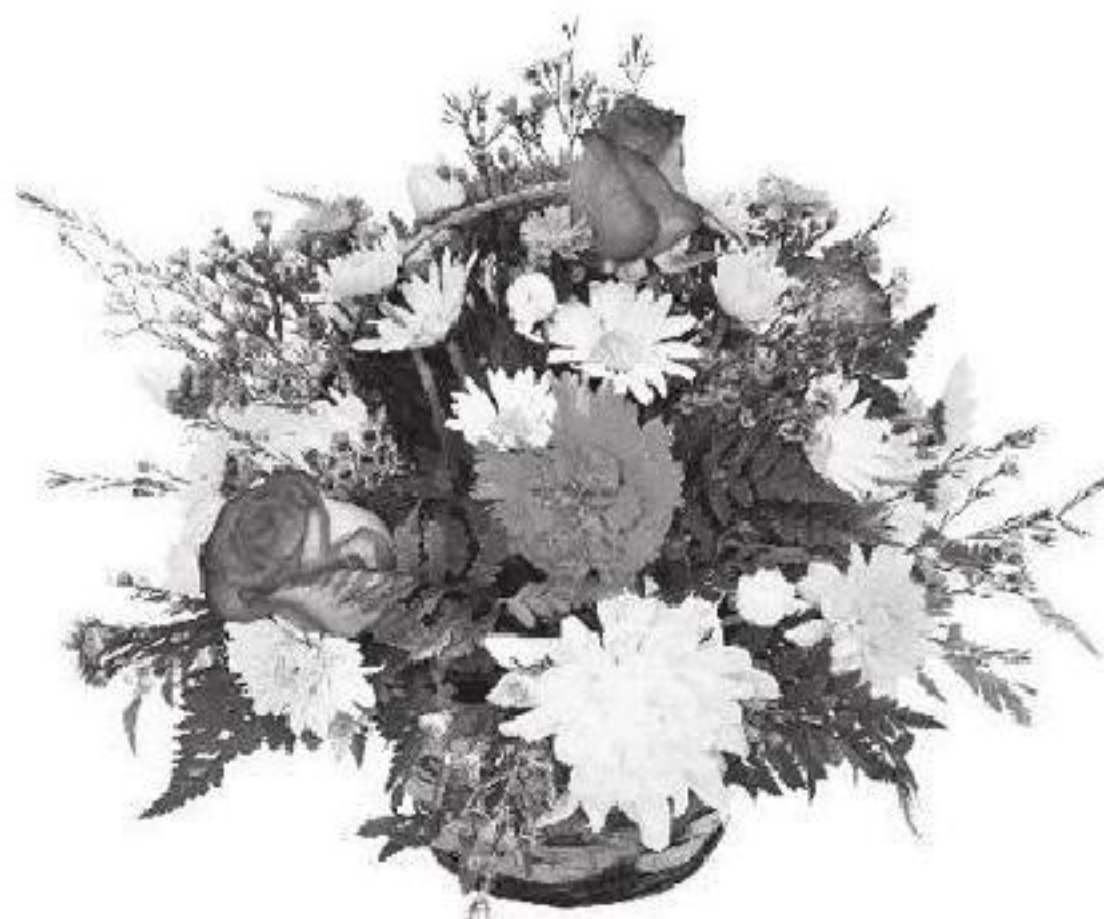
Đến chùa. Thường thì đình xây dựng ở trung tâm làng, miếu ở giữa xóm. Nhưng chùa thì lập ở nơi phong cảnh đẹp, chỗ thanh lam u tịch. Nhiều chùa lập ở lưng đồi, như chùa Linh Phong ở Phù Cát, chùa Long Giác (trong tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên* của Khái Hưng). Phải chăng vì

thể mà dân gian có từ “lên chùa”: “*Lên chùa gặp Phật muốn tu - Về nhà thấy mẹ, công phu chuyên cần*” (Ca dao). Kiến trúc chùa với những góc mái cong, nóc cao đắp hình chữ Vạn hoặc biểu tượng Chuyển pháp luân. Chùa có nhiều gian: Chánh điện, nhà Tổ, nhà khách, nhà chúm, nhà trù. Hai bên chánh điện có lầu chuông, lầu trống, sân chùa thường trồng cây đại, cây ngọc lan, góc vườn có giếng chùa thường ngọt trong (cho người dưới xóm lên gánh nước về pha trà – Nguyễn Tuân có tả trong sách *Vang bóng một thời*)... Khách thập phương về chùa đông khi chùa có lễ Phật đản Rằm tháng Tư, giỗ Tổ, lễ Vu lan báo hiếu Rằm tháng bảy. Ngày thường, cảnh chùa vắng vẻ, nhiều bữa có người bốn đạo phát thiện tâm đến với người nghèo khó, bất hạnh, đến thỉnh sư trụ trì cùng đi với mình...

Chợ quê lều quán đơn sơ. Mấy túp lều chợ bằng tranh tre. Cho nên, chợ thường nép bên cây cổ thụ: “*Lá đa rụng rơi quanh quán chợ*” (Thơ Đoàn Văn Cừ). Chỉ có làng giàu (như làng Háo Lễ, thuộc xã Phước Hưng – Tuy Phước) mới xây ngôi chợ với trụ gạch, mái ngói. Chợ thường lập bên bến sông hoặc bên bến xe ngựa, cho thuận tiện việc đi lại. Chợ quê bán buôn nông thổ sản, họp mỗi tháng sáu phiên. Ngày còn thơ ở làng, tôi thích đi chợ Tết để xem cảnh chợ đông người và nhiều hàng hóa, thích nhất, được ngắm những tấm bức viết đại tự, treo ở dãy cột lều bày bán hàng mã.

Trường làng mái ngói, có từ hai đến ba phòng học, thường nấp dưới bóng cây bàng cổ thụ (bởi thế, học trò trường làng thường có thú chơi nhặt quả bàng). Địa điểm xây trường thường ở một góc sân đình, cũng có nhiều làng mượn nhà hương hội (nhà họp của làng) để mở trường. Tôi có cái duyên cũng ngộ. Cả thời học tiểu học, rồi trung học (1945 – 1954) tôi đều ngồi học cùng chúng bạn trong các đình, miếu: Học tiểu học (từ lớp Năm đến lớp Ba) ở trường Cơ bản Háo Trung trong Miếu Sở Ba của làng Háo Đức (Nhơn An – An Nhơn) học tiểu học (hai năm Nhì, Nhất) ở Trường Tiểu học Nhơn An trong đình làng Tân Dân (An Nhơn), học trung học trong đình làng Hòa Bình (Nhơn Phong – An Nhơn). Cho đến khi mái đầu đã bạc, mỗi lần nhắc đến trường làng, nhiều người không khỏi nhớ mẹ mình xưa: “*Tiếng trống mỗi lần vang dưới xóm - Mẹ tôi hay báo, cố đi nhanh*” (Thơ Khuyết danh).

Kiến trúc ở nông thôn ngày nay không còn giữ được mấy nét xưa: Cuộc tiến hóa đã không còn chỗ cho nhà tranh vách đất; nhà lá mái còn ít lắm mà cũng khó bảo tồn; nhà ngói mọc lên thay nhà tranh; nhà mái bằng, nhà hộp hiện đại mọc lên thay nhà ngói Tây trước kia... Ông nông dân ngày nay lái máy cày, lái xe nông nghiệp, cô thôn nữ ngày nay đứng trước sân nhà mái bằng, nói chuyện điện thoại di động (chứ không cầm liềm cắt từ nhà tranh đi ra, trước khi khép cánh cửa liếp, như hồi xưa)... Người ta đang muốn phục hồi cái cổng làng xây gạch cù cù kỹ có cái cộ trâu chờ rơm chui qua, nhưng đã không thành. Vì đã mọc lên cái cổng làng bê-tông, sơn nhiều màu và chiếc xe tải nặng vù vù chạy qua. ■



Ngày Nhà giáo 20-11

Thư gửi học trò cũ

NGUYỄN CẦN

Xuân Mai thân mến,

Tuy còn hai tuần nữa mới đến Ngày Nhà giáo mà đã nhận được thư của em gửi sớm, Thấy rất vui khi vẫn còn được học sinh Sư phạm ngày xưa nhớ đến dù đã 29 năm kể từ ngày các em tốt nghiệp. Thấy được biết bạn bè em một số đã về hưu vì nhiều lý do: sức khỏe, căng thẳng, hay thậm chí vì không còn hứng thú với nghề nghiệp (!). Đó là một điều đáng buồn. Vì sao đã 30 năm qua chúng ta không thể đem lại niềm vui cho nghề dạy học, cho người dạy và cả cho người học? Vì sao trẻ thơ hôm nay vẫn thềm “mơ thấy hoa vàng trên cỏ xanh” mà lại như một đàn bò sữa gặm cỏ cháy theo ngôn ngữ của một nhà văn ngày xưa?

Qua thư, em trần trở nhiều điều, từ việc nhà trường tổ chức dạy thêm tràn lan rồi lại cấm giáo viên dạy thêm ở nhà, mà theo lời ông Hiệu trưởng là tuân thủ mệnh lệnh của Đảng và Nhà nước (?). Đó là nỗi buồn riêng của em nhưng có những nỗi buồn chung khi lương thấy cô giáo Việt Nam đang thuộc loại thấp nhất trong bậc thang cả nước. Một sinh viên mới ra trường hồ hởi về một ngôi trường ngay tại TP. HCM (chứ không phải huyện Diên Khánh xa xôi của em) cũng chỉ nhận mức lương một triệu hai mỗi tháng (lương một cô bán café tử tế hiện nay ở thành phố này cũng đã từ hai triệu rưỡi đến ba triệu). Biết nói sao bây giờ khi ngân sách giáo dục

có hạn trong khi ngân sách chung có khi đang sử dụng cho những công trình... vô hạn. Học sinh cũng vậy: mất hứng thú trong học tập khi phải đối phó với hàng loạt kỳ thi, từ tiểu học đã cống hàng năm bảy ký sách đến trường, tỷ lệ cận thị 38%, vẹo cột sống vài chục phần trăm. Hệ lụy là trí tưởng tượng tuổi thơ, niềm đam mê sáng tạo đầu đời đã héo khô, tàn lụi. Ta mơ gì có những thiên tài ngạo nghễ đập lên trên lễ thói và quy ước như Steve Jobs, Bill Gates...? Còn có những nỗi buồn chung khác hay không, khi trẻ em nhiều nơi, như ở Quảng Bình, Quảng Nam, Thanh Hóa... vẫn phải bơi qua sông đến trường. Thấy đã ghi vội những dòng cảm xúc trong một bài thơ, trích cho em nghe hai đoạn:

*Lịch sử đi về suốt bốn ngàn năm
Qua những chiếc cầu còn chưa kịp bắc
Qua những bản làng chênh vênh lay lắt
Những Khe Rào chìm khuất cuối chân mây*

*Ai một lần ghé lại trường em đây,
Chiều Trọng Hóa thấy cô không về vội
Những em nhỏ giữa sân trường, rất tội!
Về chưa em, mai sớm lại qua sông?*

(Ngày khai trường)

Nhưng em ạ, trong thư, ngoài những trần trở, thấy cảm nhận em còn yêu nghề lắm. Thấy hiểu, dù thế nào



đi nữa, 29 năm qua với em cũng là một đoạn đời dài đầy kỷ niệm buồn vui và em vẫn còn gắn bó với nghề. Em đã như một số các bạn cùng trang lứa trở thành cánh chim đầu đàn trong tổ bộ môn của mình, đã là cô giáo được đồng nghiệp và học sinh cũng như phụ huynh quý trọng. Điều ấy làm thấy luôn tự hào khi nghĩ đến các em.

Nhân đây thấy muốn nhắc lại một đoạn thư năm ngoái Thầy gửi cho Ánh Hồng, bạn cùng lớp của em, khi thầy đọc một cuốn sách của Ken Bain, *What The Best College Teachers Do*. Tác giả đã nghiên cứu một số sinh viên và tìm hiểu về những nhà giáo ưu tú, những người mà phong cách giảng dạy cũng như bài giảng của họ đã ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc đời sinh viên. Tác giả nhận thấy rằng những nhà giáo ưu tú (không cần ai phong tặng) này có ba điểm chung. Thứ nhất là họ luôn tìm phương pháp thúc đẩy việc học của sinh viên, luôn tìm phương pháp mới mẻ để tạo hứng thú cho sinh viên. Em hãy nhớ nếu không đem lại niềm vui trong giờ giảng, không giúp học sinh đưa bài giảng vào thực tế áp dụng thì thầy cô giáo còn thua chiếc máy vi tính có bộ nhớ bé nhất. Thứ hai là họ không bao giờ đổ lỗi cho sinh viên về những khó khăn hay trở ngại mà họ gặp phải. Nếu sinh viên thi rớt hay làm bài không đạt, họ đều cảm thấy trách nhiệm thuộc về mình. Thứ ba là họ luôn duy trì sự trao đổi với đồng nghiệp về việc giáo dục thế nào là hiệu quả nhất và không bao giờ tự mãn hay hài lòng với những gì đã đạt.

Thầy tin em vẫn còn nguyên niềm đam mê tri thức khi vẫn hỏi Thầy về những quan điểm và phương pháp mới về việc giảng dạy tiếng Anh trên thế giới hiện nay. Em vẫn nghiên cứu cách truyền thụ dễ hiểu nhất, gần nhất đến học trò qua những bài tổng kết, những ví dụ sinh động. Niềm yêu nghề, hay đúng hơn, yêu người, vẫn còn nồng ấm trong em...

Mình phải làm chủ hoàn cảnh

Cho phép thầy nhấn mạnh đến cụm từ trên vì em sẽ nói, "Không dễ đâu Thầy ơi, chúng ta chỉ là những



viên đá nhỏ trong dòng xoáy cuộc đời thôi". Đúng, nhưng viên đá có số phận của nó, có lương tri để suy nghiệm. Có một vị thiền sư nói: "Một ngày 24 giờ đồng hồ không nắm được tôi, nhưng tôi nắm được 24 giờ một ngày". Đó là vì ta ở trong cuộc đời nhưng không bị cuộc đời làm cho chìm đắm. Thấy không dám ví chúng ta như hoa sen vì hơi cường điệu nhưng hãy nhủ lòng như thế...

Khi sen hồng mới nở

Nụ đời ơi thơm quá! (Trịnh Công Sơn)

Đó chính là con người "vô sự", con người tự do, con người có kiến giải chân chính. Chúng ta không cần đóng kịch, không cần chạy theo hay khoác lên mình những danh hiệu Nhà giáo Ưu tú hay Nhà giáo Nhân dân hay gì đi nữa. Chúng ta dạy học và cảm nghiệm niềm vui từ học trò, uốn nắn các em bằng cái tâm chân thật trong hoàn cảnh hiện tại còn đầy rẫy bất công và nhiều nhượng, khi giá trị đạo đức đang bị xói mòn, xâm thực dữ dội. Hơn lúc nào hết, ta phải "trụ" vững trong gió bão của suy thoái kinh tế toàn cầu, suy thoái nhân luân của xã hội...

Theo ngôn ngữ của Tổ Lâm Tế thì "Tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân"; ở đâu và hoàn cảnh nào, ta vẫn cứ là ta, làm chủ hoàn cảnh và có khả năng sống với con người thật của mình.

Thầy vẫn tin rằng em có đủ nghị lực vượt qua như đã từng suốt 29 năm qua. Đất nước này đã tồn tại bao năm cũng nhờ ngọn lửa yêu thương và trí tuệ ấy. Thế chế nào thì cũng chỉ là chứng nhân của một thời nhưng phẩm chất con người thì muôn đời bền vững ...

Hãy vào lớp và vui cùng học sinh trong Ngày Nhà giáo Việt Nam, có người gọi đó là Lễ Tri ơn thầy cô. Khi cài một đóa hoa vào ngực, em hãy thấy dấu ấn còn để lại trong tim là ngọn lửa tin yêu vào sứ mệnh thiêng liêng của một "người truyền lửa", người gieo hạt nhân văn trên cánh đồng nhân loại. ■



Mẹ, người thầy bị lãng quên

HAI TRINH

Tự Đức, vị vua thứ tư của triều đại nhà Nguyễn, là một nhà thông thái, học cao hiểu rộng; chắc chắn là ông đã được thọ giáo với nhiều vị minh sư tài ba lỗi lạc. Ấy vậy mà ông đã so sánh công lao dạy dỗ của mẹ chẳng khác chi công thầy. Trong bài biểu tạ ơn mẹ nhân dịp mừng Đức Từ Dũ thượng thọ ngũ tuần, vua Tự Đức viết: “Nuôi con ăn là mẹ vậy, dạy con học cũng mẹ vậy; mẹ là **thầy** vậy”. Đây là một nhận xét đáng cho chúng ta suy nghĩ.

Trong *Kinh Thi*, phần Tiểu nhã có nhắc đến chín chữ cù lao để nói đến công ơn của cha mẹ, ghi rõ: “Mẫu hê cùc ngã..., dục ngã... (Mẹ nuôi ta... dạy ta...)”. Xem ra như vậy mẹ cũng là một người thầy theo đúng theo chức năng và cả ngữ nghĩa. Thế thì người thầy đó đã dạy cho chúng ta những gì? Đố ai mà kể xiết được. Từ thuở vừa biết “ấu ơ”, mẹ đã dạy ta thói ăn, nếp ngủ. Lớn lên chút nữa, lại dạy ta thế đứng, dáng đi. Đến lúc nói năng bập bẹ, mẹ lại phải dạy từng câu từng lời, cho đến lúc trưởng thành, người còn phải dạy cả cách đối nhân xử thế... Không ai hiểu con bằng mẹ; nên mẹ là người thầy tài ba nhất trong việc giáo dục con cái.

Có lẽ ngày xưa mẹ của thầy Mạnh Tử là người phụ nữ đã biết áp dụng khoa tâm lý vào việc dạy con sớm nhất. Nhà ở gần nghĩa địa, Mạnh Tử bắt chước đào chôn, khóc lóc. Thấy thế bà mẹ nói: “Chỗ này không phải chỗ con ta ở được”. Dời nhà đến chợ, thấy Mạnh lại bắt chước thói mua bán đảo điên. Mẹ thấy lại nói: “Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được”. Bèn dọn nhà đến gần trường học. Từ đó Thầy Mạnh bắt chước học trò lễ phép, cắp sách vở. Bấy giờ bà mới vui mừng nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở được”². Chính nhờ ở gần trường học mà Mạnh Tử bắt chước học hành siêng năng và sau này trở thành bậc thầy của thiên hạ. Lịch sử cũng không thiếu những người đã trở thành vĩ nhân là nhờ công lao giáo dục của người mẹ: Bà Letizia Ramolino, mẹ của hoàng đế Napoléon là một người quả quyết, nghiêm khắc và cẩn cù. Chính Napoléon đã thừa hưởng

của mẹ tinh thần ham làm việc và nếp sống trật tự nghiêm ngặt. Vua Tự Đức đã học được ở bà Từ Dũ tính tiết kiệm, siêng năng và lòng nhân từ, độ lượng. Sử chép rằng: Khi mẹ dạy điều gì, ông đều chép vào một cuốn sổ nhỏ gọi là *Từ huấn lục*. Xem thế đủ biết nhà vua đã chịu ảnh hưởng sự giáo dục của mẹ đến mức nào. Trong *Gia huấn ca*, Nguyễn Trãi đã chỉ rõ người mẹ phải dạy gì khi con vừa “biết chơi, biết chạy” *Đừng cho chơi cầm gậy, trèo cao - Đừng cho chơi búa chơi dao -/ Chơi vôi, chơi lửa, chơi ao có ngày...!*

Giáo dục là chuyện khó. Bước đầu lại càng khó hơn; mà cái buổi ấy lại ở trong tay người mẹ. Mẹ là người thầy theo ta đi trọn cuộc đời, là cô giáo siêng năng nhất, cẩn mẫn nhất. Mẹ không có ngày nghỉ lễ, nghỉ hè. Lại không màng đến huy chương, tương lục. Vậy mà trong thực tế, công lao ấy lại không mấy được người đời nhắc nhở, tôn vinh. Con nên người, thì chẳng nghe ai nhắc nhở đến công lao của mẹ. Nhược bằng con hư thân mất nết, thì thế gian sẵn sàng đổ lên đầu người mẹ đáng thương “Con hư tại mẹ”! Phải chăng vì hiệu quả giáo dục ấy không được chứng minh cụ thể bằng “tỉ lệ tốt nghiệp” hay bằng cấp, học vị?

Chúng ta đã có Ngày Nhà giáo Việt Nam để tôn vinh công lao của đội ngũ thầy cô giáo, lại có cả Ngày Tình nhân để tôn vinh tình yêu lứa đôi. Người Tây phương lại có cả Ngày của Mẹ (Mother's Day). Nhưng ở nước ta chưa có được một ngày lễ tôn vinh Mẹ. Ngoại trừ những người theo đạo Phật, họ có được mùa Vu lan Báo hiếu. Thiết nghĩ nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam, chúng ta nên dành một phút suy tư và kính cẩn dâng lên dâng sinh thành một nén hương lòng, để tưởng nhớ đến công lao biển trời của mẹ. Người Thầy Đầu Đời đã dẫn dắt ta đến con đường thành đạt hôm nay.

Chú thích:

1. Chín chữ Cù lao (Sinh, cùc, dục, phủ, xúc, trường, cố, phúc, phục)
2. Trích từ *Cổ học tinh hoa (Mẹ hiền dạy con)*. ■



Lớn lên

từ cách “đối nhân xử thế” của cha

NGÒ THI HƯƠNG QUẾ

Cha tôi vốn rất ít nói và điềm tĩnh, ông được hàng xóm láng giềng rất yêu mến bởi ông luôn cư xử với mọi người bằng tấm lòng chân tình, cởi mở và hay giúp đỡ người khác.

Cách đây ba năm, có một hộ gia đình mới chuyển đến xóm tôi thường bị dân làng ác cảm vì thói đánh đá chua ngoa của chị vợ và bản tính “xảo trá” của anh chồng. Khi người chồng bị tai nạn giao thông gãy chân cần phải vào viện mổ gấp, chị vợ anh tất tả chạy ngược chạy xuôi đi vay tiền chạy chữa cho anh chồng nhưng không một ai muốn giúp họ vì lo sợ họ sẽ “quýt nợ” không trả. Vậy mà cha tôi lại đem năm triệu tiền tiết kiệm cha mẹ tích cóp được từ những chuyến xe ôm hàng ngày chạy xe từ tờ mờ sáng tinh mơ đến đêm hôm khuya khoắt mới trở về nhà. Cha mang sang tận nhà cho chị vợ anh hàng xóm bị tai nạn vay. Tôi gàn cha vì không muốn dây dưa với “hạng” người lắt léo. Cha ôn tồn nói với tôi “sông có khúc, con người có lúc” con ạ, giúp đỡ hàng xóm trong lúc hoạn nạn là việc nên làm, với lại cha mẹ cũng chưa cần dùng đến số tiền này. Vậy mà sau khi anh chồng bình phục có đến hơn một năm sau họ mới mang tiền trả cha. Đã thế lại còn đếm thiếu tiền. Khi phát hiện ra, tôi đòi sang “lấy nợ” nốt số tiền họ “ăn gian” của cha nhưng cha đã ngăn tôi lại. Cha bảo biết đâu có khi người ta sợy nên đếm thiếu mà không biết, hoặc nếu họ có cố tình làm vậy thì cứ coi như là mình gặp xui xẻo đánh rơi mấy trăm ngàn mà không hay. Vì số tiền đó chẳng thể làm mình giàu thêm lên hay nghèo bớt đi nên đừng vì vậy mà đánh mất tình làng nghĩa xóm. Cha vẫn đối xử với gia đình họ vui vẻ như chẳng hề có chuyện gì. Điều

đó khiến họ áy náy và hồ thẹn nên một thời gian sau cả hai vợ chồng sang nhận lỗi và trả nốt tiền cho cha. Cha nhận lại số tiền thiếu đó rồi tự tay dẫn mấy đứa trẻ con của vợ chồng anh hàng xóm đi mua sách vở, quần áo chuẩn bị đón năm học mới. Chính cách sống ân tình của cha đã “cảm hóa” cặp vợ chồng hàng xóm “khó ưa” đó. Bây giờ thì họ đã thực sự thay đổi, vợ chồng họ sống với xóm làng rất chan hòa, có trước có sau.

Cách giải quyết sự việc thấu đáo của cha đã ngấm dần vào chị em tôi. Mỗi lần nghe chúng tôi kể lại về việc chúng tôi gặp phiền phức vì sự ganh ghét đố kỵ của đồng nghiệp hay sự chơi xấu của người nào đó... cha thường khuyên nhủ “phải rộng lượng tha thứ”. Cha vẫn nói chúng tôi rằng: “Các con muốn mọi người đối xử với mình như thế nào thì hãy cư xử với mọi người như vậy. Trong tình cảm đừng so đo, toan tính thiệt hơn bởi khi mình cho đi bao nhiêu mình sẽ nhận về bấy nhiêu thậm chí còn nhiều hơn. Hãy luôn trân trọng tình cảm, đừng bao giờ làm tổn thương người khác, đặc biệt là người thân. Bởi hủy hoại mối thâm tình là mất mát không gì có thể bù đắp nổi”. Cha luôn dạy chị em tôi cách sống, cách cư xử như thế. Bây giờ thì các con của cha đều đã trưởng thành và có chỗ đứng trong xã hội, được đồng nghiệp và bạn bè yêu mến, cấp trên tin tưởng... Có được thành công nhờ nhỏ ấy hôm nay chúng tôi thầm cảm ơn cha, người đã luôn dạy dỗ và chỉ bảo cho các con cách sống sao cho phải đạo, cách cư xử đúng mực, nghĩa tình. Được trò chuyện với cha, mỗi ngày trôi qua chúng con luôn được lớn lên từ cách “đối nhân xử thế”, cách sống của cha mẹ. ■



Kể con nghe về

HOÀNG THỊ GIANG

Sau khi tốt nghiệp, tôi được nhận vào dạy văn tại một trường tư thục ở ngoại ô thành phố. Với một người mới thàng trước còn là cô sinh viên sư phạm nhí nhảnh như tôi thì công việc thật là khó khăn. Thú thực, hầu như mọi điều tôi đã học lúc còn ngồi trên ghế giảng đường đều trở nên xa lạ khi áp dụng cho đám học trò tinh nghịch lớp Sáu đến từ khắp nơi của tôi. Là giáo viên chủ nhiệm ở trường dân lập, công việc phải nói là rất nặng nề vì đa phần các em là học sinh cá biệt, có học lực yếu và khá ham chơi. Có vẻ như khi cho con em vào trường dân lập, phụ huynh đã phó mặc học sinh cho nhà trường, bởi hầu hết các em đều là nội trú. Ngoài giờ dạy văn, với công tác chủ nhiệm tôi còn phải giải đáp tất cả các thắc mắc trời ơi của đám học trò. Thôi thì đủ thứ chuyện, từ chuyện bạn Nhi cầu vào tay bạn Dũng hay thằng Hùng giật tóc con Thảo, cho đến việc cơm tối có món rô-ti thỏ mà mấy bạn nữ không dám ăn. Tất cả những chuyện ấy cho tới những giờ học văn tôi đều phải tận tình chỉ bảo cho học trò.

Thứ Hai đầu tuần, thấy hiệu trưởng thông báo, hôm nay mỗi học sinh sẽ đóng 20 ngàn theo chương trình 'góp đá xây Trường Sa'. Khi về đến lớp, tôi thông báo cho lớp trưởng để thu tiền các bạn. Vậy nhưng, những cô cậu học trò của tôi tỏ thái độ không hợp tác thấy

rõ. Từ đầu đến cuối lớp cứ ù xèo những tiếng than như, sao lại phải 'góp đá' hả bây? Lại lấy cớ thu tiền chứ gì nữa. Phát mệt chúng mấy ơi, mới đóng tiền quỹ lớp nay lại phải đóng tiền đá với gạch chi nữa... Nghe các em xì xầm bàn tán, tôi rất buồn. Tuy nhiên, tôi không hề trách các em; bởi tôi biết, các em học sinh lớp Sáu vẫn còn quá nhỏ và đều đang ở tuổi ăn, tuổi học, tuổi chơi, chưa thể có được những suy nghĩ sâu sắc.

Mặc cho cả lớp ồn lên một lúc tôi mới tái lập trật tự rồi hỏi, các em có biết Trường Sa là ở đâu không? Nhiều ánh mắt ngơ ngác thấy rõ nhìn lên bảng, ờ nhỉ, nghe nói Trường Sa trên đài báo nhiều mà chúng mình chưa hiểu rõ. Thấy có tiếng nói ở cuối lớp, Trường Sa là ngoài biển của nước mình đấy. Trường Sa ở xa lắm phải không cô? Có phải Trường Sa gần bên Trung Quốc không cô? Trường Sa gần Việt Nam mà... Bao nhiêu câu hỏi đặt ra nhưng kỳ thực các em vẫn chưa thấu hiểu Trường Sa và ý thức về một phần lãnh thổ đó. Đang băn khoăn chưa biết nói thế nào để các em hiểu, bỗng có bạn nói, kể chúng con nghe về Trường Sa, đi cô?

Chợt giật mình, có lẽ đây là cơ hội không thể quý hơn để kể các em nghe về Trường Sa, bằng kiến thức của mình, một người sinh ra và lớn lên ở vùng biển miền Trung. Lấy lại bình tĩnh, tôi bắt đầu kể: "Các em biết không, cùng với Hoàng Sa, Trường Sa là một quần



Trường Sa, đi cô

đảo ở cách đất liền hơn 200 hải lý, phải đi tàu chừng ba ngày mới đến tới nơi. Cách đây rất lâu, cha ông ta từng ra đảo khai hoang để giúp ngư dân khi đi trên biển có nơi mà trú bão giông. Dần dần, Trường Sa không những là một nơi không thể thiếu với hàng ngàn người dân đi biển mà còn là một phần lãnh thổ của nước ta. Cách đây mấy năm, huyện đảo Trường Sa của tỉnh Khánh Hòa được thành lập, mang đến niềm vui cho nhiều người. Ở đó, ngày nay có đầy đủ tiện nghi như nhà văn hóa, bệnh viện và cả trường học cho các em nhỏ nữa. Để Trường Sa có được như ngày hôm nay, rất nhiều thế hệ cha ông ta đã phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt hay kể cả máu đỏ để gìn giữ quần đảo nằm giữa mênh mông biển Đông này. Mặc dù Trường Sa hiện nay đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của cả nước nhưng những người dân và các chiến sĩ quân đội sống trên đảo vẫn hết sức khó khăn do cách xa đất liền". Ngừng lại một chút, tôi nói tiếp: "Các em biết không, Trường Sa là một quần đảo diệu kỳ bởi hàng năm, số lượng các đảo không ngừng tăng lên, đến nay đã có gần một ngàn hòn đảo". Cả lớp đang im lặng chăm chú nghe tôi nói bỗng nhao nhao lên, sao lại tăng lên được cô, đảo là đảo chứ ạ. "Thì đấy, ở vùng biển Trường Sa có nhiều đảo nổi mà ta nhìn thấy ngay và một số đảo chìm. Những đảo chìm này

có thể nổi khi thủy triều xuống và biến mất khi triều dâng. Chính vì thế, để chắc chắn là đảo của nước ta thì mỗi khi đảo nổi lên chúng ta phải mang đá ra đắp cao lên, triều dâng cũng vẫn nổi chứ không chìm nữa. Đó chính là lý do mà tất cả mọi người cùng góp đá xây Trường Sa. Xây các hòn đảo ở Trường Sa là mở rộng một phần lãnh thổ, góp phần xây dựng đất nước. Các em còn nhỏ, đang trên ghế nhà trường nên cũng phải góp một chút sức lực nhỏ bé của mình nhằm có nhiều đá để xây thêm thật nhiều hòn đảo nữa ngoài Trường Sa. Hiện nay, ở ngoài Trường Sa chỉ có quân và dân xây đảo. Chúng ta chưa có điều kiện ra đó nên phải góp những viên đá nhỏ của mình vừa để tăng tình đoàn kết dân tộc, vừa để góp chút sức lực cùng mọi người xây dựng tổ quốc".

Khi nghe xong câu chuyện về Trường Sa và những viên đá nhỏ để xây lên những hòn đảo cho huyện đảo này, nhiều học sinh của tôi đã lặng đi trong giây lát. Sau đó, các bạn không những đóng đúng số tiền của mình mà còn tình nguyện đóng thêm một bữa ăn sáng để gửi đến các bạn học sinh, các công dân và bộ đội của huyện đảo Trường Sa, như một lời nhắn nhủ rằng các học sinh ở đây đã hiểu những khó khăn vất vả ngoài đảo và muốn góp một phần công sức cùng chung tay vì Trường Sa thân yêu. ■



Chư vị độc giả lớn tuổi của Văn Hóa Phật Giáo có còn nhớ bài “Truyện người Thừa Cung” trong sách Quốc văn giáo khoa thư (QVGKT) lớp dự bị không?

Hồi mới chập chững đi học ở thầy giáo làng, khai tâm bằng QVGKT, và niên khóa 1954-1955, tôi vào học lớp Tư A Trường Trần Quốc Toản (Huế), thì đã được cô Tôn Nữ Thị Lữ dạy sách đó. Mấy năm sau, thời cuộc thay đổi và người ta thay thế sách QVGKT bằng những cuốn sách khác. Đáng tiếc. Tôi vẫn nhớ trong QVGKT có bài “Truyện người Thừa Cung” như sau:

Thừa Cung nhà nghèo khổ côi cha từ lúc hầy còn nhỏ.

Khi mới lên tám, làm nghề chăn lợn (heo) để nuôi thân. Trong làng có ông Từ Tử Thịnh mở trường dạy học, học trò gần xa đến học đông lắm.

Thừa Cung mỗi khi chăn lợn qua trường, thấy tiếng giảng sách, thì đứng lại nghe, trong lòng lấy làm vui thích lắm, muốn đi học. Sau anh ta xin đến ở nhà học để dọn dẹp, quét tước. Từ Tử Thịnh thấy Thừa Cung mặt mũi khôi ngô, thuận cho ở. Lúc rảnh việc, anh ta chỉ chăm chăm chúí chúí học hành. Được vài ba năm Thừa Cung thành một người học trò giỏi, có tiếng thời bấy giờ.

Nghèo mà chịu học như vậy, chẳng đáng khen lắm ru!

Một ngẫu nhiên như định mệnh, tôi lớn lên khoảng 13, 14 tuổi tình cờ đã từng đóng vai Thừa Cung và người đóng vai Từ Tử Thịnh lại là thầy Nguyễn Cửu Triệp.

Tôi vào Trường Trung học Hàm Nghi năm 1959, dĩ nhiên phải trải qua một cuộc tuyển sinh gay gắt mới được vào học Đệ thất (lớp 6 bây giờ). Chuyện bắt đầu vào khoảng 1961 hoặc 1962 gì đó. Hôm ấy, lớp tôi được nghỉ giờ giữa, nghĩa là sáng hôm ấy có 4 tiết học, thì thời khóa biểu chia tẻo căng ngỡng như sau: học tiết 1 và tiết 2, nghỉ tiết 3 (muốn đi chơi hay làm gì cũng được!) rồi học tiếp tiết 4. Đạo ấy, thiếu giáo sư nên bọn học sinh đành phải chịu giờ học chen giờ nghỉ lộn xộn như vậy. Chúng tôi cả bọn học trò còn con nít... vẫn cảm thấy sung sướng, thích thú, vì được nghỉ học, vội ra sân đá banh. Tôi vốn không chuộng môn thể thao mà thiên hạ ai cũng mê ấy, nên tôi không theo anh em ra sân mà ghé vào các lớp đàn anh, thém thưỡng xem họ học như thế nào.

Tôi đứng xa xa bên cạnh cửa sau của một lớp lớn, ghé mắt khao khát nhìn vào. Giống như ông Thừa Cung trong sách QVGKT, đến đứng bên lớp để nghe lén, học lén! Lòng rộn ràng, thích thú chen lẫn sợ hãi!

Thầy Triệp đang giảng bài! Tôi rón rén đứng im, tò mò chòng tai lắng nghe.

Nhắc thầy tôi, thầy vội vàng bước ra hỏi, giọng ngọt ngào, ôn tồn:

- Em cần gì không?

Ui chao! Ngạc nhiên vô cùng khi ngược lên thấy một ông giáo sư đẹp trai, cao lớn, bệ vệ đang han hỏi, vỗ về chứ không phải dọa nạt, hoặc xua đuổi trẻ nít đang phá phách trong giờ dạy, tôi rụt rè (tim đánh thình thình) thưa:

- Dạ. Thưa thầy... con xin thầy cho con đứng đây để... xem thầy giảng bài...

Thầy vẫn giữ giọng ôn nhu, hiền hòa - khe khẽ gật đầu:

- Cũng được! Nhưng chớ làm ồn nghe!

- Dạ!

Thầy lại vào lớp, tiếp tục giảng. Tôi sung sướng vì không bị đưa lên văn phòng chịu hình phạt nào đó như cấm túc, hoặc chếp phạt chẳng hạn. Trường Hàm Nghi đạo ấy kỷ luật rất nghiêm, học trò còn bé như tôi đều phải răm rắp chấp hành. Hủ vía! Đã không bị gọi giám thị đến trừng phạt, mà còn cho phép đứng nghe lén! Tôi nghĩ thầm, thiệt thầy Triệp sao tử tế, tốt bụng giống ông Từ Tử Thịnh trong sách quá!

Tôi vẫn đứng bên hiên phía nhà ông cai Lục, mắt ngó về phía bảng đen. Thấy đang giảng bài Hệ thần kinh não tủy. Té ra, cơ thể của mình vẫn có những sợi dây thần kinh chỉ huy tay chân và điều động mọi bộ phận. Chà, bữa ni mình mới rõ! Giọng thầy to như chuông đồng, nghe sang sảng, lời tiếng rõ ràng, khúc chiết. Âm thanh khi nhanh khi chậm và rất cuốn hút, thỉnh thoảng thầy chêm vài câu pha trò làm bài giảng thú vị, sinh động hơn lên. Tôi chưa thấy vị thầy nào giảng bài hay như vậy.

Rồi một lần khác, tôi lại tình cờ đóng vai ông Thừa Cung, nghe thầy Triệp giảng bài, nhưng hôm ấy thầy lại dạy các anh lớp trên môn Giải phẫu chuột. Thấy bắt con chuột ra khỏi lồng, găm 4 chân chuột vào tấm bảng nhỏ bằng gỗ. Rồi lấy con dao bén, mổ bụng, pho



bày tất cả các cơ phận. Thầy vừa giảng, tay vừa chỉ vào các cơ quan nội tạng của con chuột. Đây là tim, đây là gan... Trái tim đỏ hồng của chú chuột vẫn còn đập nhẹ nhẹ như lũ học trò đang mê mải theo dõi một cảnh tượng hiếm thấy.

Qua một cuộc thăm dò các anh cùng trường, tôi được biết rằng: Thầy Triệp là vị giáo sư không bao giờ cho điểm 0, hoặc cho điểm xấu, không bao giờ trừng phạt học sinh như các thầy khác, thậm chí thầy không bao giờ đe nẹt, quở mắng ngay cả khi học sinh có lỗi lầm. Vậy mà tất cả học sinh đều khoái học tập trong giờ của thầy. Tôi hỏi: Tại sao vậy? Họ đáp: Tại vì thầy có nhiệt tâm và dạy rất hấp dẫn. Khi lên lớp, không bao giờ tạo ra áp lực căng thẳng cho học sinh. Ai cũng thú vị nôn nao khi thầy chậm chậm bước vào lớp, thầy thì luôn luôn ung dung, trầm tĩnh như đi dạo trên phố vắng người. Tôi còn nhớ, trong bài phỏng vấn đăng trên các báo: "Làm thế nào để học sinh biết vâng lời và chịu học tập trong lớp", nhà giáo dục nổi tiếng Dương Thiệu Tống đã trả lời như sau: "Muốn học sinh vâng lời và trở nên chịu khó học tập ư? Dễ lắm! Người giáo viên phải dạy cho tốt. Nghĩa là dạy hay, dạy hấp dẫn và không nên tạo áp lực cho học sinh". Điều này, thầy Nguyễn Cửu Triệp đã làm được. Thành thử thầy đi dạy hơn 40 năm, mà chưa hề nghe học sinh nào bỏ học vào giờ mình phụ trách!

Thật ra, suốt bốn năm trung học đệ nhất cấp, cả lớp tôi đều không được học với thầy Nguyễn Cửu Triệp một buổi nào. Đó là điều đáng tiếc! Đầu niên khóa 1962-1963, lớp tôi thấy ghi trong thời khóa biểu: Vạn vật, thầy Triệp. Cả bọn mừng húm. Bất ngờ, tuần sau lại có chỉ thị mới: Thầy Triệp bị đi lính hoặc chuyển vào dạy ở trong phía Nam, nên cả lớp tôi bị... hụt hẫng nửa chừng!

Nhưng thầy vẫn để lại những dấu ấn khó phai mờ trong trái tim còn non trẻ của những người học sinh Hàm Nghi, trong đó có tôi.

Hồi đó, những năm 1960, thấy lái xe hơi để đi dạy học. Thành phố Huế cổ kính và thanh bình đến nỗi "ông thầy đi xe hơi" trở thành một sự kiện đáng để cho bàn dân thiên hạ chú ý. Chà, thầy Triệp giàu quá và sang trọng quá! Thầy

mắn chi mà giàu rứa? Tôi đem hỏi các bậc đàn anh và ngay cả hỏi thẳng thân phụ tôi, vì danh tiếng thầy ai mà không biết. Thì tôi được trả lời hai năm rở mười như sau: Thầy trước sau chỉ một nghề là đi dạy và viết sách Vạn vật thôi! Không buôn gian bán lận, không hối lộ tham nhũng, áp phe móc ngoặc, đồng tiền thầy kiếm được thuộc loại "sạch nhất nước". Một nhân cách nhà giáo như vậy đáng làm mẫu mực cho giới sư phạm hiện nay.

Thầy dạy giỏi, dạy hay, luôn thổi sinh khí vào bài giảng. Thầy viết sách dễ học, trình bày sách dễ thuộc và được các giáo sư khác sử dụng trong việc giảng dạy cho các học sinh ở các Trường Bồ Đề, Nguyễn Du, Quốc Học... và Nguyễn Hoàng Quảng Trị. Văn của thầy giản dị, trong sáng và kết cấu rất khoa học nhưng không phải là không có văn chương.

Thầy đúng là ông Từ Tử Thịnh nổi danh đời xưa, luôn truyền đạt chữ nghĩa thánh hiền và sự thật khoa học, không mệt mỏi - cho đến những năm cuối cùng cũng không bao giờ rời bảng đen và bụi phấn. Chỉ tiếc rằng tôi không phải là ông Thừa Cung học hành đỗ đạt, để trường và thầy được lưu danh. Tôi cũng như lứa học trò thuở ấy, (nói theo một anh bạn) đều trôi nổi theo dòng đời, chẳng làm nên tích sự gì trong một xã hội có nhiều biến chuyển.

Từ khi xa rời mái trường yêu dấu, tôi vẫn chưa hề gặp lại thầy. Có lần nghe các anh em bạn học cũ nói: Thầy Triệp bây giờ dạy học tại Cần Thơ. Sau 1975, lại nghe thầy vẫn còn dạy nhưng dạy hợp đồng, rồi dạy tư. Cuối cùng nghe sư mẫu đã qua đời, để thầy ở lại một mình với những gian truân đè nặng cùng nỗi cô đơn. Tôi vì cơm áo vợ con, quanh năm suốt tháng lặn lội ở Huế mưu sinh, không dám bỏ công đi thăm thầy và bằng hữu. Tháng 4, 2010 bất ngờ được tin dữ: Thầy đã trở về cõi vĩnh hằng, nơi an nghỉ của một kiếp nhân sinh vui ít buồn nhiều. Tự lòng tôi vẫn có chút man mác khi hoài niệm những tháng năm bên thầy, mà không bao giờ níu lại được.

Nay viết vài dòng sơ lược, quấy quá này để tưởng niệm Người Thầy mặc dù tôi không được theo học nhưng để lại những dấu ấn khó phai trong tâm hồn non trẻ của cậu bé thuở nào!

Hôm nào đó, trong lúc vui đùa, các con tôi hỏi:

- Giả sử bây giờ cho ba làm người trẻ đại, thì ba sẽ làm gì?

Không cần suy nghĩ, tôi trả lời ngay:

- Ba chỉ thích làm đứa trẻ đứng bên lớp nghe thầy Triệp dạy học. Như Thừa Cung khấp nép đứng lén nghe ông Từ Tử Thịnh giảng sách. Và lớn lên cũng vẫn hành nghề dạy học như thầy đã làm dù gặp phải cảnh ngộ khó khăn, nguy biến cũng vẫn không bao giờ đổi thay...

Mấy đứa con tôi vô cùng xúc động. Bần thần, không biết nói gì.

Im lặng.

Trong giây phút bàng khuâng, tôi muốn gào lớn: Thầy ơi! ■

Bài học ở trường làng

TUÔNG LINH



Trước Cách mạng Tháng 8-1945, làng tôi là một làng nghèo. Làng đã nghèo thì trường học của làng cũng nghèo. Trường chỉ là một dãy nhà lợp tranh có ba gian cách nhau bằng vách phen tre, mỗi gian một lớp, từ lớp Đồng ấu, đến Dự bị rồi Sơ đẳng (ngang lớp Một, Hai, Ba ngày nay). Mỗi lớp do một thầy dạy.

Năm lên bảy tuổi, tôi vào học lớp Đồng ấu tại trường làng. Cơ sở vật chất của mỗi lớp chẳng có gì đáng kể ngoài chiếc bàn đặt trên bục gỗ của thầy, chiếc tủ đựng sổ sách, giấy tờ, tấm bảng đen lớn và hai dãy bàn ghế của học sinh.

Về phương diện tinh thần thì lớp nào cũng có trang trí một câu chữ màu đỏ ngay phía sau bàn của thầy, cao sát đầu vách. Câu này chỉ có sáu chữ TIÊN HỌC LỄ HẬU HỌC VĂN.

Phía dưới câu này có một đôi câu đối, mỗi vế bảy chữ, cũng được kẻ màu đỏ trên tấm ván treo dọc hai thân cột:

Sớm tối trau dồi ngòi bút sắt

Tháng ngày gìn giữ tấm lòng son.

Ngày trường khai giảng năm ấy, sau khi học sinh của lớp Đồng ấu đã ngồi đúng chỗ, thầy Trần dặn dò về nội dung, giờ giấc... rồi thầy giảng về sáu chữ "Tiên học Lễ, hậu học Văn". Vì chúng tôi còn nhỏ quá nên thầy đã dùng những từ dễ hiểu nhất để giảng một câu toàn chữ Hán. Nhờ vậy nên chúng tôi cũng hiểu được ý chính của câu ấy.

Ngày khai giảng năm học sau, tôi và các bạn đều lên lớp Dự bị. Buổi sáng hôm ấy, thầy Lê giảng cho chúng tôi nghe ý nghĩa của câu đối. Ở vế thứ nhất (Sớm tối trau dồi ngòi bút sắt), thầy giảng đó là sự chuyên cần, chú tâm về việc học hành từ lớp học đầu đời và qua mọi bậc học. Ở vế thứ hai (Tháng ngày gìn giữ tấm lòng son), thầy lưu ý

đó là sự giữ gìn nhân cách, đạo đức cao đẹp suốt cuộc đời của mỗi con người. Người có học lại càng phải tự "gìn giữ tấm lòng son" ở mọi nơi, mọi lúc.

Rồi thầy kết bài giảng bằng những lời dặn dò tâm huyết: "Các em mới đến với học đường, sự hiểu biết còn non nớt nên thầy chưa thể giảng rộng hơn, sâu hơn về ý nghĩa của câu đối rất thâm thúy này. Các em hiểu được chừng nào tốt chừng ấy và mỗi ngày hãy suy gẫm thêm. Có như vậy thì các em mới trở thành những người học trò ngoan, giỏi, hạnh kiểm tốt qua mọi bậc học và sau này mới thành người tốt cho đất nước, cho gia đình, xã hội".

Năm học thứ ba, chúng tôi lên lớp Sơ đẳng. Đây là năm cuối cấp của trường làng.

Buổi sáng ngày khai giảng, thầy Đỗ (Hiệu trưởng, dạy lớp Ba) hỏi đám sĩ tử mới:

- Hai năm qua, vào ngày tựu trường, thầy Trần và thầy Lê đã giảng cho các em hiểu về câu "Tiên học Lễ, hậu học Văn" và câu đối của trường làng ta rồi phải không?

- Dạ rồi ạ!

- Các em hiểu và nhớ cả chứ?

- Dạ, hiểu và nhớ cả ạ!

Thầy Đỗ gật đầu:

- Tốt. Sáng nay thầy dạy buổi học đầu tiên cho các em về cái đạo của người học trò với thầy, cô giáo của mình. Cuối năm nay, các em sẽ rời trường làng ta rồi học tiếp những bậc học cao hơn, nhưng cao đến đâu thì cái đạo của người học trò cũng sơ đẳng là vậy.

Cả lớp im lặng chờ nghe. Thầy bước lại chỗ bảng đen, lấy phấn viết tám chữ nhưng toàn là chữ Hán. Rồi thầy quay xuống hỏi:

- Có em nào đọc được câu này không?

Cả lớp ngồi im nhìn nhau.

Thầy chỉ thước vào từng chữ trên bảng và đọc chậm cả câu:

Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.

Rồi thầy quay xuống giảng luôn:

- “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” nghĩa là dạy một chữ là thầy, dạy nửa chữ cũng là thầy. Câu này là thánh hiền dạy về cái đạo của người học trò đối với những vị thầy đã dạy mình. Dù học trong thời gian dài hay ngắn, người học trò cũng luôn nhớ ơn dạy dỗ của thầy, kính yêu thầy đến suốt đời. Nhất tự, bán tự là một cách nói chứ chẳng vị thầy nào chỉ dạy cho học trò một chữ hay nửa chữ.

Thầy Đỗ giảng rộng hơn về công lao dạy dỗ đầy mồ hôi, tim óc của người thầy giáo. Rồi thầy kể chuyện về người học trò có tên là Carnot ở bên Tây. Khi đã làm nên danh phận lớn, ông Carnot về quê đã không quên thăm hỏi rất mực cung kính vị thầy của trường làng đã dạy ông thời thơ ấu...

Tại trường, trong mỗi lớp, lứa học sinh “nhân chi sơ” chúng tôi thời ấy được học những bài học ngoài sách giáo khoa nhưng rất bổ ích như thế. Ba thầy còn dạy cho chúng tôi những bài học đầu đời quý giá bằng việc làm ngoài lớp của mỗi thầy.

Thầy Trần dạy lớp Đồng ấu, tên đầy đủ là Trần Huệ Phương. Đây cũng là bút danh của thầy ký dưới các bài thơ của thầy sáng tác. Thầy giỏi cả Pháp văn và Hán văn. Có lẽ vì còn trẻ quá và mới ra trường sư phạm nên thầy còn dạy ở lớp này.

Chúng tôi, nhất là tôi, khi còn học ở lớp thầy ngưỡng mộ và không bao giờ quên hình ảnh thầy ngồi ngâm thơ khe khẽ nhìn xuống đám học trò làm bài nhưng không phải thầy nhìn cụ thể vào ai. Lúc ấy trông thầy như đang xuất thần, thoát tục. Thầy thường đọc riêng cho tôi nghe những bài thơ của thầy vì tôi rất thích nghe. Với tôi, bài nào của thầy cũng hay cả.

Khi tôi đã lên lớp Dự bị nhưng vẫn thường đến thăm thầy Trần thi sĩ. Một trưa hè, thầy bảo tôi đi với thầy vào bầu sen xem hoa sen nở rộ. Khi đi ngang con đường đầu bầu, thầy trò tôi dừng bước vì có một con cá lóc to cỡ bắp chân nằm phơi nắng giữa đường. Thân con cá bị kiến bu đầy. Thầy Trần nói với tôi:

- Tội nghiệp con cá, nếu gặp người khác chắc chắn nó sẽ không yên và bấy con của nó cũng sẽ chết theo mẹ.

Thầy nói tiếp:

- Đây là con cá mẹ đang có một bầy con mới sinh gọi là “rồng rồng”. Nó nhảy lên đường phơi nắng, chịu cho kiến bu cắn rồi nhảy xuống bầu nước cho bấy con nó ăn kiến. Cách tìm thức ăn này quả là dũng cảm chỉ có ở lòng mẹ.

Nói xong, thầy dùng hai bàn tay ôm lấy con cá rồi nhẹ nhàng thả xuống bầu nước. Quả nhiên, một bầy rồng rồng còn đỏ hồng xúm lại ăn kiến trong khi cá mẹ lội quanh bảo vệ đàn con.

Một sáng Chủ nhật, tôi đến thăm thầy Lê dạy lớp dự bị thấy thầy đang nhảy, đấm, đá vào mấy bao cát ở góc sân. Thầy cười trấn, ngực nở, mình mẩy toát mồ hôi.

Thầy bảo tôi đứng chờ thầy dượt tiếp một thảo trường còn. Khi thầy ngừng tập, tôi hỏi: thầy luyện võ làm gì dữ thế? Thầy Lê xoa đầu tôi và trả lời:

- Để thừa sức quật cho bẹp thầy mấy thằng Tây cướp nước và những đứa bán nước theo Tây. Các con học chữ nhưng cũng phải học võ cho giỏi để làm như vậy.

Sáng mùa đông, Trận lụt lớn đang lên. Đường từ nhà tôi đến trường nước lụt chưa ngập tới. Khi tôi đến lớp thì chỉ thấy thầy Đỗ, Hiệu trưởng và mấy bạn có mặt. Hai lớp kia cũng vậy. Phần nhiều học sinh ở các xóm xa phải qua mấy cánh đồng đang bị ngập nên vắng mặt.

Thầy Đỗ cho mọi học sinh ra về sau khi dặn chúng tôi phải hết sức cẩn thận trong những ngày lụt lội.

Rồi thầy Hiệu trưởng bảo tôi theo thầy đi ra vàm khe phía trên nhà tôi để thăm cảnh ghe thuyền các bến ngoài sông đổ về đây tránh lụt lớn. Khe cũng bị nước lụt tràn vào nhưng không chảy dữ dội như ở ngoài sông lớn.

Thầy trò chúng tôi đều có nón lá, áo tơi đầy đủ. Áo tơi chằm bằng lá tơi lấy trên núi chứ không phải áo mưa như bây giờ.

Mưa vẫn dai dẳng. Gió chướng thổi vù vù tăng thêm cái lạnh ghê người.

Vàm khe lúc này nước lụt từ sông tràn vào đã dâng cao, đôi bờ rộng ra gấp nhiều lần lúc bình thường. Hàng chục chiếc ghe lớn nhỏ đang đậu tránh lụt.

Khi hai thầy trò đi lẫn vào bên trong vàm khe thì thấy một chiếc ghe nhỏ buộc nơi gốc mấy cây bói. Dưới mũi ghe nghèo nàn ấy có đôi vợ chồng già đang ngồi co ro. Bà vợ choàng chiếc chiếu, còn ông chồng ở trần ngồi run rẩy chịu lạnh. Mưa và gió chướng vẫn không ngớt.

Thầy Đỗ hỏi lớn:

- Trời mưa lạnh thế này sao chú không mặc áo?

Ông già chỉ nhìn chúng tôi cười đau khổ chứ không trả lời. Bà vợ nói giọng run run:

- Đầu có áo mà mặc, thầy!

Thầy Đỗ cau mày. Rồi thầy đưa tay cởi chiếc áo thầy đang mặc và lội xuống sát ghe đưa chiếc áo cho ông già:

- Chú giữ mà mặc kéo lạnh.

Như sợ phải nghe lời từ chối hay tiếng cảm ơn của hai vợ chồng ở ghe quá nghèo, thầy kéo tay tôi đi vội ra đường. Tôi hỏi:

- Thấy mặc cái gì để về nhà?

- Con khỏi lo. Thầy đã có chiếc tơi lá che kín.

*

Qua gần mười sáu năm đèn sách ở bốn bậc học, tôi đã thụ ân nhiều Thầy, Cô. Tôi nhớ và giữ lòng kính yêu sâu nặng suốt đời với từng vị. Với ba vị thầy xưa nơi trường làng cũ, tôi càng rất nhớ dù đã quá xa cách về không gian lẫn thời gian. Ba thầy đã “khai tâm” đầu đời cho tôi không chỉ bằng văn hóa mà còn gieo rắc cho tôi lòng yêu nước, thương người, yêu vạn vật... Nhiều bài học quý giá của ba thầy vượt ngoài cả sách *Quốc văn giáo khoa thư*, *Luân lý giáo khoa thư* vốn đã rất phong phú. ■

Con đường mùa đông

GIÁNG HUONG

Mỗi ngày, từ nhà ra, chạy xe chậm chậm trên con đường bê tông thẳng tắp, hai bên là nhà cửa san sát, thì chỉ mất chừng mười lăm phút là tôi đã từ cái xóm Văn Thánh quê tôi bên sông Thu Bồn ra đến đường cái quan để về trung tâm huyện. Trời mùa đông nơi dải đất miền Trung này mưa tầm tã với cơn man nào là nước trên những cánh đồng đã qua mùa gặt. Cơn gió lạnh lạnh thoảng qua, bắt chợt những con cò trắng run rẩy lụi hụi đi kiếm cái ăn

trong sương sớm. Tôi đi dưới trời mưa nhưng chiếc xe vẫn bon bon trên con đường bê tông phẳng lì. Và trong tâm khảm sâu sa, không hiểu sao tôi bỗng rưng rưng hoài niệm về một miền kỷ ức với những con đường quê ngày nào...

Tôi nhớ đa diết con đường học trò len lỏi trong những hàng tre xanh um trùm bóng mát rượi, nhớ những cây xoan nở hoa tím tím rơi rụng vương vãi trên đường. Nhớ lắm con đường lấy lợi bùn đất nhào nhoẹt mà ngày nào đi học cũng phải cầm dép lên và



xắn quần đến gối. Chúng bắt đầu vào đông, tháng chín tháng mười rồi tháng mười một, mười hai là đất trời đổ xuống những cơn mưa lạnh giá, mặt đường đầy bùn nước trơn trượt bất cứ lúc nào. Ngày ấy, lũ trẻ nhà quê chúng tôi đến trường lếch thếch trên tay nào dép, nào sách vở, rồi đứa nào đứa nấy cũng mím môi lại, múm đầu bàn chân dò từng bước trong tiết trời đông. Tôi còn nhớ hai nhóc bạn là con Uyên và thằng Nam tính tình lạnh chanh, hay vô ý, mãi lo bì bõm đủ chuyện trên trời dưới đất nên không để ý, có lúc bị trượt ngã nhào nhào, áo quần sách vở lấm lem phải bật khóc và mò lại về nhà bỏ dở buổi học. Những lúc đó tôi nhìn hai đứa bạn mà thấy thấm thương, còn chúng bạn thì cười ngặt nghẽo cho những lần “chụp ếch” không công.

Ông bà nói chí lý lắm, “trời tháng mười chưa cười đã tối”, nên vào mùa đông, buổi học dường như kết thúc sớm hơn. Nhất là khi học vào buổi chiều, trời nhá nhem tối lúc nào chẳng hay. Mà trên con đường về nhà mưa vẫn cứ rả rích, quanh bụi cây bờ ruộng dọc đường là tiếng ùng ình của lũ ếch nhái, ễnh ương thi nhau tấu lên khúc nhạc mùa đông chồn đông quê cô quạnh, hoang vắng. Có nhiều hôm, trời sấm tối, mưa lại càng nặng hạt, bọn nhóc chúng tôi vẫn dò bước trên con đường quê ngoằn ngoèo, bùn nước nhão nhoẹt. Ai nấy đều hồi hải bước đi trong lúc bụng đói cồn cào, nhất là thèm được về đến nhà, bụng chén cơm nóng hôi hổi ăn với món cá thính kho, mắm cá, muối đậu, muối mè hay dưa gang muối là những thức ăn hàng ngày mùa đông của cái xóm nghèo Văn Thánh làng tôi bấy giờ. Con đường quê mùa đông dưới mưa lúc ấy bỗng thoảng cơn gió lùa đưa lại mùi thơm từ làn khói mái tranh nhà ai ven đường, mùi cơm nóng tỏa thơm phức như càng thôi thúc những đôi chân trần...

Con đường mùa đông trong tôi ngày ấy còn là con đường chăn trâu chăn bò cắt cỏ. Trời lát phát mưa phùn, cánh đồng dọc sông Thu Bồn gió thổi thông thốc, lũ nhóc chúng tôi đứa nào cũng co ro. Chiếc áo mưa mỏng tanh càng “chênh vênh”. Nhưng dường như “thi gan” với ông trời, chúng tôi vẫn kiên nhẫn mỗi sớm mai hay đầu hôm là lùa trâu bò ra đồng. Đứa nào học buổi sáng thì chăn trâu buổi chiều và ngược lại. Con đường làng càng lấy lợi hơn bởi những vết chân trâu lội bì bõm dẫm văng bùn đất. Nhưng đi hết con đường làng là mở ra cánh đồng, dù hiu hắt mỗi độ mùa đông về nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy ấm áp bởi tình bạn đoàn kết, vui vẻ của những đứa trẻ... chăn trâu trong làng, và vui hơn cả là cùng với con trâu, con bò - con vật yêu quý của nhà nông ngày ấy cùng... đồng hành dưới mưa. Từ mỗi ngôi nhà thân yêu mái rạ mái tranh ướt sũng, đứa nào cũng lon ton với con trâu con bò nhà mình gọi nhau í ới rồi băng qua những ngã đường làng quen thuộc, lùa trâu bò ra đồng. Cuối buổi, đàn trâu bò

no nê dừng đỉnh đi về trong khi bụng đứa nào cũng thon thoát vì đói để khi tới nhà là vội vội vàng vàng ăn cơm rồi chuẩn bị đi học. Chao ôi, nhớ lại thấy thương con đường mùa đông, nơi ấy ghi dấu biết bao kỷ niệm của ngày xưa gian khó...

Con đường mùa đông ở quê nhà ngày xưa còn hằn in vết chân ba mẹ ra đồng làm lụng. Mẹ quang gánh ra đồng dọn cỏ bờ ruộng cho mùa sau, cha lấp lại mấy lỗ hổng chuột đồng đào phá nát trong ngày giao mùa. Tôi thấy có bao giờ ba mẹ rảnh rang đâu, suốt ngày trong vườn ngoài đồng, mặc mưa gió lạnh thấu... Ngày nào ba mẹ cũng nhắc nhở chị em tôi, rằng mùa đông trời mưa, đi ra đường dò bước cẩn thận, chớ ham đùa nghịch mà sẩy chân ngã nhào. Nói rồi, ba mẹ thoăn thoắt ra đồng. Tôi chạy ra đầu ngõ thì chỉ thấy bóng dáng cha mẹ liêu xiêu nhỏ dần trong làn mưa rồi khuất cuối con đường làng...

Con đường mùa đông ở quê tôi ngày ấy có lúc cũng bị xóa nhòa. Thương nhất là khi nhìn cảnh xóm làng chìm trong biển nước mênh mông. Lũ lụt đối với vùng quê tôi mỗi năm vào mùa đông bấy giờ đã trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng. Bà con trong xóm chèo ghe qua lại, í ới hỏi thăm nhà ai đó có gì khó khăn cần “trợ giúp” không, nhất là những nhà nằm ven sông, có con nít... Qua mùa lụt, nước rút hết và trở lại con đường đầy những chỗ sạt lở, sâu hoắm, y như cơ thể con người chịu nhiều vết thương. Những dây tre, hàng xoan, hàng chè tàu xơ xác... hai bên đường thì rơm rạ, cỏ rác mắc vào, cùng với lớp bùn non đọng lại. Bà con lối xóm không ai bảo ai, tự động dọn dẹp nhà cửa vườn tược của mình ngay sau mỗi trận lụt rồi vội vã bắt tay vào “nâng cấp” lại con đường làng. Đắp đất vào những chỗ sạt lở, phát quang, quét tước. Rồi cũng trả lại cho xóm làng quê tôi những con đường làng thơm mát, từ mọi ngõ nhà tỏa ra đường cái quan. Những con đường làng nhỏ nhỏ lại rộn ràng bước chân...

Ngày nay, hàng ngày tôi lại tiếp tục đi trên con đường làng. Diện mạo xóm làng đã thay đổi nhiều và đời sống của người dân đã được nâng lên. Những con đường nho nhỏ, đầy bùn đất mỗi khi mùa đông về đã được “thay da đổi thịt” bằng những con đường bê tông phẳng lì, chắc chắn. Sự đổi đời ở xóm Văn Thánh quê tôi cũng như bao vùng quê khó nghèo lam lũ khác bắt đầu từ những con đường ấy mở ra cuộc sống thuận tiện và đầy đủ hơn. Nhưng trong tận sâu thẳm lòng mình, tôi vẫn còn nhớ hình ảnh những con đường quê xưa. Lòng có lúc như chùng lại khi hiện hiện ra hình ảnh cha mẹ, bạn bè, những người hàng xóm thân yêu ngày nào rong ruổi trên con đường quê với bao nhọc nhằn. Bỗng chợt nhớ câu thơ của nhà thơ bạn hàng xóm hay tếu táo “Đứng bên ni đường bắt tay bên tê đường”. Lòng lại chạnh nhớ những con đường quê xưa... ■

Buông

TIỂU TRÚC

Tháng Chín vừa qua là tròn sáu mươi năm ngày cưới của ông bà ngoại tôi. Sáu mươi năm – một đời người. Trên giấy tờ là vậy, nhưng thực tế, ông bà sống với nhau vẹn chưa tới ba mươi năm. Tôi nghe mẹ tôi kể rằng, ngày ấy, ông bà thương nhau nhiều lắm, nhất là bà. Vì thương ông, bà luôn dành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho ông. Mẹ nói có lần, bà xem phim, trong phim có đoạn người chồng bị ốm rồi qua đời, bà đã khóc sung cả mắt, vì nghĩ đến nếu có một ngày ông xa bà vĩnh viễn như thế, chắc là bà cũng chết theo ông.

Nhưng – cuộc sống vốn dĩ luôn phức tạp bởi từ “nhưng” này. Ông đã không xa bà, mà chính bà lại quyết định rời xa ông. Tôi còn nhớ như in, ngày tôi tựu trường vào lớp Một, cũng là ngày bà dọn nhà ra sống

riêng. Mẹ tôi và các cậu dì đã hết sức cản ngăn nhưng vẫn không thể thay đổi được cái quyết định ấy của bà. Và cho đến bây giờ, những người lớn trong nhà cũng chỉ lờ mờ biết rằng ông đã làm một việc có lỗi với bà nhưng cũng không ai biết được lý do cụ thể, chính xác cái lỗi đó là gì?! Ông không giải thích, bà cũng lặng thinh. Và cứ thế, ông - bà vẫn đi song song bên cạnh cuộc đời của nhau, không ràng buộc cũng chẳng tự do.

Ba mươi năm rồi, ba mươi năm – khoảng thời gian đủ dài để dòng chảy cuộc đời cuốn trôi đi nhiều thứ nhưng trong dòng nhớ của bà, nỗi niềm ấy vẫn không thể nguôi ngoai. Bà vẫn đứng dưng trước những lời xin lỗi của ông. Bà không thể tha thứ cho ông hay cố tình không cho phép mình cái quyền được tha thứ ấy?! Mẹ tôi thường chép miệng thở than: “*Ngoại bây, vì thương quá hóa hận*”. Có lẽ vậy. Nhiều lúc, nhìn bà, tôi có cảm tưởng, bà đang mang một “tảng đá” lớn lắm trong lòng. Mà “tảng đá” ấy chính là sự kết tinh giữa thương và hận; giận và yêu. Còn ông, tôi cũng rất thương ông. Chỉ vì nỗi oán giận của bà quá sâu đã khiến ông phải sống trong sự ray rứt suốt nửa quãng đời còn lại.

Tuổi già, bà đã bắt đầu lẩn lảng. Chuyện đời lúc nhớ lúc quên. Con cháu đứa quên, đứa nhớ. Nhưng bà vẫn “cương quyết” không “buông” cái lỗi của ông.

Bà bệnh, nằm đấy yếu xiu, mọi người vây quanh lo lắng, đỡ đỡ. Nhưng khi ông xuống thăm, chưa thấy mặt, chỉ cần nghe tiếng ông ở phía trước nhà là ngay lập tức bà quay mặt vào trong vách. Tôi quay quắt với chính mình: “*Chẳng lẽ, bà định mang “tảng đá” này sang tận thế giới bên kia?*”

Đêm ấy, ngồi bên ngoại, tôi thầm thì: “*Ngoại ơi, con biết, quên thì không quên được nhưng nhớ lại càng thêm đau. Cho nên nếu ngoại không quên được thì con xin ngoại, ngoại cũng đừng nhớ nữa!*”

Bất giác, tôi thấy một giọt nước mắt lăn dài trên gương mặt già nua của ngoại...

Giọt nước mắt ấy ngoại khóc cho ai? Cho bà? Cho ông? Hay cho cái Duyên và Nghiệp mà cả ông và bà đã trót đeo mang?

... Không ai có thể níu dòng sông trở về bến cũ, cũng không thể bắt dòng đời trở ngược gót thời gian. Cho nên:

“... *Thôi thì xin hãy buông nhau
Trả ta trở lại một bầu trời không*”.

Tôi ước cho ngoại và có phải chăng tôi cũng đang tự nhắc nhở với chính mình?! ■





Mẹ và chiếc “ba gác”

PHẠM THỊ KHUYẾN

Hiện nay, có lẽ việc sở hữu một phương tiện giao thông cá nhân không còn là vấn đề quan trọng đối với mọi người. Người ta mơ ước có được một chiếc SH hay Dyland, và hơn thế nữa là Lexus, Mercedes, BMW hay... máy bay (!), chứ mấy ai ước mơ được đạp chiếc “ba gác”. Thế mà chiếc xe đạp “ba gác” của mẹ tôi cũng bị mất đấy!

Đó là chiếc xe đạp nữ hai dóng của mẹ tôi, thường được buộc thêm một chiếc gác ở phần “pooc-ba-ga” (*porte bagages, chỗ để hành lý, theo tiếng Pháp*) và một đôi nẹp ở phần khung xe, tất cả đều bằng tre cật già, để chở hàng được chắc chắn hơn. Được “trang bị” như vậy nên chiếc xe trông không đẹp, nhưng lại có thể chở được nhiều hàng; vì thế mà anh em chúng tôi hay đùa gọi nó là “xe ba gác”. Chiếc xe “ba gác” ấy và sự tần tảo của bố mẹ đã nuôi ba anh em chúng tôi trưởng thành.

Từ lâu, người dân làng tôi đã lặn lội buôn bán khắp các chợ lớn nhỏ trong và ngoài tỉnh. Bà ngoại tôi kể: cụ bà thân sinh ra ngoại là tiểu thương có tiếng ở làng xưa, quanh năm gánh bộ hay đi xe kéo tay hàng chục cây sớ đến chợ bán hàng. Thời ấy, cả làng gần như chỉ có cụ ngoại và một vài người nữa tảo tần chợ sớm chợ hôm. “Nghiep” ấy truyền tới bà ngoại, rồi sau đó được “chuyển giao” đến mẹ.

Chiếc “ba gác” gắn bó như hình với bóng cùng mẹ tôi hàng ngày: đi làm đồng, đi chợ, đi thăm họ hàng... Khoảng năm 1992, bố tôi mua được của bà bán đồng nát (ve chai) cái khung xe Phượng Hoàng cũ, loại khung xe do Trung Quốc sản xuất. Tôi không hiểu bố sẽ làm gì với cái khung xe han gỉ, tróc sơn, rỉy xước, lại được “hét” tới giá 50 ngàn đồng, một số tiền khá lớn đối với gia đình tôi lúc ấy. Nhưng bố cười, bảo: “Yên tâm, nhìn thì thế nhưng nó còn chắc chắn lắm, bằng khối xe mới bây giờ đấy!”. Thế rồi ông tỉ mỉ lau chùi chỗ han gỉ, tra dầu mỡ và tìm hiệu sửa xe trên huyện để phun sơn. Vậy mà nó lột xác thành một cái khung xe vững chắc, khá đẹp. Bố mua thêm phụ tùng để lắp vào. Nếu như cái khung xe ấy lại được lắp đôi vành bằng nhôm thì thật tuyệt, tôi có thể vênh mặt đạp vi vu. Thế nhưng, bố thay bằng đôi vành

xe đạp thổ. Nhìn nó thật thô kệch và đi lại nặng nề. Bố lại còn lắp thêm cái gác chở hàng và đôi

cặp ngang xe, đều được đóng bằng tre già. Vậy là có một chiếc xe chở hàng chắc chắn, chở tới 70 – 80kg vẫn ổn. Anh em tôi gọi đùa là xe ba gác. Mỗi lần cười “ba gác” đi học, đi chơi, anh em chúng tôi đều ngại ngùng khi đứng cạnh những mini Nhật, mini Tàu, Mifa... của bè bạn.

Nhưng chiếc xe “ba gác” ấy đã theo mẹ tôi “chinh chiến” khắp chợ lớn, chợ nhỏ trong huyện, trong tỉnh gần 20 năm trời, di chuyển hàng chục nghìn cây sớ; là người bạn đồng hành của mẹ trong những buổi chợ sớm tinh sương hay đêm hôm khuya khoắt để nuôi chúng tôi ăn học khôn lớn. Sau này, chúng tôi mua cho mẹ chiếc xe mini Nhật để đi lại nhẹ nhàng, nhưng mẹ không ưng và cũng ít đi. Mẹ bảo: “Đi xe này quen rồi, nó vẫn chắc chắn”.

Tháng Tám năm ngoái, tôi nghe tin trộm đã “cuỗm” chiếc “ba gác” của mẹ. Mẹ bảo: thường ngày mẹ vẫn đi ra chợ và để trước cửa tạp hóa nhà cô Nhuận. Hôm đó không hiểu sao dựng xong xe mà mẹ không quay lại nhìn, khoảng 20 phút sau “ba gác” đã “không cánh mà bay”. Giá trị của nó chẳng đáng là bao, khoảng 100 ngàn đồng là cùng, nhưng nó rất có ý nghĩa đối với gia đình tôi. Chiếc “ba gác” cộng với sự tần tảo của bố mẹ đã làm thay đổi hoàn toàn kinh tế của gia đình. Dịp cuối năm, bố mẹ tôi thường thu hoạch nông sản của gia đình hoặc mua của gia đình khác, rồi mang đi các chợ xa bán để kiếm lời. Những năm trước thỉnh thoảng anh em tôi cũng góp mặt, chở hàng và bán hàng tại chợ Tết. Mấy năm nay, bố mẹ già yếu rồi, nhà tôi thường bán buôn ngay tại ruộng, không phải mang đi chợ xa bán.

Có năm về quê ăn Tết, mẹ chở tôi đi chúc Tết bằng chiếc xe đã được tháo “ba gác” và “đôi cặp” ấy ra. Mẹ không cho tôi chở, bảo rằng: tay tôi yếu, chân tôi lèo khèo làm sao chở được, nên tôi đành ngoan ngoãn ngồi sau mẹ. Mỗi lần về quê chở mẹ đi đây đi đó bằng xe gắn máy, mẹ cứ kêu chóng mặt, nhức đầu hoài. Chẳng lẽ mẹ khổ quen rồi nên giờ bớt khổ một chút lại thấy lạ lùng? Mà, đợt tới về nhà thì còn đâu “ba gác” để đi với mẹ? ■

Vườn bơ của thầy Tuấn

LY THỊ MINH CHÂU

An cư trên vùng đất này cũng đã khá lâu, có khi gần mười năm rồi chứ chẳng ít, thầy giáo Tuấn là người có uy tín vào loại nhất làng. Ngoài giờ đứng lớp, chẳng mấy khi người ta thấy thầy la cà đây đó. Thấy là một nông dân trí thức chính hiệu, hay lam hay làm; nhìn vào mảnh vườn xanh ngát, trái trĩu cành, ngay hàng thẳng lối của thầy, ai cũng phải phục thầy sát đất về tính thẩm mỹ và khoa học.

Căn nhà nhỏ đơn sơ nhưng đầy đủ tiện nghi của thầy là sự kết hợp hài hòa giữa cái truyền thống có phần phô trương không cần thiết của tộc người nơi đây và cái thực dụng kiểu nhà mái bằng của Mỹ. Đó là căn nhà gác theo kiểu nhà dài Ê Đê nhưng không có mái cao vút, nhọn hoắt mà là mái tôn ngang lè tè. Dưới cái nóng oi bức của gió Lào, đồng bào cứ nhìn thầy cười cười mỗi khi đi ngang qua. Chắc họ nghĩ, ngồi trong ấy như ngồi trong chảo lửa. Thực ra, nó mát mẻ và thoáng đãng hơn những căn nhà của họ rất nhiều. Cửa đi được trở ra hướng Đông và hướng Nam, cũng là cửa chính và cửa hông của ngôi nhà. Ở đó luôn có gió, thứ gió quý phái của vùng cao trong lành và mát mẻ chứ không ngọt ngọt như phở xá ở đồng bằng. Chung quanh nhà san sát nhau là cửa sổ, chúng là cái máy điều hòa nhiệt độ vạn năng. Trên trần nhà là bức tranh trừu tượng hình khối nhiều màu sắc được đắp nổi bằng những tấm xốp dày mỏng khác nhau. Đó là rác của các quầy điện máy ở phố, nhưng khi có bàn tay tài hoa của Tuấn chạm vào thì nó biến thành tác phẩm mỹ thuật độc đáo. Mấy ai để ý tới tính năng cách nhiệt tuyệt hảo của những tấm xốp này cho đến khi mục sở thị tại nhà Tuấn thì mới ngỡ ngàng xuýt xoa.

Ngày về nhà mới, Tuấn không quên làm mâm cơm thết đãi chòm xóm. Sự quan hệ giữa Tuấn với già làng bản này là không thể thiếu. Phép vua thua lệ làng mà. Ai đã từng quan hệ thâm thiết với cư dân nơi này mới biết là tiếng nói của già làng quan trọng đến thế nào. Từ cái ăn, cái mặc cho tới việc học hành của con em họ, già làng đều cho những lời khuyên đúng đắn. Khi một nhà nào đó cần thu hoạch nông sản hay hoa màu cho kịp thời vụ mà con cái họ đang bận học hành thì già làng phân công gia đình rồi việc phụ giúp. Coi như cho mượn công vậy.

Là vùng bán sơn địa nên đồng bào ở đây làm rẫy là chính; ngoài lúa và ngô, thổ ngơi vùng này rất thích hợp cho cây bơ phát triển. Cây bơ cũng thuộc cây cổ thụ, tuổi đời có khi vài ba chục năm. Trái bơ giàu dinh dưỡng, có vị béo đặc trưng mà không loại cây nào có được. Nếu chăm bón tốt, thì chỉ cần hai hoặc ba quả là đã đủ một cân rồi. Với giá hiện nay hai, ba chục ngàn một cân thì một vụ bơ của Tuấn với hai sào đất cũng thừa sức mua một chiếc xe Dream Thái mới toanh mà chẳng phải suy nghĩ gì. Tuy vậy, nếu không có chút kiến thức về trồng trọt và ghép cành cho thuận chũng thì vườn bơ cũng thành năm cha bảy mẹ, chẳng trái nào giống trái nào. Đa phần người ta trồng bơ bằng hạt. Trước đây Tuấn cũng làm như thế, nhưng mặc dù Tuấn kỹ hơn là chỉ dùng hạt của một cây duy nhất, vậy mà khi cây đã ra quả thì vẫn chẳng cây nào giống cây nào. Cây thì bơ sáp, cây thì bơ nước, trái thì dày cơm, trái thì cơm mỏng dính. Cuối cùng thì Tuấn đành phải bái Google làm sư phụ mới gỡ được rối tơ lòng. Tiếc sáu năm trồng và chăm bón, không lý phải cắt sát gốc chờ cây mọc ra cành nhánh nhỏ rồi mới ghép giống khác thì ức quá. Tuấn chọn cách ghép lưng chũng cây. Cách này tuy có nhọc là phải ghép nhiều mắt và phải vệ sinh cây liên tục vì khi cây đã bị cắt cành thì tược non sẽ mọc ra tùm lum không kiểm soát được. Để lại những tược non nào ưng ý, hình dung ra tán cây ngày sau như thế nào, từ đó nên ghép hướng nào... đều là những chuyện phải suy nghĩ tính toán.

Tuấn chọn phương pháp ghép mắt, nghĩa là ghép mắt ngủ, mỗi lá có một mắt ngủ, đó cũng là cách tiết kiệm cành ghép nhất. Nói gì thì nói, chứ đã là giống quý hẳn phải biết xót. Cắt nhiều đọt để ghép thì làm sao không ảnh hưởng đến cây, đến sản lượng quả mùa sau. Cũng chỉ là người trần mắt thịt, vô văn thông số phải giải quyết như vậy thì khó quá, nhưng thầy Tuấn cứ phải cố. Khi đã chọn được cây ưng ý, thầy Tuấn thường xin những cành la, nghĩa là những cành không có khả năng đậu quả. Tỷ lệ mắt ghép này sống rất thấp, chậm lên mầm, nhưng được cái là xin bao nhiêu cũng có. Miệt mài ba năm cải tạo như thế, bây giờ vườn bơ của Tuấn đã thành điểm tham quan của rất nhiều nhà. Nhà nông, nhà báo, nhà đài và cả nhà khoa học nữa đấy. Chẳng có gì phải giấu giếm và cũng chẳng có gì

là cao siêu. Bí quyết để mọt ghép sống và phát triển phải là lưỡi dao ghép phải thật sắc và luôn được khử trùng. Dây cột là loại bao ni lông có trong những bao u rê, được giặt sạch, phơi khô và cắt thành từng sợi bề bản rộng một phân. Mọt ghép nằm trong nách lá, dùng dao khoanh hình vuông quanh mọt ghép này, đường khoanh phải cách mọt ghép năm, bảy ly. Rạch vỏ gốc ghép hình chữ T, banh da ra nhét mọt ghép vào. Cần thận để không làm trầy lớp nhựa nguyên của gốc ghép, dùng dây buộc chặt lại không cho nước mưa thấm vào. Lúc này mới cắt cuống lá, chỉ chừa lại hai phân để theo dõi mọt ghép sống hay chết. Nếu sau một tuần mà cuống lá còn xanh là mọt ghép đã sống. Khi chồi ghép dài bốn năm phân thì cắt dây buộc cho nó thoải mái phát triển.

Tuấn biết mình không thể khuyên đồng bào làm theo mình khi mà họ chưa thấy kết quả đầu cả, Tuấn nghĩ cách khác. Ngày Tuấn phát quang vườn chuẩn bị gốc ghép, Tuấn đã nhờ già làng thông báo cho bà con trong bản biết là ai cần củi đốt thì cứ tới nhà lấy. Họ xí xa xí xỏ ra vẻ kinh ngạc, nhưng chắc chắn là họ đang quan sát cách làm của thầy dù rằng họ chẳng biết Tuấn định diễn trò gì. Rồi khi ghép, Tuấn cũng mời già làng và một số cư dân nhà bên cạnh sang chơi, cũng có rượu, có trà, có cả thuốc lá Tam Đảo nữa để họ xem cái công việc làm rất có ý nghĩa của Tuấn. Tuy vậy, Tuấn chẳng thể nào lay động được ai kể cả già làng để có cây bơ tuyệt vời như mình. Cho đến một hôm Tuấn sang mời già làng qua hái giúp trái bơ đầu vụ thì già làng mới thật sự bàng hoàng, tiếc nuối:

- Phải chi hồi đó tui làm theo thầy.
- Thì bây giờ cũng có muộn đầu.
- Có đấy, người ta chỉ chăm bẵm vô vườn thầy, thích thầy bán trái cây cho họ. Còn cả làng này cứ như ma ám, trái thì có trái mà chả ai muốn ăn chứ đừng nói chi mua.
- Vậy chừng nào mình bắt đầu đây?
- Ngay bây giờ được không thầy?
- Không được, đang mùa cây cho quả mà, sau mùa quả cây còn phải nghỉ ngơi nữa chứ. Nếu cắt cành lúc này thì cây sẽ chết. Sang xuân nhé.
- Dạ.

Sang xuân cả làng đồng loạt ra quân, Tuấn đâm hoảng, làm sao có mọt ghép một lúc cho đủ. Lại phải gặp già làng, lại phải thỏa thuận với dân bản về số lượng gốc ghép, số lượng mọt ghép. Tuấn cũng không quên tổ chức lớp tập huấn thực hành ngay tại vườn của già làng. Lũ trai trẻ bây giờ xem ra thông minh hơn Tuấn tưởng, em nào cũng được Tuấn chỉ vẽ tận tình, cũng được thực tập ít nhất là một lần. Dĩ nhiên là mọt ghép do vườn Tuấn cung cấp.

Tích tắc mà đã mười năm rồi, bây giờ vào bản Gòn người ta chỉ có thể nghe một thương hiệu duy nhất: "Bơ thầy Tuấn". Thương lái cũng thế: "Có bơ thầy Tuấn không, hái đem đây tui mua cho...".



Nằm đêm Tuấn nghĩ, đã mang cái nghề gõ đầu trẻ mà trẻ không nên người thì thấy hồng. Không nhứt thiết phải học lâu lâu như vẹt mà chẳng làm nên trò trống gì. Dạy trẻ đã khó, cảm hóa bạn mình hay người lớn tuổi hơn mình khác nào tìm cách lên trời. Quá khó, để làm được điều đó không gì khác hơn là lòng nhiệt tình và tận tụy giúp họ chạm được thực tế mong muốn. Đó cũng là nghệ thuật sống cao cả của người thầy lương tâm. Tuấn hạnh phúc với cái tên mà nhân gian đã đặt cho mình. ■

Chiều qua trường cũ

NGUYỄN CÁT CHUYỂN

Chiều nay qua ngôi trường cũ
Lòng nhớ thầy cô mệnh mang
Nhìn hoa bằng lăng tím biếc
Bỗng dung thương nhớ ngập tràn.

Chiều nay qua ngôi trường cũ
Đâu rồi mực tím còn vương?
Tên ai hằn trên ghế đá
Ký ức một thời yêu thương.

Chiều nay qua ngôi trường cũ
Bướm trắng dập dìu bay đi
Tóc thề chấm ngang vai nhỏ
Ý nhen một chút tình si.

Chiều nay qua ngôi trường cũ
Bâng khuâng nhớ bạn, nhớ thầy
Mùa sang cuốn theo dòng chảy
Người về... hoa ngát hương bay.

Thầy và dòng sông

NGUYỄN THÀNH NGÀ

Dòng sông chảy từ nguồn mạch
Cây mọc từ cội thơm tho
Câu chữ lớn lên từ sách
Nghĩa trong in bóng con đò

Thầy tôi là con đò ấy
Chở tôi qua bến sông này
Mái chèo ngược xuôi con nước
Một đời viên phấn mòn tay

Thầy là những đêm thức trắng
Nghĩ suy cho lũ trò nghèo
Ở nơi làng quê khoai sắn
Lấy gì vượt nổi gieo neo?!

Thế mà Thầy ơi! Sông ấy...
Đò Thầy vẫn cứ qua sông
Hồn tôi thường khi neo đậu
Mỗi lần mây kéo cơn giông...

Vẫn hoài trẻ thơ

PHAN THÀNH MINH

Cán bút gỗ đầu đen đầu đỏ
Ngón giữa không rời
Nên lành đủ sản chai
Ngồi bút lá tre sủi vào trang giấy sục
Mẹ bảo chọn mực xanh cho dễ thuộc bài

Con tóc rối bù xù
Bắn bi đánh đáo
Vết mực lem
Lem suốt thời thơ
Tháng ba cười run run hoa gạo
Trường lớp xa
Hai buổi mẹ chờ

Đèn dầu lạc củ thơm hoài ký ức
Khói lam nghèo cũng đồng đánh như hương
Khoai sắn lột lòng
Mạnh chân con bước
Chẳng biết khôn chưa
Cũng đến lúc xa trường

Mẹ lại đợi sát bên bìa hy vọng
Lời ru nào xoa dịu nỗi đau
Bao mùa đã xa
Bao mùa chưa cũ
Con vẫn trẻ thơ như mới hôm nào.

Tình thầy trò

LÝ THỊ MINH CHÂU

Ở nơi đâu có tiếng gọi mẹ hiền
Nơi đó có tình thương thầy cô giáo
Thuyền tri thức thầy chèo chèo tài đạo
Đưa trò qua bến vinh quang

Dầu mái lá phen tre vẫn là linh hồn làng
Trường dầu bé nhưng ý chí ta lớn
Tập viết
Thuộc lòng
Luận văn
Giới toán...
Đền sách giúi mãi chấp cánh ngày sau

Lời khuyên này em nhớ cho lâu
Học để nuôi mình chớ nuôi ai đâu mà lười biếng
Trò học dốt thầy cô cùng chịu tiếng
Nỗi buồn sẽ phải nhân đôi

Đã bao lần rồi em mãi mê chơi
Khuyên chẳng được cô biết làm sao cho phải
Nhất tự vi sư em còn muốn trả lại?
Nửa chữ cũng thầy...
Mong manh quá phải không em

Đã dờ rồi dễ tuột dốc dờ thêm
Em không gắng làm sao cô dẫn dắt
Hoang phí tuổi thơ vào những trò chơi games bạo lực
Cha mẹ buồn thầy cô có vui đâu

Nồi canh rầu vì bởi con sâu
Trường không bỏ
nhưng em phải ngồi với đàn em lớp dưới
Sẽ rất buồn nhưng em ơi còn cơ hội
Cơ hội là vàng em có biết không

Mắt phượng rung rung
Hạ còn mùi lòng
Lỡ một nhịp phải đánh thua bước
Vừa gặp cô em đã sướt mướt
Em đâu biết rằng cô đã khóc trước em.



Vụ tai nạn trên Đường Số 2

VOICU MIHNEA SIMANDAN

HÀ DUY AN dịch

"Mọi sự xảy ra vì một mục đích. Một vài chúng sanh được phép nhanh chóng rời khỏi cuộc đời. Có một bài học trong đó cho mọi người" Bethany Campbell².

Người đàn ông cúi xuống quan sát thi hài đã bị nghiền nát của đứa trẻ. Ông tự hỏi chẳng biết đứa bé là trai hay gái. Chỉ có ai đó đã biết đứa bé và biết hôm nay đứa bé ăn mặc như thế nào, ngay trước khi nó chạy ra đường, mới có thể xác định được giới tính của đứa trẻ. Trong hoàn cảnh hiện thời, với một người vừa mới bước ra khỏi chỗ ngồi trước tay lái của chiếc xe sau khi đụng phải một vật gì trên đường, điều đó chẳng thể nào xác định. Người đàn ông quá choáng váng đến nỗi không biết làm gì. Ông ta hy vọng mọi sự sẽ chấm dứt bằng cách chỉ nhìn trừng trừng vào tấm thân xác rách nát của đứa trẻ để rồi đứa bé lại đứng dậy và chạy qua phía bên kia con đường. Hoặc có thể hạnh phúc hơn nữa, ông hy vọng rằng ông sẽ tỉnh dậy từ một cơn ác mộng vừa diễn ra trên chính chiếc giường ngủ của mình, còn mình thì đang nằm bên cạnh bà vợ.

Nhưng chuyện này không phải là một giấc mơ. Ông cảm thấy đám khói dày đặc tràn vào mắt vào phổi mình, cái mùi cò khô bị đốt cháy đang xộc thẳng vào mũi khiến ông phải vội vàng giơ bàn tay phải lên bịt miệng bịt mũi. Bàn tay trái của ông đưa lên đầu nắm lấy chòm tóc đen dày trong một cảm giác hết sức hối hận và một tâm trạng hoang mang cực độ; cùng lúc, cổ tay ông che kín con mắt bên trái. Ông ước gì có thể nhắm cả hai con mắt lại, nhưng không thể được. Vũng máu đọng trên nền bê-tông mặt đường và đồng da thịt nhầy nhụa của thân thể đứa trẻ đã buộc con mắt phải của ông phải tập chú vào cái xác.

Đám khói cuộn cuộn quanh ông và quanh xác chết làm cho cái nhìn của ông nhòe nhoẹt. Ông vẫn còn đang đứng phía sau chiếc xe hơi của mình với cái đầu cúi xuống. Ông nghĩ rằng giá như mình dừng chạy xe quá nhanh thì có thể ông đã trông thấy đứa trẻ chạy ngang con đường. Nhưng vì ông đang chạy trên làn đường tốc độ cao cho nên ông phải lái xe với tốc độ cao. Lại nữa, ông không thể tin được rằng một chuyện nghiêm trọng như vậy lại có thể xảy ra với ông, nhất là lúc này khi mọi chuyện có vẻ như đang biến đổi theo chiều hướng tốt hơn trong cuộc đời của ông. "Điều này không phải là lỗi của tôi", ông bắt đầu nói thầm. "Tôi không thể thấy

được!". Ông tiếp tục ngâm nga những lời lẽ đó, cố gắng tự thuyết phục mình rằng, quả thật, đó không phải là lỗi của ông. Ông cúi xuống và ôm vào trong hai tay mình tấm thân xác bé bỏng của đứa trẻ vừa bị ông giết chết. Tấm thân quá mỏng manh, quá bé nhỏ, quá vô tội.

Thế rồi ông nghĩ rằng mình đã nghe được một tiếng rít đang tiến tới từ một chỗ nào đó ở phía sau con đường chính. Tiếng động quá sức chói chang làm đau tai ông khiến ông lập tức tỉnh thức từ giấc mơ mà ông đã chìm vào trong khoảnh khắc từ lúc ông dừng chiếc xe lại rồi chậm chậm bước ra khỏi xe để nhìn xem mình đã đâm phải cái gì. Bấy giờ ông hoàn toàn nhận thức được về cái xác chết đang nằm trên tay mình cũng như đám khói đang vây quanh ông, và cả tiếng rít đang tiến tới từ phía sau. Ông nhìn quanh nhưng không thấy một bóng người nào. Có thể cũng có một vài người bộ hành nhìn vào ông. "Không, điều này không thể như thế được. Sẽ có người đến để giúp mình ngay bây giờ đây thôi". Ông nhìn về phải rồi nhìn sang trái nhưng chỉ thấy khói và khói. Thế rồi ông nhìn lên trời cao và nghĩ rằng mình có thể nhận biết được màu xanh của bầu trời. Không một chiếc xe chạy ngang qua, không có một đứa trẻ nào khác chạy băng đường. Ông hoàn toàn cô độc.

Ông đặt cái xác không hồn trở lại trên mặt đường và nhìn lần cuối vào thân xác đứa trẻ, nằm dài ra trên mặt đường. Thế rồi ông một lần nữa thì thầm với chính mình, "Đây không phải là lỗi của tôi". Đặt bàn tay trái lên tay nắm mở cửa xe, ông chần chừ. Chỉ một giây thôi. Tay phải của ông vẫn còn che miệng che mũi. Ông mở hãm của xe, khởi động máy, thắt dây an toàn, nhả thắng tay, và nhấn mạnh chân vào cần ga để lao nhanh ra khỏi hiện trường.

Trước vụ tai nạn, Thanapol Somchai đang lái xe về nhà ở Bangkok từ một khu nghỉ mát ở Khao Yai³. Cuộc gặp gỡ bàn bạc công việc làm ăn đã diễn ra thật tốt đẹp. Ông nghĩ, cuối cùng, sau gần nửa năm cật lực làm việc để duy trì hoạt động của công ty, bây giờ ông đã thành công trong việc giành được một hợp đồng tuyệt vời với một chuỗi các khách sạn và khu nghỉ mát, tất cả đều thuộc tỉnh Nakhorn Ratchasima. Ông không thể mong ước điều gì lớn lao hơn nữa trong đời. Vợ ông ta vừa mới thì



thăm với ông, ngay trước khi ông rời nhà để thực hiện chuyến đi làm ăn kéo dài hai ngày này, rằng nàng vừa có thai. Họ đã có một đứa con trai hai tuổi, nhưng ông luôn luôn ao ước có được một đứa con gái.

* * *

Suốt dọc con đường từ Bangkok đến khu nghỉ mát nơi diễn ra cuộc gặp gỡ với những người chủ của nhóm khách sạn, ông liên tục lầm nhảm những lời cầu nguyện hướng đến Đức Phật. Ông còn dừng lại ngôi chùa ở Saraburi nơi bức tranh vẽ dấu chân của Đức

Phật được chiêm bái ít nhất mỗi năm một lần bởi tất cả những người Thái mộ đạo. Đã lâu rồi ông chưa đến được nơi này nên ông đã quyết định thực hiện một chuyến thăm viếng chớp nhoáng. Ông đã vào đánh lễ các vị đại sư, cúng dường một khoản tiền lớn, và hy vọng rằng vận may của ông đang bắt đầu vận hành.

Và quả thật, vận may của ông đã đến. Những người chủ hệ thống khách sạn đã có ấn tượng về những điều ông trình bày và chấp nhận giao cho công ty ông độc quyền quảng bá hoạt động du lịch của hệ thống này trên tất cả những tỉnh thành lớn của vương quốc. Vào



ngày thứ hai của cuộc gặp gỡ, họ ký tất cả các hợp đồng, và ông đang trên đường trở về nhà với một trị giá hai triệu rưỡi đơn vị tiền Thái những đơn đặt hàng để thực hiện. Trong xe, ông nói lỏng nút thắt cà vạt, quăng chiếc áo vét ra băng ghế phía sau, và ấn định tốc độ cho chuyến đi của mình ở mức 140 cây số một giờ. Ông muốn về đến nhà càng sớm càng tốt và đích thân báo tin vui cho vợ. Trước khi rời khu nghỉ mát, ông đã gọi điện thoại cho nàng, nhưng ông đã tránh né đề cập đến chi tiết cuộc thảo luận đã được thỏa thuận và ký kết. Ông chỉ bảo nàng chuẩn bị một món gì đó đặc biệt cho bữa tối và chờ ông trở về. Sẽ là một bữa tối tuyệt vời, cho cả hai người khi kết thúc trong vòng tay của nhau và về lên giấc mơ tươi sáng cho tương lai của con cái, trong viễn tượng của một gia đình hài hòa và hạnh phúc.

Tuy nhiên, những kế hoạch ấy nay đã bị đảo lộn một cách đầy bi kịch. Ông đang bay ra khỏi hiện trường của một vụ tai nạn ở đó một đứa trẻ đã chết, bị nghiền nát thành một hình hài không còn có thể nhận biết được bởi sức mạnh của chính chiếc xe của ông. Ông chẳng còn là một doanh nhân đang lên, sắp sửa làm cha của hai đứa trẻ, mà lại là tội phạm của một vụ ngộ sát, hoặc tệ hơn nữa, có thể bị kết tội là kẻ sát nhân. “Đó không phải là lỗi của tôi! Ông tiếp tục lặp lại, như thể đọc một câu kệ trong kinh Phật.

Ông phải làm một việc gì đó với chiếc xe của mình. Với tấm kính chắn gió bị rạn vỡ lấm tấm những giọt máu và thanh cản bùn phía trước bị móp méo, ông đứng là mục tiêu dễ nhắm tới của cảnh sát giao thông. Nhưng ông biết mình phải làm gì. Ông lái xe rời con đường chính, tìm vào một con đường nhánh vắng vẻ, rồi với nước uống mang theo sẵn trong xe khi bắt đầu cuộc hành trình, ông rửa sạch những vết máu trên tấm kính chắn gió. Bảy giờ, với một trong những dấu hiệu nhận dạng đã bị xóa bỏ, ông trở lại con đường chính và lái xe từ từ cho đến khi vào tới vùng ngoại ô Bangkok. Một khi ông đã ở đó rồi, ông liền đạp mạnh vào chân ga để tăng tốc chiếc xe và liêu lĩnh lái xe lọt vào một cái mương để tạo cơ hội cho tấm kính chắn gió bị rạn và thanh chắn bùn phía trước bị móp méo. Khi hoàn hồn sau vụ va chạm, ông cảm thấy đau ở trán. Nhìn vào kính chiếu hậu, ông thấy một dòng máu đỏ đang rịn ra dọc theo văng trán.

Ông lao đảo bước ra khỏi xe, leo lên khỏi cái mương, đến ngồi trên mép cỏ và chờ có ai đó đi qua để mà kêu cứu. Để hướng sự chú ý của người đi đường vào mình mà không quan tâm đến chiếc xe, vì sợ rằng ai đó có thể nói rằng ông đã có mặt trong một tai nạn khác trước khi lao xe xuống mương, ông để mặc cho dòng máu chảy ròng ròng xuống mũi và nhỏ giọt vào lòng. Cảnh sát giao thông, xe cứu thương, và cả người đại lý bảo hiểm của ông nhanh chóng có mặt. Sau khi cảnh sát đã kéo được chiếc xe của ông lên mặt đường, sau khi nhân viên cứu thương đã băng bó cho ông, và sau khi nhân viên đại lý bảo hiểm đã chụp xong những tấm

ảnh thích hợp về hiện trường của vụ tai nạn, Thanapol khăng khăng đòi tự lái xe về nhà.

“Tôi không sao! Tôi không sao”, ông liên tục khẳng định với bất kỳ ai cố thuyết phục ông nên đến thẳng bệnh viện trước và để mặc cho ai đó đưa chiếc xe của ông đến xưởng sửa chữa.

“Không! Không! Tôi phải về thẳng nhà. Vợ tôi đang chờ tôi. Cô ấy đang có mang một đứa con của tôi!”.

Người ta để cho ông đi và ông về đến nhà một tiếng đồng hồ sau. Vợ ông đang ngồi trước ngưỡng cửa, trong khi đứa con trai bé nhỏ của ông đang chơi đùa trên bãi cỏ trước mặt nàng. Ông quyết định sẽ không bao giờ nói cho vợ biết về vụ đứa trẻ đã chết. Không bao giờ. Mãi mãi.

Khi ông đậu xe trước cửa nhà, ông lại nghe một tiếng rú rít khủng khiếp. Lần này, tiếng rít còn chói tai hơn lần cuối cùng ông đã nghe. Một cơn đau thắt ngang ngực khiến ông thở hết sức khó khăn. Tiếng rú rít dừng với một tiếng huých nặng nề và ông cảm thấy có một cái gì thật nặng đè lên ngực. Thế rồi tất cả tối sầm lại và hoàn toàn im lặng.

* * *

Viên sĩ quan cảnh sát có mặt trước nhất tại hiện trường tai nạn vừa kết thúc bản báo cáo được đánh máy. Bản báo cáo viết: “Do tầm nhìn kém gây nên bởi khói đốt cỏ, Thanapol Somchai cán lên người em bé Pareena Nartaporn, một bé gái chín tuổi đang băng ngang qua đường. Hoảng hốt, Thanapol Somchai bước ra khỏi xe và bế em bé lên trên đôi tay. Cùng lúc đó, một chiếc xe tải đâm vào người đàn ông đang bế đứa bé, kẹp cả hai người vào thân sau chiếc xe liên quan đến tai nạn đầu tiên. Thanapol Somchai chết tại chỗ”.

Chú thích:

1. Đường số 2 là một con đường chính dẫn từ khu Đông bắc Thái Lan về Bangkok.

2. *Bethany Campbell* là bút danh của Sally McCluskey, một nhà văn Hoa Kỳ đang giảng dạy tại Eastern Illinois University, đã xuất bản nhiều tác phẩm, giành nhiều giải thưởng văn chương vùng Bắc Mỹ.

3. *Khao Yai* là một khu vườn quốc gia của Thái, nằm trong địa phận của các tỉnh Nakhon Ratchasima, Saraburi, Prachinburi, Nakhon Nayok, thuộc vùng Đông bắc Thái Lan.

Voicu Mihnea Simandan là một nhà giáo dục, nhà văn và là một ký giả tự do người Romania (Lỗ Ma Ni) đến sinh sống và làm việc tại Thái Lan từ năm 2002. Ông đã xuất bản nhiều tập sách mang tính giáo dục. Tiểu thuyết *The Buddha Head* của ông là một tập truyện đã sử sinh động liên quan đến các tranh chấp trong vùng Đông Nam Á vào thế kỷ thứ 18.

Nguồn: An Accident on Route 2, trích từ 2010 New Asian Writing Short Story Anthology. ■



La lả cánh cò

LÊ THỊ CHÂN TỬ

Cò không phải là giống chim quý nhưng là một sinh vật đẹp. Màu lông trắng toát, tinh khiết và cả cái dáng gầy gầy mới thanh thoát làm sao! Người ta yêu cò, cho dù không phải là trợ thủ đắc lực như trâu, nó vẫn là hình ảnh thân thiết, gần gũi với ruộng đồng. Cò đi vào thơ ca, nhạc, họa. Ai là người Việt mà chẳng có lần ngâm nga một vài câu ca dao để cảm thông với số phận hẩm hiu và khát vọng sống thanh cao của người nông dân qua hình tượng con cò.

Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.

Ông ơi! Ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

Có khi cò là biểu tượng cho người phụ nữ nông dân xưa, tảo tần, chịu thương, chịu khó.

Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo nuôi chồng, tiếng khóc nỉ non...

Cò trong thơ Nguyễn Đình Thi là hình ảnh đẹp về một đất nước thanh bình trong nỗi khát khao của người chiến sĩ cách mạng.

Việt Nam đất nước ta ơi!

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mù che đỉnh Trường Sơn sớm chiều...

(Việt Nam đất nước ta)

Cò trong bài hát Cò lả, với âm điệu du dương gần gũi với một thời thơ ấu. "Con cò... là cò bay lả... là bay lả... bay qua là qua ruộng lúa... bay về là về đồng xanh...". Đến nay, hình ảnh con cò lại đi vào những bài hát thuộc dòng dân gian đương đại như bài "Con cò" mà ca sĩ trẻ Tùng Dương trình bày đầy ngẫu hứng và rất thành công. Một bức tranh thủy mặc với vài nét chấm phá: cây tre thanh mảnh, vắng trắng, con cò xoải cánh bay... Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ gợi lên hồn quê Việt. Quê hương và những cánh cò trở thành nỗi nhớ quay quắt,



thường trực trong lòng những người con xa xứ, vời vời nghìn trùng... Và đâu chỉ có người xa quê mới thế. Trên con đường thiên lý Bắc-Nam cùng với đoàn tàu xuyên Việt, tôi ngắm làng mạc, thôn xóm lướt nhanh ngoài ô cửa. ... Những mái nhà lúp xúp sau vườn cây. Bờ tre, cánh đồng nối tiếp nhau... Người nông dân bên những luống cày. Đàn cò trắng đứng yên nổi bật trên màu mạ xanh thì con gái... Giản dị chỉ có thế. Quen mà lạ. Mỗi lần thấy lại vẫn mang đến cho tôi nhiều cảm xúc bồi hồi vì đó là làng quê Việt thân thương tự bao đời.

Vừa mới đây, thật tình cờ, tôi được xem hai phóng sự trên truyền hình. Phóng sự đầu tiên nói về Đảo cò ở xã Chi Lăng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải dương. Có một hòn đảo là nơi sinh sống của cò và vạc được người dân địa phương bảo vệ. Không những việc săn, bắt bị cấm tuyệt đối mà sau những trận bão, cây ngã được dựng lên, tổ cò được làm lại, trứng cò còn nguyên được trả về ổ. Cảm động nhất vẫn là những hình ảnh được quay cận cảnh. Bàn tay đen, thô ráp, sần chai của người nông dân ủ ấm cho những chú cò con chỉ mới nhú lông tơ rồi trả chúng về tổ. Chỉ chừng ấy thôi, cũng đủ gây cho người xem một ấn tượng mạnh. Hành động và cử chỉ ấy chỉ có thể xuất phát từ một trái tim từ bi, không phân biệt. Lũ cò con yếu ớt kia là những sinh linh tội nghiệp, chúng cũng cần được yêu thương và bảo vệ.

Rồi vào ngày 21-10-2011, cũng thật tình cờ, tôi được xem một phóng sự khác về cò trên chương trình "Điểm hẹn Văn hóa". Lần này nói về Vườn cò ở xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Vườn cò ở đây có diện tích khoảng 10 hecta, được quy hoạch thành một khu du lịch sinh thái. Thời gian gần đây đàn cò bị một số người dùng súng và một số phương tiện khác săn, bắt. Người làm phóng sự thật tài tình ghi lại được hình ảnh những họng súng đen ngòm như trong phim hình sự của Mỹ. Lông tơ tả, cánh xụi, thân cò vắt vẻo ngang, dọc trên các cành cây. Xác cò nổi lênh bênh trên mặt nước... Người ta phỏng vấn một viên chức địa phương về biện pháp ngăn chặn. Vị ấy cho biết phải xin quy hoạch di dời xa hơn khu công nghiệp và dân cư gần đó. Chờ cho một dự án được phê duyệt rồi thì hành phải kéo dài bao lâu? Trong thời gian đó, đàn cò vô tội tiếp tục bị xâm hại vì sự vô ý thức và thói tham lam của con người!

Tôi không biết thịt cò có ngon không và giá một con cò trong thời điểm hiện tại là bao nhiêu? Nhưng nếu là người nông dân ai nỡ vật lông, xẻ thịt những sinh vật đẹp vốn gắn bó với mình như thế. Nhưng mà... tôi rừng mình khi liên tưởng đến xâu dài những con chim đủ loại, to có, nhỏ có, bị vật trụi lông, lông lảng trên chiếc sào dài hay nhồi nhét trong những rổ lớn... Người bán chào mời đơn đả tô điểm cho món hàng. Cũng phải có người mua người ta mới bán chứ. Cứ xào, nấu, cho gia vị vào, thêm chút cay cay... Chén chú, chén anh là xong hết! Rồi hình ảnh những con gấu quần quai, kêu la đau đớn vì bị rút mật mặc dầu người ta đã xác định



mật gấu chẳng có tác dụng gì trong việc chữa bệnh. Những quán thịt rừng chui đông nghẹt khách. Tâm lý con người vốn ham của lạ. Tôi nhớ mấy năm trước trong một chuyến du lịch cùng với cơ quan, một số khách chọn lọc được chiêu đãi một chầu thịt rừng ở một quán nhậu nổi tiếng xa tím trong hồ TL. Thuyền vừa ghé bến, bước lên bờ đã thấy một con voi bị xích lại ở một gốc cây gần đó. Da sần sùi, lở loét, ruồi nhặng bu vào vết thương vo ve... Một buổi chiều đãi thịnh soạn. Thịt rừng loại nào cũng có, được chế biến nhiều món lạ, có vẻ rất hợp với khẩu vị thực khách. Riêng tôi chẳng gặp được miếng nào vì bị ám ảnh bởi vẻ tang thương, đờ đẫn của chú voi già bị xích lại ngoài kia. Năm ngoái, một chú voi du lịch bị bắt cóc!!! Khi tìm thấy chỉ còn lại một đồng thịt đã thối rữa còn ngà thì bị cắt mất. Mới đây, báo chí loan tin giống tê giác Java, một loài thú quý hiếm tại Việt Nam, đã bị tuyệt chủng. Bộ xương của con tê giác cuối cùng được tìm thấy ở Vườn quốc gia Cát Tiên còn in dấu đạn. Và lẽ dĩ nhiên chiếc sừng quý giá đã bị cắt mất. Nhưng thế cũng chưa kinh ngạc và đau lòng bằng hình ảnh những đùi thịt tươi roi rói, còn nguyên cả lông (có lẽ để chứng minh một cách hùng hồn thịt rừng chính hiệu 100%) lủng lảng trong những quán hàng trên con đường lữ lượt đoàn người hành hương trong một lễ hội nổi tiếng vào bậc nhất: Lễ hội Chùa Hương!!!

Phóng sự một kết thúc bằng hình ảnh: người nông dân say ngắm đàn cò trong bóng hoàng hôn tuyệt đẹp. Bình an cho đàn cò và bình an trong cả tâm hồn con người. Phóng sự thứ hai cũng kết thúc gần tương tự như thế nhưng lại chưa thêm một lời bình luận làm người xem bất an và lo lắng. "Lợi dụng tập tính của cò là đứng yên thành bầy vào sáng sớm và chiều tối, bọn người săn cò đã thực hiện hành vi tàn sát và xem chừng như kết quả rất hữu hiệu". Tôi không nhớ đúng nguyên văn. Đại khái là thế...

Cũng là cuộc sống của đàn cò, hai địa phương Hải Dương và Bắc Ninh cũng chẳng xa nhau lắm. Nhưng sao sự việc diễn ra trái ngược thế nhỉ? Nhưng trên đời này thiếu chi những điều oái oăm, trái ngược. Suy cho cùng, sự trái ngược đó bắt nguồn từ cách ứng xử, từ ý thức của con người. Đức Phật chẳng đã dạy trong kinh *Pháp Cú* "Các pháp do ý dẫn đầu". Để biến đổi ý thức con người theo chiều hướng tốt cần đến giáo dục. Những gì xảy ra trong xã hội thời gian gần đây làm cho những ai có chút suy nghĩ không khỏi lo lắng, băn khoăn. Đã đến lúc phải có cái nhìn khác về quan điểm giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức, nhân cách. Bớt hô hào những điều xa vời, trừu tượng, chung chung mà hãy đặt nền tảng cho việc giáo dục đạo đức, nhân cách cho trẻ em ngay từ đầu bằng những điều thiết thực, cụ thể. Bên cạnh việc giáo dục ý thức đấu tranh, hãy dạy cho thế hệ trẻ về lòng từ bi, sự khoan dung để có thể sống hòa hợp, thân thiện với đồng loại và môi trường. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

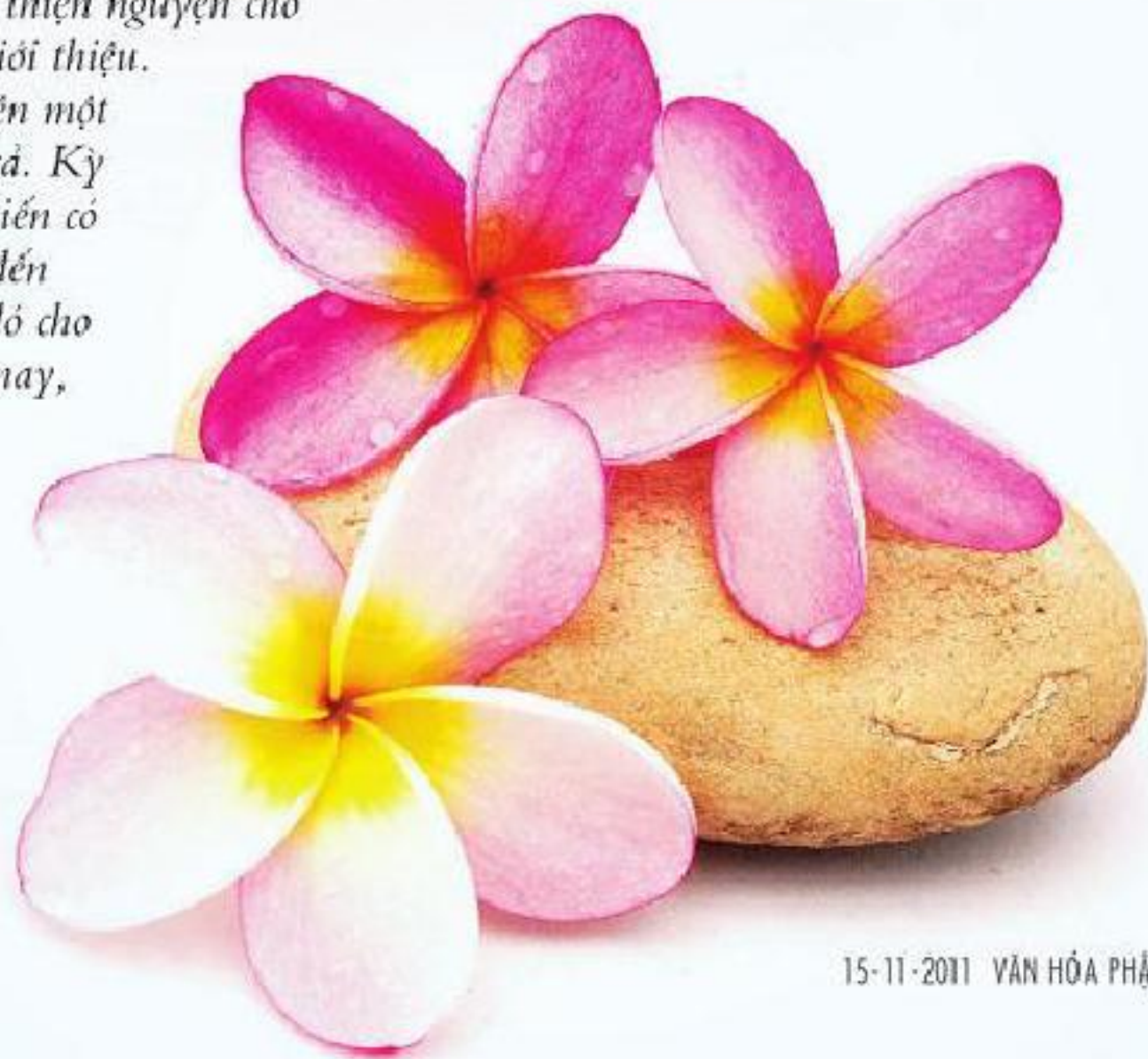
Hôm ấy là ngày thứ Tư, 26-10-2011. Đã qua sáu giờ chiều rồi mà con đường Cộng Hòa đoạn từ Lăng Cha Cả ra đường Trường Chinh chật cứng xe cộ. Tôi đi chiếc xe đạp mà nhiều lúc chỉ có thể nhích từng xăng-ti-mét một nếu không đứng chết tại chỗ. Vừa thấy phía trước có khoảng trống chừng một thân xe, tôi chưa kịp tiến tới thì phía sau một chiếc xe đạp điện của một cô bé học trò đã vượt qua mặt tôi một cách liều lĩnh khiến tay lái xe có ấy chạm vào tay lái xe tôi làm tôi loạng choạng. Tôi vừa hoàn hồn thì đã bị cô bé học trò quay lại mắng, “Có mắt không? Thấy người ta vượt lên sao không tránh?”. Thấy đứa bé vừa ẩu vừa hỗn, tôi nói, “Em ăn nói gì kỳ vậy, em đừng vào tới, tôi chưa nói gì mà em lại la tôi”. Cô học trò sừng cò, “Đồ mù mà còn lớn lối”. Tôi giận ứ gan, vừa định trả lời, thì có một chú lớn tuổi ở vị trí ngang hàng với tôi, nói nhỏ, “Một sự nhịn là chín sự lành, cô ơi. Chấp trẻ con làm chi. Mình không dạy chúng được đâu, rồi lại ẩu đả đấy!”. Nghe vậy, tôi giật mình nhớ lại những mẩu tin về việc chỉ có một chút va quẹt mà xảy ra án mạng vẫn đăng đầy trên các báo, bèn cố nén giận, lặng im. Dù tôi không nói gì nữa, cô học trò vẫn hàm hăm. Không để ý, lát sau tôi thấy có một cái bánh xe húc vào chân tôi. Ngoái nhìn, hóa ra cô bé đã tìm cách lùi lại sau xe tôi để cố tình gây sự. Đã có định ý, tôi phớt lờ và tìm cách lách vào sát lề, rồi khi thấy có một con đường nhánh, tôi cho xe quẹo phải tìm lối khác. Ra khỏi chỗ kẹt xe, tôi đứng chờ một lát cho thanh thân mà tìm vẫn còn đập thình thịch. Đang suy nghĩ, tôi thấy chiếc xe đạp điện của cô bé cũng quẹo theo và tiến lại phía tôi. Tôi sững người, phải chăng cô bé này theo tôi vào đây gây sự? Nhưng không, cô bé đến gần, lí nhí xin lỗi. Tôi thở phào! Viết lại chuyện này, tôi xin cảm ơn lời cảnh giác kịp thời của người bạn đường bạn này, giúp tôi bình tĩnh, nhờ đó cảm hóa được cô bé hơi hung hăng; mặt khác, cũng để chia sẻ với mọi người, nên phớt lờ mọi chuyện bất bình nếu lỡ gặp những va chạm nhỏ lúc đi đường để tránh những hậu quả không hay có thể xảy ra.

Nguyễn Thị Thảo Hòa, quận 12, TP.HCM

Có ruột tôi vào Sài Gòn giúp việc nhà đã lâu, là người Huế, nhưng lại thân với mấy người bạn trong nhóm đồng hương Quảng Ngãi, biết nhiều chỗ làm, đã hướng dẫn tôi vào Sài Gòn làm việc nhà cho một gia đình có tâm, trả cho tôi một mức lương tuy khiêm tốn nhưng cho tôi ăn ở với gia đình nên tôi cũng có thể gửi tiền về nhà quê giúp các em học hành. Không may, chỉ sau một tuần làm việc, tôi bị chứng đau bụng không biết do bệnh gì tái phát hành hạ, đến mức phải bỏ việc. Thông cảm hoàn cảnh, nhà chủ vẫn trả cho tôi nửa tháng lương. Tôi được có ruột đón về chỗ có đang ở thuê và vô tình trở thành gánh nặng của cô. Nhân ở Sài Gòn, có tôi bắt tôi phải đi khám bệnh khiến tôi biết được rằng mình bị viêm đại tràng mãn tính cần phải điều trị lâu dài. Điều đó khiến tôi càng suy sụp. Trong thời gian ở nhà cô, mấy người trong nhóm bạn đồng hương Quảng Ngãi của cô tôi thấy vậy, khuyên tôi, khi nào không bị đau đớn lắm thì nên đến làm việc thiện nguyện cho một tổ chức giúp đỡ bệnh nhân nghèo, họ giới thiệu.

Thật là lạ, khi tôi đến làm việc thiện nguyện một thời gian, tôi không cảm thấy đau đớn chi cả. Kỳ diệu hơn nữa, có người biết bệnh của tôi khiến có hai vợ chồng một nhà hảo tâm nào đó khi đến cùng đường đã ngang qua tổ chức từ thiện đó cho riêng tôi một khoản tiền để trị bệnh. Hiện nay, bệnh tình của tôi đã thuyên giảm, tôi đã kiếm được việc làm để giúp đỡ gia đình, và giờ rảnh thì tôi tích cực đến làm việc thiện nguyện. Tôi chân thành cảm ơn những mối duyên kỳ lạ, nhất là với hai ông bà hảo tâm ẩn danh, đã đem lại cho tôi cuộc sống có ý nghĩa.

Nguyễn Thị Hương, quận Bình Tân, TP.HCM



Rong biển rang

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Rong biển tẩm ướp kiệu, gừng và gia vị rồi rang giòn lên, làm món mặn ăn kèm với cơm hoặc xôi rất ngon.

Rong biển khô bán ở thị trường phần nhiều có xuất xứ từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... Tuy nhiên loại rong biển còn gọi là mứt mọc nhiều ở các gành biển Nam Trung Bộ nước ta được cho là loại rong chứa nhiều dinh dưỡng, thơm vị biển, giòn và ngon nhất ...

Nguyên liệu:

Rong biển khô: 50gr
Gừng: 10gr

Củ kiệu khô: 5gr
Thân boa-rô: 1 khúc

Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Rong biển: xé miếng nhỏ, phơi khô, giữ nhiều lần cho thật sạch cát

- Gừng : gọt vỏ, băm nhỏ

- Kiệu: lột vỏ, băm nhỏ

Ướp rong biển với gừng, kiệu băm nhỏ, 1 muỗng cà phê nước tương, 1/3 muỗng cà phê đường, 1/4 muỗng tiêu và 1 muỗng cà phê dầu ăn phi thơm với boa-rô để một lúc cho thấm.

Bắc chảo nóng, tráng sơ dầu cho láng. Bỏ rong biển đã ướp vào rang từng ít một với lửa nhỏ cho đến lúc rong khô giòn là được.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp 0768A70A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Môi, P. Phú Thuận, Q. 7



Cao huyết áp & đột quỵ

ThS.BS NGUYỄN HUY THẮNG

Đột quỵ là gì?

Đột quỵ, hay còn gọi là tai biến mạch máu não, xảy ra khi một phần của não bộ bị tổn thương vì mất đi nguồn nuôi dưỡng, nguyên nhân là do dòng máu đang chuyển chở oxy và các chất dinh dưỡng khác cho não bộ bị tắc nghẽn (gây thiếu máu não), hoặc do mạch máu bị vỡ đột ngột (gây xuất huyết hay chảy máu trong não). Khi dòng máu không thể đi đến não, các tế bào não sẽ ở trong tình trạng thiếu máu, không thể hoạt động được nữa, sau đó bị hoại tử và chết đi nếu như sự cung cấp máu cho não không được phục hồi.

Đột quỵ, bao gồm hai thể chính: thiếu máu não và xuất huyết não, tùy thuộc vào việc mạch máu bị tắc nghẽn hay bị vỡ gây chảy máu.

Các yếu tố nguy cơ của đột quỵ?

Có nhiều yếu tố nguy cơ có thể gây ra đột quỵ. Ngoài một vài yếu tố như: tuổi, giới tính, tiền sử trong gia đình có người bị đột quỵ..., còn lại là các yếu tố mà chúng ta có thể kiểm soát được để giảm các nguy cơ bị đột quỵ. Các yếu tố này bao gồm:

- Tăng huyết áp (là yếu tố có vai trò quan trọng nhất)
- Tăng cholesterol máu
- Béo phì
- Nghiện rượu
- Hút thuốc lá
- Đái tháo đường
- Rung nhĩ
- Sử dụng thuốc ngừa thai.

Thông thường, bệnh nhân có thể có một hoặc nhiều các yếu tố nguy cơ trên, khi có càng nhiều các yếu tố nguy cơ, khả năng mắc phải đột quỵ càng cao. Ngược lại, việc kiểm soát các yếu tố nguy cơ càng tốt, khả năng bị đột quỵ sẽ càng thấp.

Huyết áp là gì?

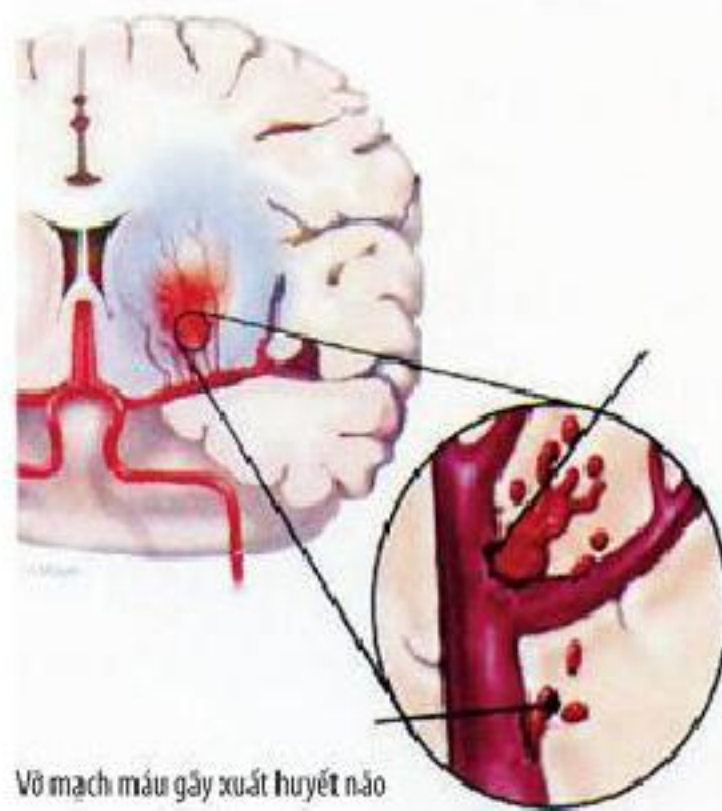
Huyết áp chính là áp lực của dòng máu lên thành mạch khi máu chuyển động trong cơ thể. Huyết áp của chúng ta được biểu thị bằng hai trị số huyết áp tâm thu (hay còn gọi là huyết áp tối đa) và huyết áp tâm trương (hay còn gọi là huyết áp tối thiểu). Ví dụ như, nếu chúng ta có huyết áp là 120/80 mmHg, điều đó có nghĩa:

120 là chỉ số huyết áp tâm thu, biểu thị áp lực của dòng máu lên thành mạch máu khi tim bơm máu.

80 là chỉ số huyết áp tâm trương, biểu thị áp lực của dòng máu lên thành mạch máu khi tim nghỉ ngơi giữa các nhịp đập của tim.

Nếu huyết áp thường xuyên có trị số bằng hoặc cao hơn 140/90 mmHg, điều này có nghĩa là cô bác đã bị “tăng huyết áp”

Xin lưu ý rằng chỉ số huyết áp của các cô bác thường xuyên thay đổi trong ngày, cô bác nên đo lại huyết áp nhiều lần và phải nghỉ ngơi ít nhất 20 phút trước khi đo. Có nhiều loại máy đo huyết áp khác nhau. Cô bác có thể sử dụng các loại máy đo huyết áp tự động tại nhà.



Vỡ mạch máu gây xuất huyết não

Khi huyết áp thường xuyên cao hơn 140/90 mmHg, cô bác nên gặp bác sĩ để được tư vấn.

Tại sao huyết áp cao lại là vấn đề cần phải lưu tâm?

Các bác sĩ thường gọi tăng huyết áp là “**kẻ giết người thầm lặng**” bởi vì người bị huyết áp cao có thể không có các dấu hiệu cảnh báo. Điều này thường làm cho các cô bác có tâm lý chủ quan, cho rằng mình đang hoàn toàn khỏe mạnh và không cần điều trị. Khi không được điều trị thường xuyên và theo dõi hàng ngày, tình trạng tăng huyết áp có thể gây ra các hậu quả nghiêm trọng như đột quỵ, nhồi máu cơ tim và suy thận.

Tại sao tăng huyết áp có thể gây ra hậu quả có hại cho sức khỏe và cuối cùng dẫn đến đột quỵ?

Tăng huyết áp tạo ra sức ép lên thành mạch máu, làm cho mạch máu trở nên dày thêm và dễ vỡ, cuối cùng dẫn đến đột quỵ. Tăng huyết áp có thể thúc đẩy các bệnh lý tim mạch tiến triển, có thể dẫn đến đột quỵ sau đó.

Tăng huyết áp cũng có thể tạo ra cục máu đông hay mảng xơ vữa làm vỡ thành động mạch và tắc động mạch não gây đột quỵ.

Đối với các cô bác đã bị đột quỵ hoặc thiếu máu não thoáng qua.

Nguy cơ đột quỵ cao nhất xảy ra ở những người có đồng thời nhiều yếu tố nguy cơ, đặc biệt đối với các cô bác đã từng có những cơn thiếu máu não thoáng qua, đột quỵ hoặc nhồi máu cơ tim. Trong phần lớn các trường hợp, huyết áp của cô bác cần được duy trì ở dưới mức 140/90 mmHg ($\leq 135/85$ mmHg). Việc giữ ổn định huyết áp ở mức độ này sẽ làm giảm nguy cơ đột quỵ tái phát cũng như làm giảm các biến cố tim mạch khác.

Đối với các cô bác có kèm theo bệnh đái tháo đường, mức huyết áp nên được duy trì thấp hơn 130/85 mmHg ($\leq 125/80$ mmHg).

Thay đổi lối sống có thể làm giảm huyết áp và nguy cơ đột quỵ.

Việc thay đổi lối sống cũng có thể làm giảm mức huyết áp và nguy cơ đột quỵ. Một số cô bác bị tăng huyết áp ở mức độ nhẹ, có thể kiểm soát huyết áp bằng việc thay đổi lối sống lành mạnh.

Vài điều đơn giản cần nhớ sẽ giúp giảm huyết áp của bạn:

- **Giảm muối:** Hạn chế dùng các thức ăn mua bên ngoài và không dùng thêm muối trong các bữa ăn (ví dụ như chấm thức ăn với muối hay nước mắm).

- **Ăn uống lành mạnh:** Thường thức các loại thức ăn khác nhau, đặc biệt là thực phẩm từ thực vật bao gồm trái cây tươi, rau củ, bánh mì và ngũ cốc.

- **Hoạt động và tập thể dục đều đặn:** Ít nhất 30 phút vận động vừa phải hàng ngày trong tuần.

- **Hạn chế uống rượu:** Một lượng rượu vừa phải có thể làm giảm nguy cơ đột quỵ nhưng nếu uống nhiều sẽ có hại cho sức khỏe của bạn.

- **Tránh khói thuốc** (tránh ngồi gần người hút thuốc) và ngưng hút thuốc.

Cô bác cần phải biết chỉ số huyết áp của mình; xin lưu ý rằng: mức huyết áp càng thấp, nguy cơ mắc phải đột quỵ sẽ càng thấp.

Các thuốc điều trị tăng huyết áp:

Nếu cô bác bị tăng huyết áp, bác sĩ có thể sử dụng các loại thuốc điều trị hạ huyết áp. Có nhiều loại hạ huyết áp, bác sĩ có thể điều chỉnh liều thuốc hoặc phối hợp nhiều loại thuốc này để làm giảm huyết áp.

Một số điều cô bác cần lưu ý

Thuốc không thể chữa khỏi hoàn toàn bệnh tăng huyết áp, thuốc chỉ có thể giúp kiểm soát huyết áp, do vậy, trong hầu hết các trường hợp, cô bác cần sử dụng thuốc kiểm soát huyết áp thường xuyên và lâu dài.

Điều quan trọng là dùng đúng loại thuốc chỉ định. Không nên tự ý ngừng thuốc mà không hỏi ý kiến bác sĩ

Muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ: Thạc sĩ Bác sĩ Nguyễn Huy Thắng – Chuyên khoa Nội thần kinh, Khoa Bệnh lý Mạch máu não-Bệnh viện Nhân Dân 115. Liên hệ ngoài giờ: Phòng mạch số 77-79 Tôn Thất Hiệp, P.13, Q.11 – ĐT: 08.38581722.

Tài trợ trang này:



Nhà hàng chay Thái Lan
Hương Thiền
810 Trường Sơn, P.15, Q.10,
TP.HCM - ĐT: 08.3970.5471



Cửa hàng
Ngọc Bích Nephrite
359 Nguyễn Đình Chiểu, P.1, Q.3, TP.HCM.
ĐT: 08.5404.3752



TIN TỨC:

TẬP ĐOÀN HOA SEN nhận giải thưởng Bạch kim về chất lượng sản phẩm 2011

Tập đoàn Hoa Sen (Hoa Sen Group) được biết đến là một trong những tập đoàn hàng đầu về ngành Tôn của Việt Nam, trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ, các chủng loại thép định hình và sản phẩm ống nhựa. Trải qua hơn 10 năm hình thành, với những bước phát triển vượt trội, vốn điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen đã lên tới 1.008 tỷ đồng với gần 3.000 cán bộ công nhân viên. Điều này thể hiện qua con số doanh thu của Niên độ tài chính 2010 - 2011 là 8.250 tỷ đồng (tăng hơn 68% so với năm vừa qua).



Công nhân đóng gói sản phẩm xuất khẩu tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Tập đoàn Hoa Sen hiện chiếm 38% thị phần tôn thép trong nước và là doanh nghiệp xuất khẩu tôn đứng đầu Đông Nam Á. Sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đã xuất khẩu thành công vào thị trường như: Mỹ, Nhật Bản, Australia... là những thị trường đòi hỏi chất lượng cao nhất thế giới. Mỗi tháng Tập đoàn xuất khẩu trung bình khoảng 12 - 15 nghìn tấn sản phẩm, chiếm một phần tư tổng sản lượng tiêu thụ của Tập đoàn.

Thành quả trên được minh chứng là Tập đoàn Hoa Sen đã được Business Initiative Directions (B.I.D) - Spain bầu chọn và vinh dự được nhận giải **Bạch kim** về chất lượng quốc tế năm 2008; dành cho các doanh nghiệp trên thế giới có cam kết mạnh mẽ về chất lượng và xuất sắc trong đổi mới công nghệ.

Biểu tượng chất lượng của B.I.D có mặt tại 178 quốc gia trên thế giới, thiết lập một nền tảng bền vững cho việc triển khai quy trình quản lý tích hợp thông qua công nghệ và thủ tục về quản lý chất lượng tổng thể.

Năm 2011, là một trong doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục được B.I.D tổ chức, bầu chọn và trao tặng vinh dự này lần nữa. Buổi lễ trao giải đã được diễn ra trong Hội nghị: "Chất lượng quốc tế-WQC International Star Award" tại thủ đô Paris-Pháp, từ ngày 23-24/10/2011 vừa qua tại Khách sạn Concorde La Fayette. Sự kiện này với sự góp mặt của các doanh nghiệp có thương hiệu mạnh trên thế giới được trao **Giải vàng, Bạch kim và Kim cương**. Ngoài ra còn có các nhà lãnh đạo doanh nghiệp nổi tiếng, các chuyên gia về chất lượng, văn hóa, các quan chức ngoại giao, truyền thông...



Thay mặt cho Tập đoàn Hoa Sen, Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch HĐQT sẽ nhận giải **Bạch kim** về chất lượng quốc tế năm 2011

Giới thiệu TẬP ĐOÀN HOA SEN

Tập đoàn Hoa Sen (Hoa Sen Group) được biết đến là một trong những tập đoàn hàng đầu về ngành Tôn của Việt Nam, trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ, các chủng loại thép định hình và sản phẩm ống nhựa.

Trải qua hơn 10 năm hình thành, với những bước phát triển vượt trội, vốn điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen đã lên tới 1.008 tỷ đồng với gần 3.000 cán bộ công nhân viên. Điều này minh chứng qua con số doanh thu của Niên độ tài chính 2010 - 2011 là 8.250 tỷ đồng (tăng hơn 68% so với năm vừa qua)

Với định hướng trở thành một tập đoàn kinh tế đa ngành, Tập đoàn Hoa Sen không ngừng đầu tư và mở rộng các dây chuyền sản xuất, phát triển các sản phẩm mới; Hoàn thiện quy trình sản xuất và kinh doanh khép kín; Tập đoàn Hoa Sen hiện chiếm 38% thị phần tôn thép trong nước và là doanh nghiệp xuất khẩu tôn đứng đầu Đông Nam Á.

Tập đoàn Hoa Sen đang đẩy mạnh kênh xuất khẩu với sản lượng dồi dào bổ sung từ Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đã xuất khẩu thành công vào thị trường Mỹ, Nhật Bản, Australia là những thị trường khó tính nhất thế giới. Mỗi tháng Tập đoàn xuất khẩu trung bình khoảng 12- 15 nghìn tấn sản phẩm, chiếm một phần tư tổng sản lượng tiêu thụ của Tập đoàn. Nếu năng lực sản xuất tăng lên, Tập đoàn còn có thể xuất khẩu nhiều hơn. Hiện nay Tập đoàn Hoa Sen có ba dây chuyền sản xuất thép cán nguội với tổng công suất 580.000 t/năm, ba dây chuyền mạ kẽm và hợp kim nhôm kẽm theo công nghệ NOF công suất 600.000 t/năm, vì vậy Tập đoàn dự định đầu tư tiếp cho Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ để nâng công suất thép cán nguội của Tập đoàn lên 1,2 triệu tấn/năm và công suất mạ lên 1 triệu tấn/năm.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng, các quy trình sản xuất sản phẩm Tập đoàn Hoa Sen đều tuân thủ nghiêm ngặt theo các tiêu chuẩn Nhật Bản và Mỹ, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được công nhận bởi UKAS; ISO 14001:2004 & OHS AS18001:2007 được chứng nhận bởi BUREAU VERITAS.

Năm 2011, nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung vẫn còn khủng hoảng và đầy khó khăn, nhưng với nền tảng quản trị linh hoạt, giải pháp kịp thời đúng đắn, với thương hiệu mạnh, thân thiện, đặc biệt là lợi thế cạnh tranh về quy trình kinh doanh khép kín, có hệ thống phân phối trên 100 chi nhánh rộng khắp cả nước, với chất lượng sản phẩm như Tôn Hoa Sen, Thép dày mạ kẽm Hoa Sen, Ống nhựa Hoa Sen, Ống thép Hoa Sen vượt trội... đến nay, có thể khẳng định Tập đoàn Hoa Sen đã vượt qua khó khăn và phát triển một cách mạnh mẽ hơn

Tập đoàn Hoa Sen không ngừng nỗ lực vì mục tiêu hướng đến sự phát triển của cộng đồng. Đây là một động lực mạnh mẽ đã được khẳng định thông qua thị phần của Tập đoàn Hoa Sen trên thị trường và thiện cảm đối với thương hiệu Hoa Sen trong trái tim người tiêu dùng.

Tran Dinh Tai (Mr)

Marketing Dept. Hoa Sen Group

Email: tran.tai@hoasengroup.vn

Website: www.hoasengroup.vn

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH

KINH - LUẬT - LUẬN - SÁCH

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP

380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 48 32 26 - 38 48 33 00

VĂN PHÒNG CHÍNH TÁNG TRÉT THIỆN VIỆN QUẢNG ĐỨC

284 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 46 97 21 - 38 48 32 18



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

HÀNH HƯƠNG VỀ ĐẤT PHẬT

ẤN ĐỘ - NEPAL

(11 ngày)

khởi hành ngày 12/12/2011 (18/11 âm lịch)

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3
Email: ngocviet_travel@yahoo.com
Tel: (08) 38 48 33 88 - www.vietchay.vn

Vui lòng liên hệ: Đoàn Tấn - 0933 88 33 63

LỊCH CÁC BUỔI NÓI CHUYỆN

"CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG" (Quality of Life)

Tại Nhà hàng Chay MANDALA,
vào lúc 13h30 các ngày thứ 7:

12/11/2011 (17/10/ÂL) | 10/12/2011 (16/11/ÂL)
26/11/2011 (02/11/ÂL) | 24/12/2011 (30/11/ÂL)

Mỗi buổi nói chuyện sẽ có
một chủ đề thuyết giảng khác nhau

BUFFET CHAY & NGHE PHÁP

THỜI GIAN: 11h00 - 13h00: Buffet trưa
13h15 - 13h30: Ổn định chỗ ngồi
13h30 - 14h30: Nghe pháp
14h30 - 15h00: Vấn đáp



PHONG CÁCH TÂY TẠNG - HƯƠNG VỊ CHAY VIỆT

Vui lòng liên hệ đăng ký tham dự:

110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM
Tel: (08) 3926 0638
Email: veg.mandala@yahoo.com



TRUNG TÂM PHẬT NGỌC

94 Phan Đình Phùng, P.2, Q. Phú Nhuận - Tel: (08) 3990 3888 - 012345 80888

NHÀ CUNG CẤP SĨ

CÁC LOẠI VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Tranh tượng, đồ thờ cúng, kinh sách, băng đĩa, chuỗi hạt, pháp khí, pháp phục...



NGUỒN HÀNG:

- ẤN ĐỘ, NEPAL, BHUTAN, TÂY TẠNG
- TRUNG QUỐC, ĐÀI LOAN, THÁI LAN
- CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC
- TỔ IN ẤN THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HCM
- PHÁP PHỤC LAM HIỀN

PHÁP PHỤC LAM HIỀN®

Lam Hiền tòa sáng bước trang nghiêm...



Chư Tôn Đức đến thăm Xưởng may pháp phục
Lam Hiền ở Củ Chi

PHÂN PHỐI CÁC NƠI:

→ SIÊU THỊ PHÁP HOA

www.sieuthiphatgiaovn

CHÙA PHỔ QUANG

64/3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình
Tel: 3845 1828

→ CÁC CHI NHÁNH PHẬT NGỌC:

- 40 Củ Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
Đối diện QUÁN ÂM TỰ VIỆN
Tel: 3517 2828
- 711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM
Đối diện VIỆT NAM QUỐC TỰ
Tel: 397 97 168
- 110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM
Email: phatngoc68@yahoo.com
THẾ GIỚI PHẬT NGỌC - Tel: 3926 0637
- 38 Lão Tử, P.11, Q.5, TP.HCM
Bên cạnh CHÙA BÀ Q.5 (Hội Quán Ôn Lăng)
Tel: 3853 9328

→ CÁC PHÒNG PHÁT HÀNH KHÁC

Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM

VNPT Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



DIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH



INTERNET ADSL



DIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH KHÔNG DÂY



DIỆN THOẠI DI ĐỘNG VINAPHONE



INTERNET CÁP QUANG



TRUYỀN HÌNH INTERNET ĐỘ NÉT CAO

- Độ nét cao Full HD
- Kho phim truyện, ca nhạc khổng lồ
- Xem lại các chương trình truyền hình
- Nhiều tiện ích khác

DIỆN THOẠI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG (MIỄN PHÍ)

- Báo hỏng dịch vụ viễn thông VNPT (ĐT cố định, Gphone, ADSL, FTTH, HueTV, MyTV...) : **119** (gọi từ ĐT cố định)
: **054119** (gọi từ di động)
- Đăng ký hòa mạng, hỗ trợ khách hàng : **3999999 / 3555555**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ Vinaphone : **18001091 / 9191**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ internet : **18001260 / 61 / 62**



VNPT Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 142

Phát hành ngày 1 - 12 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG